

BÁCH KHOA

SỐ 85 — NGÀY 15.7.1960

KHẢO-LUẬN

- HOÀNG-MINH-TUYNH Ai sẽ đắc cử tổng-thống thứ 36 Hiệp-Chúng-Quốc (II).
- NGUYỄN-ANH-LINH Nguồn gốc tôn giáo (nhân đọc Hoàng-Trọng-Miên.
- PHẠM-HOÀNG Loài người với tiến-bộ vật-chất.
- BỬU-KẾ Ai đã xuyên-tạc lịch-sử khi viết giặc Chày Vôi (II).
- ĐOÀN-THÊM Một kẻ đầy mặc cảm.
- NGUYỄN-HIẾN-LÊ Nhân đọc cuốn « Văn-Học Việt-Nam » của Phạm-Văn-Điêu (II).
- NGUYỄN-TRẦN-HUÂN Thành-tích 50 năm khoa-học.
- BÙI-HỮU-SÙNG Phân tách « Nhạc Đế » của Đoàn-Thêm.
- NGUYỄN-HIẾN-LÊ Norbert Wiener.
- CÔ-LIÊU Gia-đình V. N.
- TRẦN-VĂN-KHÊ Thảo-luận về tùy hứng sáng-tác âm-nhạc tại nhạc hội Bath.

VĂN-NGHỆ — SINH-HOẠT

- HUY-LỰC Bài thơ chúng tôi.
- PHAN-VĂN-TẠO Cười nhạo.
- MỘNG-TRUNG Chiếc áo thương.
- MẶC-THU Màu thuốc lá.
- THU — THƯ — TRI — LAN Bìn-Rịn.
- ĐOÀN-THÊM Ăn hiện.
- GUY DE MAUPASSANT Bàn tay.
- HOÀNG-MINH-TRÍ (dịch)
- GIẢN-CHI — NGUYỄN-NGU-Í Họa thơ.
- VÂN-TRANG Giấc mộng xuân.

RƯỢU :— Rượu Âu mạnh

— Rượu Tàu

— Rượu Tàu

Eau de Vie cu " 40° và 50°

"Lào-Mạnh-Tửu"

"Tích-Thọ-Tửu"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh Bưởi

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm

Distarome

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE

**NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. »**

— Naturelle — Fougère

— D. I. C. 5 — Lavande

— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin đo :

↳ **NAM-PHÂN :**

HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)

135, đường Pasteur — SAIGON

↳ **TRUNG-PHAN :** CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ

(S.I.C.A.) — 32, Eến Bạch-Đằng — ĐÀ-NANG

HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ

6, đường Hàng-Hoa-Thám — NHA TRANG

THAN ĐÁ NÔNG-SƠN

Than đá Nông-Sơn là một nguồn lợi mới mẻ
tối quan-trọng cho nước nhà.

Dưới quyền điều khiển của kỹ-sư
và kỹ-thuật gia Việt-Nam, Nông-Sơn
tăng gia sản-xuất để góp phần
độc-lập kinh-tế.

Than nguyên khối đào ở mỏ năm
1956 chỉ có 2.104 tấn. Đến năm
1963 Nông-Sơn sẽ cung cấp
230.000 tấn, và số nhân-công từ
135 người sẽ lên đến 1.200 người.

Kỹ-nghệ mới này cũng như các
kỹ-nghệ khác đều cần đến dầu
để chạy máy và giữ-gìn dụng-cụ.



HÃNG DẦU STANVAC

góp phần khuếch-trương kỹ-nghệ

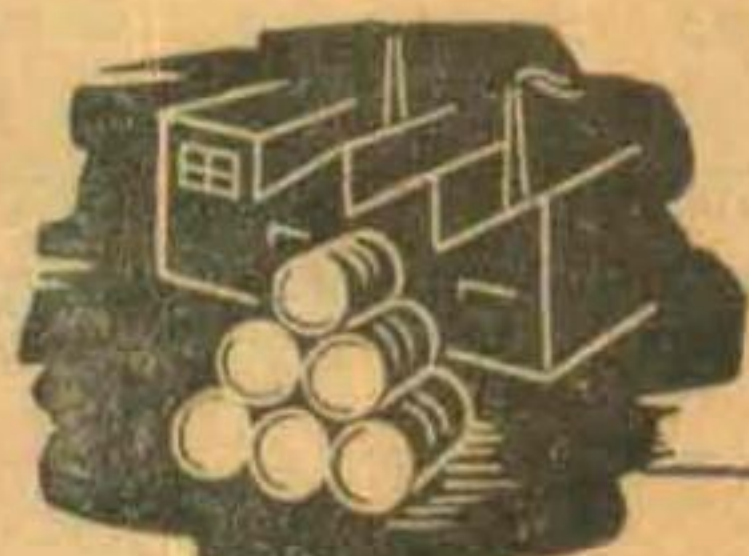
STANDARD VACUUM OIL COMPANY và các sản-phẩm MOBILGAS — MOBIL OIL — MOBIL DIESEL, v.v.



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



→ Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



→ Xà-bông nước hoá-học



→ Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



→ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



→ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy



DU - NGOẠN HUẾ VÀ ĐÀ - NẴNG

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

TỔ - CHỨC

NHỮNG CUỘC DU - NGOẠN CUỐI TUẦN
ĐI HUẾ VÀ ĐÀ - NẴNG

1) Du-ngoạn 2 ngày ở HUẾ

— Khởi-hành tại SAIGON mỗi sáng Thứ Bảy : 07g15

— Ở HUẾ trở về chiều Chúa - Nhật : 16g50

Giá tính chung **3.000\$** mỗi người

2) Du - ngoạn 3 ngày ở HUẾ và ĐÀ - NẴNG

— Khởi-hành tại SAIGON mỗi sáng Thứ Bảy : 07g15

— Ở ĐÀ - NẴNG trở về chiều Thứ Hai : 13g45

Giá tính chung **3.400\$** mỗi người

kể cả tiền vé phi - cơ khứ - hồi, ăn ở, du - ngoạn
có hướng - dẫn - viên.

Mỗi cuộc du - ngoạn cần số người dự ít lắm : 5 người

XIN HỎI CHI-TIẾT và LẤY VÉ NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. : 22.446-47, 21.624-25-26

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON
ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN:

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MÁY VIÊN ẮN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng.
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

PHÒNG

UỐN

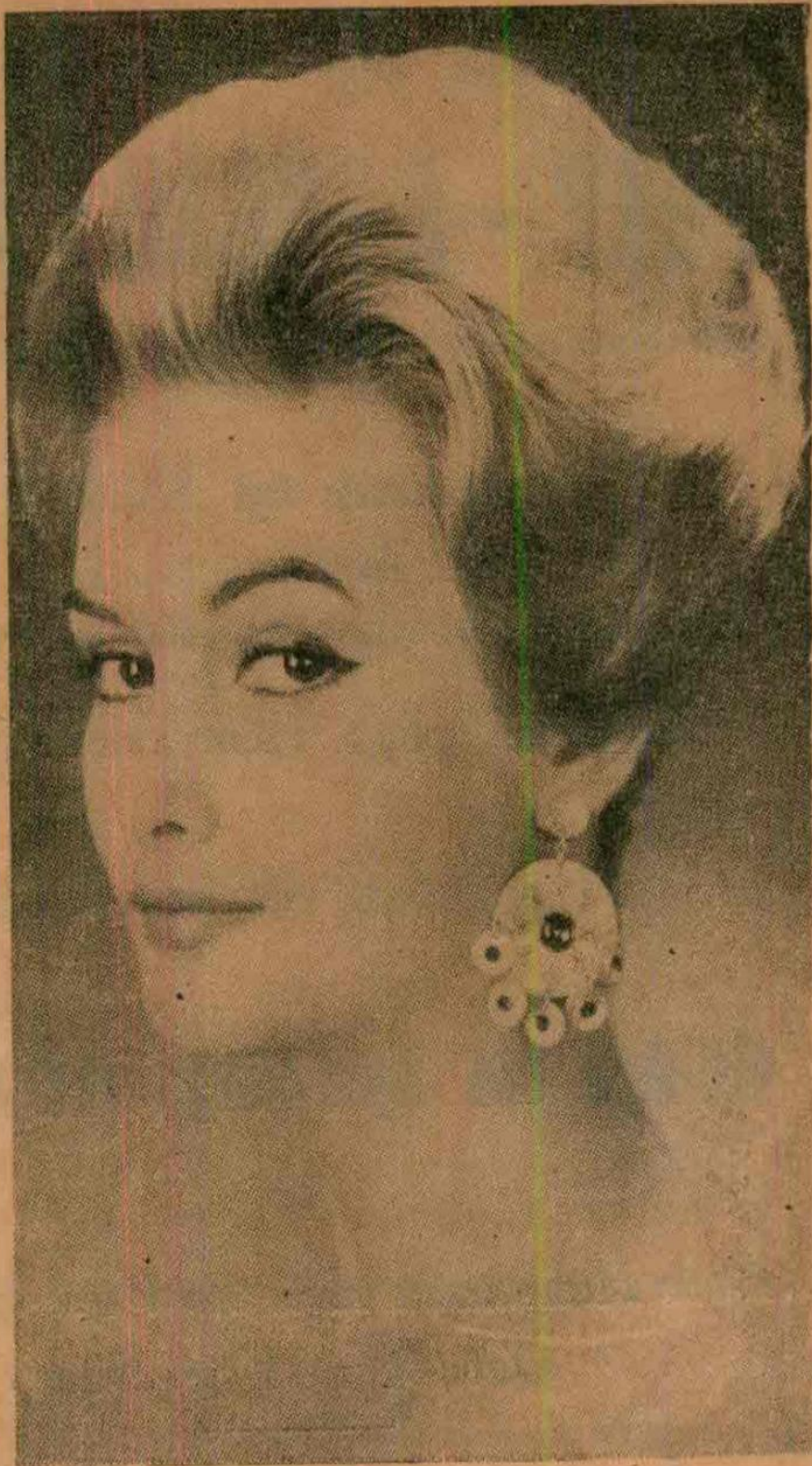
TÓC

★

SỬA

SẮC

ĐẸP



BẢO AN

213^D Tự Do
SAIGON

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á - NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 560.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân Hàng thừa nhận do Viện Hối Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

**Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng**

BÁCH-KHOA

Số 85 — Ngày 15.7.1960

	Trang
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Ai sẽ đắc thắng tổng thống thứ 36</i>
	<i>Hiệp-Chúng-Quốc</i> 3
NGUYỄN-ANH-LINH	<i>Nguồn gốc tôn-giáo (Nhân đạo</i>
	<i>Hoàng-Trọng-Miễn)</i> 9
PHẠM-HOÀNG	<i>Loài người với tiến-bộ vật-chất</i> 18
BỬU-KẾ	<i>Ai đã xuyên tạc lịch - sử khi viết</i>
	<i>giặc Chày Vôi</i> 19
ĐOÀN-THÊM	<i>Một kẻ đầy mặc cảm.</i> 26
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>Nhân đạo cuốn « Việt-Nam Văn-</i>
	<i>Học » của Phạm-Văn-Điêu (II)</i> 36
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	<i>Thành-tích 50 năm khoa-học</i> 43
BÙI-HỮU-SÙNG	<i>Phân tích «Nhạc Dế» của Đoàn-Thêm.</i> 49
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>Norbert Wiener.</i> 61
TRẦN-VĂN-KHÊ	<i>Thảo-luận về tùy hứng sáng-tác âm</i>
	<i>nhạc tại nhạc hội ở Bath</i> 69
CÔ-LIÊU	<i>Tình trạng gia-đình V.N.</i> 76
HUY-LỰC	<i>Bài thơ chúng tôi.</i> 79
PHAN-VĂN-TẠO	<i>Cãi nhau</i> 82
MỘNG-TRUNG	<i>Chiếc áo Thương.</i> 88
MẶC-THU	<i>Màu thuốc lá</i> 90
THU-THƯ-TRI-LAN	<i>Bịn Rịn</i> 91
ĐOÀN-THÊM	<i>Ăn hiện.</i> 93
GIẢN CHI — NGUYỄN-NGU-Í	<i>Họa Thơ</i> 94
GUY DE MAUPASSANT	<i>Bàn tay.</i> 95
HOÀNG-MINH-TRÍ (dịch)	
VÂN-TRANG	<i>Giấc mộng Xuân</i> 100

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HOÀNG-MINH-TUYNH : *At sẽ đặc-cử Tổng - thống Hiệp-Chúng-Quốc thứ 36 : Kennedy ?*
- ĐOÀN-THÊM : *Trang nhật ký.*
- BÙU-KẾ : *Một hạng người tàn theo một triều-đại.*
- NGUYỄN-HIỂN-LÊ : *Mustapha-Kémal.*
- H. Đ. : *Nghề xuất-bản vớt loại sách Tết cho thanh-thiếu-nhi bên Pháp.*
- NGUYỄN-VĂN-HẦU : *Thi ca và cuộc đời của nhà cách-mạng Nguyễn - Quang - Diêu*
- TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ : *Đôi nhận-xét về âm-điệu Vọng-cổ.*
- NGUYỄN-PHÚC-SA : *Thay thế người ngoại - quốc trong lãnh-vực kinh-lế.*
- CÔ-LIÊU : *Một vài nhận xét về gia - đình Việt-Nam.*
- NGUYỄN-VĂN-XUNG : *Vấn-đề phê-bình văn-học : Mồ xé tác-giả.*
- THIỆN-SINH : *Những trang sử phần-thư.*
- NGUYỄN-TRẦN-HUÂN : *Sống và di-truyền sự sống*
- NGỌC-SƯƠNG : *Một mầm non.*
- VÚ-HẠNH : *Vàng Hời (truyện ngắn).*
- XUÂN-TÙNG : *Trận banh đầu (truyện ngắn)*
- NGUYỄN-HIỂN-LÊ : *Mưa (truyện dịch)*
- NGUYỄN-VĂN-XUÂN : *Xóm mới (truyện ngắn)*
- PHAN-DU : *Hoàng « liên-sinh ». (truyện ngắn)*
- NGUYỄN-NGU-Í : *Bảy ngày chung sống với anh chị em sinh-viên trại Đạt-học Hè 1960 (hồi ký).*

Ai sẽ đắc cử Tổng-thống Hiệp-chúng-quốc thứ ba mươi sáu ?

CỘNG-HÒA HAY DÂN-CHỦ ?

TIN-LÀNH HAY CÔNG-GIAO ?

NIXON HAY KENNEDY ?

HOÀNG-MINH-TUYNH

Một tác-giả người Mỹ, ô. T. N. Davis, mới đây có cung cấp cho tạp chí Etudes một tài liệu khảo sát về chính tình Hiệp-chúng-quốc và không khí sôi nổi tại các tiểu bang nhân dịp bầu cử tổng thống vào tháng 11 năm nay.

Chúng tôi xin thuật lại dưới đây những đoạn chính để độc-giả Bách-Khoa có một ý niệm tổng quát mà rõ ràng về vấn đề phàm người có đôi chút quan tâm đến thời cuộc không thể bỏ qua. (Tài liệu đăng trong Tạp chí Etudes số tháng Năm 1960).

Những lý-do thường khiến
mùa tuyển cử Tổng thống Hiệp
Chung-Quốc trở nên náo-nhiệt.

NHỮNG người không am tường chính tình Hiệp-Chúng-Quốc thường không rõ vì sao mỗi lần tới kỳ tuyển cử Tổng-thống là dân chúng Mỹ có vẻ xôn xao, náo nức, bồn chồn, trí óc người nào cũng bận bịu về cuộc tuyển cử một cách hầu như quá đáng. Một phần, đó chỉ là vẻ bề ngoài. Bởi xa cách, cho nên người ta cũng dễ phóng đại và bóp méo thực trạng. Phần khác, đặc biệt năm nay, sự xôn xao, náo nức, bồn chồn của người dân Mỹ, trong kỳ tuyển cử Tổng-thống tới đây, quả có những lý do chính đáng. Đó là tại năm nay, nói theo công thức người Mỹ vẫn dùng, chính là « *Năm Tuyển-cử* ». Năm nào, vào tháng 11, tại Hiệp-Chúng-Quốc cũng có tuyển cử, nhưng « năm tuyển cử » bốn năm mới diễn lại một lần, và cái ngày « lộ thiên cơ », chính là ngày thứ ba, tháng 11, tức là ngày bầu hay tái bầu vị Tổng-thống Hiệp-Chúng-Quốc vậy.

Sau khi đã bầu tới ba mươi lăm vị Tổng-thống, người ta có thể nghĩ rằng người dân Mỹ đã quen thuộc với thể thức bầu Tổng-thống, và đáng lẽ họ có thể giữ được bình tĩnh dễ dàng mới phải.

Trái lại. Ngày nay, trách nhiệm của chức vị tổng thống đã trở nên lớn lao quá đổi ; mắt của toàn thể thế giới đều nhắm thẳng vào kết quả của cuộc tuyển cử tổng thống cứ bốn năm lại diễn ra một lần và mỗi lần diễn ra, lại trở thành một kinh nghiệm cực kỳ quan trọng cho người dân Mỹ.

Chính-thể của Hiệp-Chúng-Quốc điều hành xoay quanh ba chức vụ chủ yếu lồng vào với nhau và tùy thuộc nhau chặt chẽ ! Đó là ba ngành tư pháp, lập pháp (Thượng, Hạ nghị viện) và hành pháp. Năm mươi tiểu bang (Alaska và Hawai là hai tiểu bang cuối cùng mới sáp nhập) tự quản trị lấy công việc nội bộ do sự trung gian của Thống đốc, Nghị viện và Tòa án riêng trong mỗi tiểu bang (1). Tuy nhiên, từ vài mươi năm trở lại đây, trách nhiệm lần lần chuyển sang chính phủ liên bang, đặc biệt là vào tay vị tổng thống, đến nỗi đã có người nói quyền của tổng thống Hiệp-Chúng-Quốc hiện nay trở nên một thứ quyền của César ngày trước. Thời trước, tổng thống Hiệp - Chủng - Quốc có thể điều hành các công việc của liên bang với một tập đoàn gồm từ mười tới mười hai vị phụ tá. Hiện nay, tập đoàn ấy đã lên tới con số hàng trăm. Chỉ nguyên sự kiện đó đã tỏ cho ta thấy cuộc tuyển cử tổng thống ngày càng trở nên quan trọng thế nào.

Tuy nhiên, còn có một yếu tố nữa ta cần lưu ý đó là sự « đảo lộn » (up-setting) do cuộc tuyển cử tổng-thống gây ra. Nhiều công chức trong chánh phủ hiện dịch tùy thuộc vào sự đắc cử của vị tổng-thống. Từ các ghế ngồi trong văn phòng tổng-thống, cho tới bàn giấy của thuộc viên bưu cục tại một vài thị-trấn nhỏ ở Wyoming, hết thấy đều tùy thuộc vào sự kiện người thuộc đảng dân-chủ hay người thuộc đảng cộng-hòa ngự trị ở nơi tòa Bạch-Ốc. Nếu phe dân chủ thắng thế

(1) Xin coi Bách-Khoa số 24 (1-1-1958), 28 (1-3-1958) và 29 (15-3-1958) : Chế độ lập hiến Hiệp-Chúng-Quốc, Hoàng-Minh-Tuynh biên khảo.



Các Ông Kennedy, Symington, Johnson và ông bà Brown (ở giữa)

trong cuộc đấu tranh với người cộng hòa trong năm 1960, thì có hàng ngàn chức vị trong chính phủ sẽ có dịp đổi chủ. Nhiều người coi đây là một điểm bất tiện của chế độ lưỡng đảng tại Hiệp-Chúng-Quốc, song thật ra, người dân Mỹ đã quen thuộc với những tấn tuồng « thay bậc đổi ngôi » như vậy. Họ còn cho đó là hậu quả khó tránh và tự nhiên của chính sách lưỡng đảng.

Tình hình chính đảng tại Hiệp-Chúng-Quốc — Những điểm tương đồng dị biệt giữa hai chính đảng.

Cứ như tình thế hiện nay, một đảng thứ ba khó lòng có thể lập thành tại Hiệp-Chúng-Quốc. Người dân Mỹ như đã quen gắn mình vào chế độ lưỡng đảng. Tất cả trường sở hoạt động chính trị được phân chia ra cho hai con thú: con lừa và con voi, biểu hiệu của đảng dân chủ và đảng cộng-hòa. Hai đảng ấy là hai đảng nào? Chủ trương của họ ra sao? Thu tóm đảng cương của họ lại thành một vài nét đơn sơ, e sẽ làm cho

độc giả hiểu lầm; nguyên việc muốn phân biệt một đảng viên dân-chủ với một đảng viên cộng-hòa, chúng tôi đã thấy cần phải nêu lên từ mười đến mười hai điểm. Không thể nói người dân chủ thì khoáng đạt hơn còn người cộng hòa thì bảo thủ hơn, là đủ để giải thích lập trường chính trị của người thuộc đảng dân chủ hay cộng hòa. Tuy nhiên, ta vẫn thấy có nhiều người muốn giản dị hóa như vậy, mặc dù có sự kiện không thể chối cãi là hầu hết thành phần lãnh đạo dân chủ miền Nam, có tinh thần hết sức bảo thủ, đặc biệt là khi đã động tới vấn đề công lý giữa các màu da.

Song sự biệnt-biệt cố định ấy không phải không có phần giá trị. Một công nhân thường thuộc đảng dân chủ, một chủ nhân thường thuộc đảng cộng hòa; các nhân viên của nghiệp đoàn thường bầu cho phe dân chủ; các người có nhà cửa đường hoàng thường bầu cho phe cộng hòa. Đó là chuyện trước đây, hiện giờ thì tình trạng trên có thể đổi thay do bởi số công nhân có nhà cửa tăng lên khá nhiều; không ai có thể chắc chắn khuynh hướng bầu cử của họ sẽ còn giữ nguyên như trước.

Từ trước đến nay, người công giáo Mỹ-quốc, đại đa số thuộc đảng dân chủ, nhất là người Ái-Nhì-Lan vốn thuộc đám dân di-cư từng đợt lớn lao sang Mỹ-quốc hồi giữa thế kỷ XIX. Trước đây, đám dân di cư này còn nghèo khổ và bị đám dân thế phần giáo, tức Tin Lành, kỳ thị, khinh miệt, nên hầu hết đều gia nhập đảng dân chủ và lấy đó làm nơi nương tựa vì chỉ đảng ấy mới sẵn sàng bênh vực họ. Cho tới thế hệ trước, phần người Công giáo Ái-Nhì-Lan đều thuộc đảng dân chủ. Hiện nay, cháu chắt các người Ái-Nhì-Lan di cư lại gia nhập đảng Cộng hòa; họ làm ăn đã phần chẵn, họ đã có nhà cửa ở ngoại ô châu thành; họ cũng bắt đầu chấp thuận chính kiến của phe chủ nhân hơn chính kiến của phe công nhân. Cho nên người ta có thể ngờ họ sẽ bầu cho đảng Cộng hòa, là đảng bảo thủ, lưu tâm đến ngân sách nhiều hơn.

Như vậy thì, đi sâu hơn, ta thấy tại Mỹ quốc người dân chủ khác người cộng hòa chỗ nào? Một người ngoại quốc thoát tới Mỹ quốc, nếu chỉ đọc đảng cương của hai đảng, sẽ rất khó phân biệt và tìm ra điểm dị biệt. Cả hai đảng cùng nhấn mạnh về trách nhiệm đối với quốc tế, về trách nhiệm lập chương-trình phòng thủ và chương-trình kinh tế đối với các nước mở mang còn kém cỏi. Cả hai đảng cùng tuyên bố tôn trọng quyền lợi công dân. Cả hai đảng cùng đặc biệt chú ý tới ngân khoản viện trợ của liên bang cho các ngành giáo dục, dưới hình thức này hay dưới hình thức khác. Cả hai đảng cùng đề nghị những chương trình giúp đỡ các công nhân làm việc theo mùa, các lão ông lão bà và các người thất nghiệp. Hiện nay, bất luận về

dự án nào, đảng Cộng-hòa cũng chấp thuận toàn diện triết lý chính trị của New Deal (1), trước đây vốn là độc quyền của đảng dân chủ. Tuy nhiên giữa hai đảng vẫn có nhiều điểm dị biệt, rất khó phân tích tỉ-mỉ trong phạm vi một bài báo.

Những lý do đặc biệt khiến cuộc tuyển cử Tổng - Thống Hiệp-Chúng - Quốc năm nay trở nên gay go. — Giới thiệu một số Lãnh - tụ của hai chính đảng.

Thật ra thì điều gì đã làm cho không khí tuyển cử năm nay tại Hiệp-Chúng-Quốc trở nên gay go, rộn ràng? Trước hết đó là do bởi sự kiện phe Dân-chủ, nhờ các cuộc tuyển cử mới rồi, đã chứng tỏ họ có đầy đủ khả năng thâu được rất nhiều phiếu để tiến tới chỗ làm chủ chính tình, nhưng đồng thời lại chứng tỏ họ không có đủ khả năng đưa ra một ứng-cử viên chắc chắn, có uy lực hấp dẫn, trội vượt hẳn các ứng cử viên khác một cách rõ ràng. Tên tuổi của nhiều đảng viên dân-chủ tuy đã chiếm được nhiều chỗ khả quan trong dư luận quần chúng, song chưa có người nào đạt được tới chỗ trở thành một « front-runner » danh từ người dân Mỹ-quốc quen dùng để chỉ ông « chúa trùm ».

Thượng Nghị-sĩ Stuart Symington tiểu bang Missouri được nhiều người ủng hộ tại Mid-West. Thượng Nghị - sĩ Hubert Humphrey tiểu bang Minnesota, lắm lời mà cũng nhiều động lực, cương quyết đứng

(1) Chủ trương chính trị và kinh tế của ông Fr. Roosevelt.

ra vận động ứng cử. Lời tuyên bố muốn làm « ứng cử viên của đám dân nghèo » của ông chắc sẽ được nhiều phần-tử tự do thuộc đảng Dân-chủ tận tình nâng đỡ. Thượng Nghị-sĩ Lyndon Johnson, lãnh tụ đa số tại Thượng-Nghị-viện, tiểu bang Texan, có uy thế lớn tại Thượng-Nghị-viện, duy có điều bất lợi cho ông là ông vốn người miền Nam.

Chúng ta không nên lãng quên ông Adlai Stevenson, nguyên Thống-đốc tiểu bang Illinois, tuy ông này đã hai lần thất cử Tổng thống. Khả năng chính trị của ông ai cũng phải công nhận, nhất là khả năng trí thức của ông thật phi thường. Song cách nói, cũng như cách viết của ông, chỉ người trí thức mới thưởng thức được, người bình dân ít ai hiểu nổi. Ngoài ra, một người đã thất cử tổng thống tới hai lần, thường không được các tay chính trị chuyên nghiệp ưa chuộng lắm, dù nguyên nhân hai lần thất cử của ông (1952 và 1956) đều gây ra bởi ông đã phải đương đầu với một địch thủ cừ khôi, danh tiếng đang nổi lên như cồn, là ông Eisenhower. Trong hai năm 1952 và 1956, Dwight Eisenhower là một người khó đánh bại, cũng như Charles de Gaulle tại nước Pháp cách đây hai năm vậy.

Một số người nghĩ rằng vị thống đốc Californie, là ông Edmond G. Brown, một người công giáo, có thể được « Hiệp ước chính đảng » (1) dân chủ bầu ra tranh cử

tổng thống vào mùa hạ này. Tuy nhiên, cho tới bây giờ ông E. G. Brown chưa phải là người thật quan trọng, cũng như ông Robert Meyner, thống đốc tiểu bang New Jersey, ông Mennen Williams, thống đốc tiểu bang Michigan. Từ nay cho tới ngày khai hội « Hiệp ước chính đảng » dân-chủ có thể sẽ có những tên khác nổi bật lên trên mấy tên quen thuộc trên, song không chắc lắm.

Còn một vị nữa, chúng tôi chưa nhắc tới, đó là thượng nghị sĩ John Kennedy, tiểu bang Massachusetts, có địa vị rất vững vàng trong phe dân chủ. Hiện nay, trong phe dân chủ, ông là người có nhiều triển vọng trở thành « chúa trùm » nhất ; người ta vẫn thường mệnh danh ông là « Fighting Jack » (Lực sĩ Jack) Kennedy. Ông Kennedy là một người còn ít tuổi, tài ba xuất chúng ; mặc dù mới ngoài bốn mươi tuổi, ông đã chứng minh có những khả năng khác thường. Ông xuất thân từ một gia đình giàu có, đông con, con trai của một vị đại sứ Hiệp-Chúng-Quốc tại nước Anh. Tuy không được đào luyện tại một trường đại học công giáo (ông có cấp bằng của viện đại học Harvard), ông thật ra là người công giáo chính tông và thực hành. Cuộc tuyển cử tổng thống năm 1960 sẽ dĩ trở nên sôi nổi một phần lớn do bởi sự kiện vì ông Kennedy là người thuộc Giáo hội Công giáo vậy.

Về phe cộng hòa, hiện nay người ta cho ông Richard Nixoa, phó tổng thống Hiệp-Chúng-Quốc thông luôn hai khóa liền, gần như chắc chắn sẽ được đảng cộng hòa bầu ra tranh cử tổng thống, tại Hiệp ước hội nghị của đảng ấy triệu tập vào mùa hạ này.

(1) « Hiệp ước chính đảng » là hội nghị của các đảng phái triệu tập để bầu người ra tranh cử tổng thống ; có cuộc tấn phong tổng thống tương lai rất long-trọng khi họp « Hiệp ước chính đảng ».

AI SẼ ĐẮC CỬ TỔNG THỐNG...

Ông R. Nixon là người được lòng đám cử tri hơn hết không chỉ bởi ông từng làm phó tổng thống luôn hai khóa mà còn bởi ông không phải là một vị phó tổng thống bình thường.

Theo tục lệ xưa nay, các vị phó tổng thống Mỹ-quốc ít được dân chúng chú ý đến nhiều. Trường hợp ông Nixon thì khác hẳn. Tên ông vẫn thường được quảng bá đều đều trên báo chí, có người tán dương ông, có người phản đối ông, nhưng ai cũng phải để ý tới ông. Hơn thế, cuộc du hành của ông qua các nước Châu-Mỹ La-Tinh năm qua bị các người cộng sản và các người có cảm tình với cộng sản ném đá phản đối, thêm cuộc hội đàm giữa ông với ông Kơ-rút-sốp tại Mạc-Tư-Khoa mới rồi càng khiến dư luận phải nhắc nhở đến ông hơn nữa. Do đấy, ta có thể coi gần

như chắc chắn ông sẽ được bầu làm ứng cử viên của đảng cộng hòa, và sự quyết đoán ông sẽ thắng địch thủ dân chủ, tưởng không phải là chuyện viễn vông. Cũng có thể một người khác sẽ nổi bật lên trên sân khấu chính trị và chiếm chỗ của ông Nixon; người ấy là ông Nelson Rockefeller, thống đốc tiểu-bang New-York, ông này được rất nhiều người mến chuộng và từng có tiếng là khôn ngoan, mực thước ít ai bằng. Tuy nhiên dự đoán ấy chưa có gì chắc chắn.

Kỳ tới, chúng ta sẽ có dịp trở lại tìm hiểu trường hợp ông Kennedy để xét qua về những nỗ lực của ông trong cuộc tranh cử tổng thống, và những khó khăn gây ra bởi tín ngưỡng công giáo của ông trong cuộc vận động thế nào?

HOÀNG-MINH-TUYNH

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

THUẬT ĐỐI PHÓ VỚI NGƯỜI KHÁNG CỰ

- ✱ Muốn thật hiện sứ mệnh, kẻ cầm đầu có bốn phận đòi hỏi người dưới quyền phải nỗ lực, phải hy-sinh nên kẻ ấy không nên lấy làm ngạc nhiên khi thấy người dưới quyền kháng cự lại. Đó có thể là những kháng cự cá nhân hay tập thể, công khai hay bí mật, chóng qua hay bền bỉ, song dù sao cũng phải tìm cách đối phó để làm giảm hay làm tan những đối kháng ấy đi. Người cầm đầu xứng đáng là người biết cách xử sự khôn khéo trong những trường hợp khó khăn đó (L.M. Courtois).
- ✱ Một người tỏ ra bất kham thường không phải bởi tại người trên đã đòi hỏi họ phải nỗ-lực, mà do bởi người trên đã đối xử với họ một cách thiếu lễ độ. Không có ai ưa tuân lệnh cả. Một câu khiêm-tốn không những có thể giảm bớt sự đụng chạm tới lòng tự ái của người, mà còn khiến cho người có cảm giác được hợp tác vào công việc hơn là phải thừa hành công việc (L.M. Coutois)

NGUỒN GỐC TÔN GIÁO

(Nhân đọc Văn - chương truyền khẩu
Thần - thoại của Hoàng - Trọng - Miên)

☆ NGUYỄN-ANH-LINH

BÀI này chúng tôi viết đã lâu.

Và từ đó đã có bài điểm sách của Đường-Bá-Bổn (Văn hóa Á-Châu, số 18), bài phê bình của Uyên - Thao (Sinh Lực số 8) v.v...

Hoàng-Trọng-Miên cũng đã vấn tất trả lời ở Bách-Khoa.

Thiết tưởng, nếu Hoàng-Trọng-Miên chỉ viết có một quyển thần thoại, ta có thể nặng lời trách móc tác giả, vì sách trùng với tác phẩm của Nguyễn - Đồng - Chi. Nhưng ý định của Hoàng-Trọng-Miên là soạn một bộ « Việt-Nam văn học toàn thư từ nguyên thủy đến hiện đại ». Ý định cao cả đó buộc soạn giả phải sưu tầm những tài liệu cũ cũng như mới vừa phát hành, dù trong bộ đó có quyển trùng với sách vừa xuất bản. Muốn có một phê bình

xác đáng, cần phê bình toàn bộ. Dĩ nhiên sẽ có quyển hay quyển dở, nhưng chân giá trị của nó sẽ nằm ở chân giá trị cả bộ. Hiểu thế, một phần nào ta có thể khoan dung với họ Hoàng. Riêng tôi, tôi biết ơn ông.

Những tranh chấp trên có thể làm cho ta quên một vấn đề đã được tác giả nêu lên. Ai đã đọc cẩn thận sách thần thoại không khỏi phân vân về nguồn gốc tôn giáo, và tất nhiên sẽ so sánh với Ki-tô giáo, như Công giáo, Thệ giáo, Anh giáo, Chính giáo... « Thần thoại cao nguyên gợi lên cho chúng ta những kỷ niệm hết sức xa xôi của thời tiền sử, rọi ánh sáng vào nguồn gốc mịt mù của nhân loại buổi đầu. Thần thoại Hy-bá-lai trong Kinh Thánh có lẽ cũng không cổ hơn những thi ca nguyên

thủy còn lại ngày nay của miền cao nguyên Việt-Nam » (trang 109-110).

Vấn đề hệ trọng, liên can đến hàng ngàn triệu tín đồ. Người Công giáo vốn tin Kinh Thánh là lời của Thiên Chúa ; vậy, những mẫu chuyện trong sách đó có phải đặt ngang hàng với thần thoại các nước tiền sử không ? Dưới đây, tôi trích những đoạn chính của Kinh Thánh tương tự với những đoạn của thần thoại cao nguyên. Tại sao cao nguyên ? Là vì, đúng như tác giả nói « thần thoại cao nguyên là cả một nguồn phong phú và đặc biệt là vẫn giữ được trọn vẹn bản sắc thời nguyên thủy, không bị pha trộn như phần lớn các thần thoại khác » (trang 108).

* *

Thần-thoại Cao-nguyên

Tam-Ích trong bài tựa lập lại câu của một văn hào Âu-Châu : « Những dân tộc trên thế giới gặp nhau ở những chỗ cao nhất và ở những chỗ sâu nhất... chỉ khác nhau ở khoảng giữa ».

Đấng Thượng Đế. Đấng Thượng Đế đó, Bung hay Chử Lâu đã « Sáng tạo trời đất trong 7 ngày » (127). Thường thì cái thần thoại xưng là Trời : « Ngày xưa Trời xuống đất dạy cho tổ tiên loài người làm mác, rìu, dao, nỏ » (142). Theo thần thoại Rốc Lai, có 3 thượng tầng thế giới và mỗi thượng tầng có một vị thần ». Ba vị thần này đều là hình ảnh của Đấng Tạo Hóa bất diệt sống một đời sống lạc thú » (145).

Nhưng rồi cạnh Thượng - Đế lại có nhiều vị thần khác mà khó lòng định rõ đây liên lạc. Nên quan niệm về Đấng

Thượng-Đế có vẻ mập mờ và không thẳng nổi khuynh hướng lương thần hay đa thần của Lô-lô, Mán...

Lập vũ-trụ

Thượng-Đế của thần thoại Mèo sáng tạo trời đất trong 7 ngày, trời trước, đất sau. Trên trời chưa có tinh tú, Chử Lâu mới tạo ra 10 mặt trời và 9 mặt trăng cùng vô số sao để chiếu sáng mặt đất... (127).

Dân Rốc-Lai tin rằng « ban đầu, trước tiên mọi vật, khi trời đất chưa dựng nên, có một cội gọi là U-Minh. Vị Thần đã làm ra muôn vật muôn loài tên gọi là Bung. Bung tạo nên tất cả từ cội U-Minh : đá, đất, loài vật, cùng các lớp người đầu tiên mà ngày nay mọi người thờ kính như các thần linh. Bung tạo ra một lớp thần để hầu hạ mình rồi cùng họ rời cội U-Minh để làm nên trời đất. » (137).

Sáng-tạo con người

« Khi mặt đất khô ráo rồi, Chử Lâu lấy một nắm đất nặn thân hình con người đầu tiên, hà sinh khí vào miệng, cho hồn vào bụng và tiếng nói ở cổ họng... Sau đó, Chử Lâu đưa đến cho người đàn ông một người đàn bà để hai bên lấy nhau. Chử Lâu làm ra thức ăn để nuôi đôi vợ chồng cùng các súc vật cho họ dùng, nhưng vẫn để họ trần truồng. Chử Lâu giao tiếp thẳng với họ, đối mặt nói chuyện trong ban ngày... » (Thần thoại Mèo 128).

« Sau khi đã tạo ra mọi vật ở cội U-Minh. Bung sửa soạn mặt đất cho người, vật, cỏ cây lên ở... Bung trở về trên mặt đất, đem theo đất sét đỏ nặn ra chim

phượng hoàng, bunn tạo ra còp, lúa khô tạo ra heo, lúa ướt tạo ra thỏ. Bunn tạo ra muôn vật và cả loài người. » Thần thoại Rốc-Lai (138).

« Kết-Đor và Ga-Gie dùng bunn để làm ra người. Nhưng thần đất phản đối : « Đất này là của tôi, nếu các người mượn đất để nặn con người, thì trong bao nhiêu năm sẽ hoàn lại ? — Họ đáp : « Trong 60 năm. » Do đó mà con người chỉ trong vòng 60 năm rồi phải chết để trả bình lại cho đất. Hai người Nam, Nữ đầu tiên xuất hiện trên mặt đất không có cha mẹ, vì họ do đất nặn ra. » (Thần thoại Lô-lô 135).

Vườn địa-dàng

Xuất hiện trên cõi đất, loài người xem ra sống an nhàn sung sướng. Cảnh đó được xem như một Hoàng-kim thời-dại, nói đến ai cũng luyến tiếc : « Ngày xưa con người sống dễ dàng có đủ tất cả. Đồ đạc thì biết nói chuyện với người và tự làm việc lấy một mình. Muốn ăn trái cây, thì người cứ đưa tay hái. Thịt có sẵn luôn luôn. Lúa tự mọc lên không phải ai trồng. Cái cuốc tự cuốc lấy đất. Người ta chỉ có việc bảo cho cái cuốc làm việc ở chỗ nào thôi. Cái rìu cũng tự đồn lấy cây một mình. Cái mác người sai đi đâu thì chặt đó. Nhưng cái cuốc ham làm việc quá, luôn luôn người ta phải chỉ chỗ cho nó cuốc. Con người lại rất lười biếng, không muốn làm cái việc chỉ chỗ nữa, mà cái cuốc cứ không ngớt đòi làm việc mãi, người mới liệng cái cuốc ra xa để tránh sự mệt nhọc phải chỉ chỗ » (Thần thoại Rốc-Lai 143).

« Trước kia công việc đồng áng được dễ dàng vì chưa có cỏ dại. Ngó chỉ có việc gieo xuống là có trái, lại ăn được cả lá...

Trước kia, mỗi lần lúa chín, hột tự nhiên bay về nhà, không phải gặt, người ta chỉ việc quét dọn để đón lúa về. » (Thần thoại Mèo 130).

Giữa trời và đất, giữa Tào Hóa và tạo vật có cuộc tiếp-xúc thân mật : « Chử Lâu sáng tạo con người không chết... Bảy giờ loài người sống một cuộc đời thanh bình đầy hạnh phúc. Người ta đi lại giữa đất với trời » (Thần thoại Mèo, 130).

Thần thoại Phủ Nội cũng như thần thoại Thái nói đến một cây Song nổi lên trời với đất, cành lá âm u che khuất cả mặt trời. Con người than phiền, nên tức giận, các thần trên trời « mới sai thiên Sứ xuống chặt đứt cây song.... vì thế mà từ đó đường đi giữa đất với trời bị gián đoạn » (120, 124).

Cây trường-sinh được nhắc nhở đến nhiều lần. Đào-Kha tìm được cây Thần Kỳ và đã làm cho nhiều người chết sống lại, đến nỗi Trời xôn xao muốn trị tội kẻ đã cướp quyền Tào Hóa, sợ « loài người sẽ coi Thượng giới không ra gì nữa » (118, 119 Thần thoại Mường). Đoạn này làm cho ta liên tưởng đến Prométhée thần Hy-lạp, cướp lửa, bị Zeus trói buộc vào núi Caucase, để cho điều hâu đến ăn gan...

Trong thần thoại Srê, giếng trường sinh thay thế cho cây hàng sống : Thần Ndu bảo : « các người hãy xuống giếng này mà tắm thì sẽ được trường sinh bất tử, đến lúc già sẽ cải lão hoàn đồng, trẻ mãi không bao giờ phải chết » (tr. 150).

Người bị thử thách

Người ta đi lại giữa Đất với Trời. Không dè một người đàn bà hái một trái

dâu trắng để ăn, là thứ mà Chử Lâu đã cấm không được mò tới, cùng uống một dòng suối mà Chử Lâu đã cấm đến gần. Từ đó tất cả mọi người đều đến hạn là phải chết và khi sống là phải làm. Tuy vậy, con người còn được sống lâu, lối 80, 90 tuổi, nhưng rồi đời sống bị cực khổ và đau ốm rút ngắn dần. Đất không sinh sản như trước nữa, loài người phải làm việc mới có ăn. Chử Lâu dạy cho người trông trọc và dệt quần áo mặc. Đó là nguồn gốc của nước mắt, mồ hôi, thẹn thuồng và cũng là nguồn gốc của sự chết. (Thần thoại Mèo 130).

Đoạn thần-thoại Thái về cơn thử thách của Trời hơi giống ý tưởng « sát thiên » của Voltaire hay của Gide, hay mưu mô phản giáo của phái vô thần : « Ông Trời muốn thử lòng mỗi loài, mới vờ chết rồi cho loan tin cho tất cả hay là Trời đã chết. Tất cả các loài vật được ân huệ đặc biệt bấy giờ mới lên Trời tỏ ý thương tiếc nói rằng : « Ông Trời chết rồi, chúng ta tha hồ sống theo ý mình muốn ; ông Tổ chết rồi, chúng ta tha hồ ăn ở theo ý mình... » (120)

Khi trích các đoạn trên đây, chúng tôi cố ý gác bỏ những gì có tính cách quái dị. Trong các thần thoại, thần thoại Mèo có giá trị nhất, cũng nói đến Hồng Thủy và tháp lên trời. Ta hãy đọc Thánh Kinh và thử tìm hiểu ý nghĩa.

Sách Sáng-Thế

« Thần thoại miền núi » tính ra cách đây 15.000 năm, theo sự khảo sát của các nhân chủng viên » (trang 108).

Sách Sáng Thế mà tác-giả chính là Maisen, xuất hiện vào thế kỷ thứ 15 hay 13 trước Tây lịch. Là quyển đầu của Thánh Kinh và quyển cuối là sách Khải-Huyền viết vào năm 100 Dương lịch. Một điều lạ là trải bao thế kỷ, qua bao tác giả, vẫn thấy một ý hướng rõ rệt : Thiên Chúa dần dần tự mạc khải mình cho nhân loại, bằng ngôn ngữ, cử chỉ, bằng cách lựa chọn một dân tộc để đại diện cho toàn nhân loại, tức dân tộc Hiba, sau đổi tên là Israël, là Do-Thái. Suốt 2000 năm, nhiều đế quốc hùng vĩ bao vây dân tộc đó lần lượt đã sụp đổ. Israël vẫn trường tồn để chu toàn sứ mệnh Thiên Chúa đã ủy thác : sứ mệnh giữ vững niềm tin tưởng vào một Thiên Chúa độc nhất, vô hình, toàn năng, giữa những nước chuyên thần thánh hóa các hiện tượng thiên nhiên hay dục vọng con người ; sứ mệnh đợi chờ Đấng cứu rỗi muôn dân ; và khi giờ đã điểm, Thiên Chúa giáng trần, nhập thế : trang đầu sách Sáng thế hợp với trang cuối sách Khải Huyền...

Trước khi nói đến Thánh Kinh, cần nhớ quan niệm Công giáo về cách chú giải sách đó. Trong gia đình, duy cha mẹ mới cảm hiểu con cái mình ; trong Công giáo, duy Giáo Hội mới có thể đưa lại ánh sáng về kho tàng tín lý, luân lý chứa đựng trong đó. Đôi khi, vì vấn đề kỷ luật, Giáo Hội có thể yêu cầu giáo dân dừng đi quá mức đã định, dù mức đó với thời gian có thể chuyển thay.

Thệ Phản, Anh giáo... để nguyên cho : mọi người cắt nghĩa Thánh kinh theo quan niệm mình. Đoàn-Thêm có lần tỏ ý muốn

có một uy quyền khả dĩ cắt nghĩa Nho giáo cho chúng ta... Nhưng uy quyền sẽ do ai đặt ra ?

Các nhà khoa học ước lượng loài người xuất hiện vào quăng 40.000, 50.000, 100.000 năm ; H. Breuil nói đến con số 600.000 năm. Từ thái cổ, đã có những câu truyện về cuộc sáng lập vũ trụ, con người, về cuộc tranh chấp giữa Thiên và Ác. Trước khi được viết ra, các dân tộc đã truyền khẩu cho nhau. Để giữ dân Hiba khỏi nhiễm phải những thần thoại quái dị, dưới ánh sáng Thiên Chúa, Maisen đã cho biên lại quan niệm Sáng Thế mà trong đó Thiên Chúa đóng vai chủ động. Dĩ nhiên, quan niệm này không khỏi liên hệ đến tâm trạng, óc khoa học ấu trĩ của thời đại bấy giờ. Nhưng qua cách tường thuật giản dị, ngây ngô kia, đã có những tư tưởng mà giáo dân tin là vĩnh cửu. Tự trung, Thánh Kinh không dạy cho ta biết Trời đã được cấu tạo ra sao, mà chỉ dạy cho ta cách lên Trời, cách cứu rỗi sinh linh.

Sáng-lập vũ-trụ

« Từ nguyên thủy, Thiên Chúa sáng tạo Trời và Đất. Đất lúc đó chưa định hình và trống rỗng, tối tăm còn bao phủ vực thẳm và Thần Linh Thiên Chúa chuyển vận trên mặt nước. Chúa phán : « Hãy có ánh sáng ». Và ánh sáng liền có. Chúa thấy ánh sáng tốt và Chúa phân ánh sáng ra khỏi tối tăm. Chúa gọi ánh sáng là « ngày », và tối tăm là « đêm ». Thế là hết một buổi chiều và một buổi sáng : đó là ngày thứ nhất.

Chúa phán : « Hãy có vòm trời ở giữa nước và phân nước ra ». Và đã xảy ra như thế. Chúa làm ra vòm trời và vòm trời

phân nước bên trên ra khỏi nước bên dưới trời. Chúa gọi vòm trời là « Trời ». Thế là hết một buổi chiều và một buổi sáng : đó là ngày thứ hai.

Chúa phán : « Nước bên dưới vòm trời hãy tụ lại thành một khối và lục địa hãy nhô ra » Và đã xảy ra như thế. Và khối nước là « biển », Và Chúa thấy như thế là tốt. Chúa phán : « Đất hãy xanh tươi lên, với cỏ hoa có mầm và với cây cối sinh quả có giống » Và đã xảy ra như thế. Đất sinh ra xanh tươi và cỏ hoa có mầm tùy loại, và cây cối tùy loại sinh ra quả có giống. Và Thiên Chúa thấy như thế là tốt. Thế là hết một buổi chiều và một buổi sáng : đó là ngày thứ ba.

Chúa phán : « Hãy có tinh tú ở trên vòm trời để phân biệt ngày và đêm : Chúng sẽ là dấu hiệu để ghi các ngày lễ, cũng như để ghi ngày và năm : Chúng sẽ là đèn trời soi sáng mặt đất. » Và đã xảy ra như thế. Thiên Chúa làm hai tinh tú lớn : tinh tú lớn hơn, chủ quyền ban ngày, còn tinh tú bé chủ quyền ban đêm. Ngài cũng làm nên các vì sao. Thiên Chúa đặt chúng ở trên vòm trời để soi sáng mặt đất, để làm chủ ngày đêm, để phân biệt sáng tối và Thiên Chúa thấy như thế là tốt. Thế là hết một buổi chiều và một buổi sáng : đó là ngày thứ tư.

Chúa phán : « Nước hãy sinh sôi lúc nhúc những sinh vật, và chim hãy bay trên đất và lên cao trong bầu trời. » Và đã xảy ra như thế.

Thiên Chúa dựng nên những thứ rắn nước to và mọi giống sinh vật bơi lội

NGUỒN GỐC TÔN GIÁO

lúc nhúc trong nước từng loại một. Và Thiên Chúa thấy như thế là tốt. Ngài chúc phúc cho chúng và bảo : « Hãy sinh sôi nảy nở ở đây trong biển ; và chim chóc hãy sinh sản cho đầy mặt đất. Thế là hết một buổi Chiều và một buổi Sáng : đó là ngày thứ năm.

Chúa phán : « Đất hãy sinh sản các sinh vật từng loại một : Vật to, vật nhỏ, vật rừng từng loại một. » Và đã xảy ra như thế. Chúa làm nên các vật rừng từng giống một, các vật to từng giống một, và các vật nhỏ từng giống một, và Chúa thấy như thế là tốt. Chúa phán : « Ta hãy dựng nên loài người như hình ảnh Ta, giống y như Ta, loài người hãy bá chủ các giống cá bể, các thứ chim trời, súc vật, thú rừng và các giống vật nhỏ bò trên đất. » Chúa dựng nên loài người như hình ảnh Chúa. Người dựng nên họ như hình ảnh Thiên Chúa. Ngài dựng nên đàn ông và đàn bà. Chúa chúc lành cho họ và bảo : « Hãy bá chủ các giống cá bể, các thứ chim trời và các thứ sống động trên đất. Chúa phán : « Ta cho các người mọi thứ cỏ có mầm ở khắp mặt đất, và mọi thứ cây sinh quả có giống : đó là lương thực các người. Còn các giống vật rừng, các thứ chim trời, các giống sống động ở trên đất và có sinh khí, thì Ta cho lấy tất cả cỏ cây xanh tươi mà ăn. » Và đã xảy ra như thế. Chúa nhìn tất cả công việc Ngài đã làm : thật rất tốt. Thế là hết một buổi chiều và một buổi sáng : đó là ngày thứ sáu.

Thế là hoàn tất trời đất và các cơ binh trời đất.

Ngày thứ bảy, Chúa hoàn tất công việc đã làm, và ngày thứ bảy, Ngài nghỉ. »

Sách Sáng Thế mở đầu bằng hai câu văn tắt : « Từ nguyên thủy, Thiên Chúa sáng tạo trời và đất. Đất lúc đó chưa định hình và trống rỗng. » Vì chưa thành hình, nên Thiên Chúa cần đưa lại một hình thể, một trật cho « thái cực », phải hoạt động luôn 3 ngày. Và Chúa cũng mất 3 ngày nữa để trang hoàng không trung, để tạo ra « cơ binh trời đất », tức là các tinh tú. Sau đó Chúa nghỉ.

Hành động mặc mạc của Thiên Chúa đã rập theo công việc đồng áng thường xuyên của dân quê Hiba : canh tác ban ngày ; ban đêm an giấc. Sáng đến lại tiếp tục và ngày thứ 7, nghỉ cả ngày, Maisen muốn nhắc lại cách cụ thể cho dân biết phải thánh hóa ngày thứ 7, tức ngày chúa nhật chúng ta, vì chính Chúa cũng đã nêu gương sáng đó.

Bài tường thuật có những công thức rất đơn sơ, dễ học, dễ nhớ : Chúa phán : Hãy có cái này, cái nọ... Thế là hết một buổi chiều và một buổi sáng... Đó là phương pháp giáo dục dành cho dân quê, căn cứ vào cách lặp đi lặp lại như một tiết điệu, một điệp khúc.

Vì thế, đây chỉ là một thứ bố cảnh, có tính cách nhân tạo, tượng trưng, để giúp việc phụng vụ. Ta đừng tìm ở đó những chân lý khoa học. Để khảo sát các hiện tượng, dân Hiba cũng như dân Cao-nguyên chỉ có hai mắt và trí vè của họ hình dung vũ trụ chia thành nhiều tầng, như cửu trùng của chúng ta, trong đó quả đất chiếm phần cốt yếu, vì đứng trơ trơ trước mặt mọi người. Phía trên là trời như một mái nhà, giữa trời với đất là quang trống để chim bay và dưới đó là nơi chứa đựng nước...

Nếu ban đầu Thiên Chúa tạo nên ánh sáng là vì không ai làm việc trong đêm tối, theo lý luận của dân quê chưa có đèn đêm, điện lực. Nhiều người thắc mắc thấy Maisen nói đến ngày và đêm trong khi hai ngày sau mặt trời mới lộ diện. Là vì dân Hiba vẫn thấy ánh sáng xuất hiện trước khi mặt trời mọc hay vào những ngày u ám lại không thấy mặt trời. Họ kết luận ánh sáng và mặt trời là hai yếu tố độc lập. Ngày nay, sống giữa thế kỷ máy móc, ta vẫn nói một mặt trời lặn, mặt trời mọc.

Tựu trung, Maisen đã dựa vào những điều mắt thấy tai nghe để diễn tả sáng thế, không chủ trương một hệ thống giải thích vũ trụ theo kiểu Galilée, Laplace, Jeans, hay mới đây của Fred Hoyle và Raymond Arthur Lyttleton, giáo sư đại học Cambridge. Mục đích chính của tác giả là cho chúng ta biết toàn vũ trụ ở dưới quyền điều khiển của Thiên Chúa và Thiên Chúa không lệ thuộc vào vũ trụ: Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa, làm chủ không gian và thời gian, làm chủ muôn loài, làm chủ vật chất.

Sáng-tạo loài người

Có hai đoạn thuật lại cuộc sáng tạo loài người, ta đã thấy đoạn nhất. Trên sân khấu thế giới loài người xuất hiện cuối cùng. Xuất hiện cuối cùng, không gì theo khoa học loài người đến sau rốt, là vì Maisen muốn nhấn mạnh vào địa vị loài người trong trật tự vũ trụ: loài người đứng đầu vạn vật, làm chúa tể muôn loài. Ra mắt cuối cùng như bị hướng dẫn một đoàn quân đã túc trực, như vị nhạc trưởng điều khiển ca sĩ, nhạc sĩ đã sẵn sàng tề tựu. Tác giả đã khéo léo dàn cảnh để nêu cao vị trí ưu tiên của loài người: Sáng lập

vũ trụ và muôn loài, Chúa chỉ phán bảo; đến lượt loài người, Chúa như suy nghĩ, hỏi han các Thiên sứ: « Ta hãy dựng nên loài người như hình ảnh Ta, giống y như Ta ».

Như hình ảnh ta, tức là con người sẽ có trí khôn và ý chí, hai đặc tính của Thiên Chúa. « Thiên Chúa dựng nên đàn ông và đàn bà », tức là loài người sẽ giống thể giới loài vật, sẽ sinh nở. Loài người vừa thuộc linh giới và thú giới, « không phải Thiên sứ, cũng chẳng phải con vật », « ni ange, ni bête » (Pascal).

Đoạn hai: « Khi Thiên Chúa dựng nên trời đất, cây ở đồng chưa có, cỏ ở đồng chưa mọc, vì Chúa chưa cho mưa rơi xuống đất, và chưa có người để cấy cấy. Rồi hơi nước từ đất lên trời và làm ẩm ướt cả mặt đất. Thiên Chúa lấy bụi đất để dựng nên người và thổi sinh khí vào mũi và người trở nên một vật sống động »...

« Rồi Thiên Chúa phán: « Người ở một mình là điều không hay; Ta sẽ làm cho nó một bạn giúp đỡ thích hợp ». Rồi Thiên Chúa lấy đất để dựng mọi vật ở đồng và mọi vật có cánh bay trên trời.

Chúa dẫn các vật đó đến trước mặt người để xem người đặt tên cho chúng ra sao, và để mọi vật mang tên người đã đặt, người đặt tên cho mọi gia súc, cho mọi vật có cánh bay trên trời, cho mọi vật ở đồng. Nhưng người không tìm thấy bạn thích hợp cho mình. Rồi Thiên Chúa làm cho người ngủ say mê; và người ngủ thật. Chúa lấy một cái xương sườn rồi bịt chỗ đó lại bằng thịt. Với cái xương sườn đó, Thiên Chúa dựng nên đàn bà, và dẫn đến cho người. Bấy giờ người

bảo : « Lần này, chính là xương tôi, chính là thịt tôi ! Người này tên là vợ, vì do chồng mà ra. Vì thế chồng sẽ bỏ cha mẹ để theo vợ và cả hai sẽ trở nên một xác thịt. »

Đoạn thứ nhất có vẻ khô khan, sáo nhảm với đoạn này đầy hoa mỹ, sắc thái rất hợp với tâm lý quần chúng. Cũng một Thiên - Chúa hành động, nhưng ở đây Thiên-Chúa như người trồng rau, tưới vườn, như người thợ gốm nặn đất sét, như người giải phẫu cắt sườn. Nhưng chi tiết dồn dập, những hình ảnh cụ thể giúp dân Hiba nhận định toàn thể con người lệ thuộc Thiên-Chúa. Sở dĩ Thiên-Chúa cần cho mưa xuống là vì miền đó quá khô khan ; không tưới luôn và không sẵn sóc, thì không khi nào mọc. Nói về con người, dân Hiba vẫn thấy xác chết biến thành tro bụi : ta định nghĩa con người là « vật có lý trí », là « cây bông lau biết suy nghĩ » ; dân Hiba cho là một mớ tro bụi biết thở. Xưa kia bị đẩy sang Ai-Cập, dân Hiba đã từng đun gạch, làm vôi, nên dễ hình dung Thiên-Chúa như một anh thợ gốm nặn con người và thở hơi vào lỗ mũi : thở hơi tức là sáng tạo linh hồn. Vì chưa sẵn có danh từ triết học chuyên môn, dân quê chỉ có thể dùng hơi thở biểu dương nguyên tắc sống động trong thể xác : hơi thở quả là một cái gì vô hình, huyền diệu, linh thiêng.

Cũng như trên, ta không nên tìm ở đây những giai đoạn khoa học về cách sáng tạo con người, mà chỉ nên lưu tâm đến đặc tính bản thể con người : xác con người thuộc chất đất : Adong (Adamah) nghĩa là « làm bằng đất », « là tro bụi », « hướng về tro bụi », chóng nát chóng

tan. Nhưng linh hồn con người trực thuộc Thiên-Chúa. Căn cứ vào đặc ân tự do và lý trí Chúa ban, dựa vào hành động của Chúa chỉ thở hơi vào con người mà thôi, ta có thể kết luận linh hồn do chính Hóa-công tạo thành trực tiếp. Dĩ nhiên xác thể cũng do Thiên-Chúa tạo thành, nhưng bằng cách nào ? Hình ảnh của sách Sáng-thể chỉ là hình ảnh của thời bấy giờ. Vì thế, Giáo-Hội vẫn chủ trương tự do tranh luận về thể xác con người: thể xác này có thể là kết quả của một cuộc tiến hóa sinh vật, tức là của một hữu cơ vật sẵn có : Xác con người sẽ như một đóa hoa mà cành là thân cây, gốc rễ là sinh vật, mà nhựa sống hút ở khoáng vật...

Trong cuộc sáng tạo Evà, Thiên-Chúa sẵn có một chương trình : « người ở một mình là không hay. Ta sẽ tạo nên một người bạn giúp đỡ thích hợp ». Nhưng rồi Thiên-Chúa lại bắt đầu dựng nên loài vật và bắt chúng diễn hành trước mặt Adong. Adong đứng duyệt chúng và đặt tên cho chúng. Theo quan niệm xưa, đặt tên là thống trị, là tỏ quyền cao cả, như biết tên là cảm hiểu tính tình : Cha mẹ Việt-Nam thường giấu tên mình hay nói trạch tên con cái, vì cái tên đi đôi với bản thể, (tên húy chẳng hạn, hay danh từ « mẹ » dùng để xưng hô với những người họ nhà vua). Duyệt và đặt tên xong, Adong không thấy vật nào có thể là bạn thích ứng, vì không đồng bản thể với mình. Nên Thiên Chúa mới lấy sườn Adong để tạo thành Evà, cốt cho ta hiểu đây liên lạc chặt chẽ giữa hai vợ chồng. Sườn hai hông, trong tiếng Sumir, đồng nghĩa với sinh lực. Trước người bạn thích nghi, Adong thốt lên : « Lần này, chính là xương thịt của tôi ». Cũng

có thể dịch : « Lần này, thì hơn cả xương thịt của tôi ». Adong đặt tên để chỉ bản tính : « Người này tên là vợ (Ishah, phụ) vì do chồng (Ish, phu) mà ra. Vì thế chồng sẽ bỏ cha mẹ để theo vợ và cả hai sẽ trở nên một xác thịt. » Hai danh từ Ish, Ishah cùng một căn ngữ để chỉ cùng một bản tính. Ngày nay ta thường nhấn mạnh vào vấn đề nam nữ bị mặt hấp dẫn nhau và tính cách hấp dẫn đó căn cứ vào bản thể : tách biệt ra, mỗi giới như thiếu sót, vụng về, rời rạc, tẻ liệt ; bản tính nhân loại không ở nam giới hay nữ giới mà do hai giới phối hợp với nhau. Mạnh hơn cả tình máu mủ, tình vợ chồng trong cuộc hôn phối nhất phu nhất phụ kết hợp hai người thành một xác thể : do đây, người Ki-tô-giáo quan niệm ly dị tức là tách biệt chi thể ra khỏi thân thể.

Chúng ta không khỏi ngạc nhiên trước những tư tưởng uyên thâm được biểu thị bằng những hình ảnh chất phác. Hình ảnh đó không giải quyết cách cấu tạo Eva. Riêng về vấn đề tổ tiên có bao nhiêu, sách Sáng thế hướng về thuyết nhân loại

đồng tổ (monogénisme). Chắc hẳn tác giả đã theo quan niệm bấy giờ. Nhưng có thể đặt quan niệm này ngang hàng với quan niệm địa cầu trung tâm (géocentrisme), hay quan niệm về ánh sáng, hay thuyết định chủng (fixisme), tức là những thuyết không trực thuộc đức tin công giáo không ? — Thuyết nhân loại đồng tổ liên can đến vấn đề nguyên tội sau này : vì thủy tổ phạm tội, nên toàn nhân loại sinh ra cũng mắc phải tội đó. Như thế, thuyết nhân loại đồng tổ xem như là một tiền đề cần thiết. Dù chưa công khai và long trọng tuyên bố điều đó, nhưng mỗi lần nói đến nguyên tội, Giáo Hội vẫn ngẫm ngẫm chủ trương nhân chủng nhất nguyên, coi nó như một tư tưởng truyền thống. Khi lên án chủ nghĩa tôn chủng của Đức Quốc Xã thời Hitler, Giáo Hoàng Piô XII đề cao luật liên đới và tình huynh đệ giữa nhân loại : mọi dân, mọi nước đều đồng một Đảng Tạo Hóa, đồng một tổ tiên, đồng một cùng đích.

Ký tới : Vườn địa-dàng ; Cơn thử-thách :

NGUYỄN-ANH-LINH

✱ Có những hy-sinh phải đợi tới khi có hoàn cảnh thuận lợi mới nên đòi hỏi, nếu không, thường dễ vấp phải sức đối kháng phát sinh do từ bản năng tự vệ của con người. Bấy giờ người đối kháng thường coi sức đối kháng của họ là một cách tự-vệ chính đáng.

✱ Tình cảm người ta thường rất phức-tạp, ít khi phát-hiện ra một cách minh bạch, rõ ràng. Cho nên khi nào ta khơi ra được những tình cảm tốt tiềm tàng ở nơi người nào thì người ấy rất dễ trở nên đồng minh của ta.

Nếu ta đề lộ cho người thấy ta sợ sự kháng cự thì sự kháng cự sẽ phát-sinh và chính ta là kẻ đã khiến cho nó thành hình vậy.

Dòng tư-tưởng...

Loài người với tiến-bộ vật-chất

Bao lâu người vẫn là người thì người vẫn rên, vẫn khóc, và nước mắt chúng-sinh vẫn cứ trào mãi ra đê hợp thành biển khổ. Chúng ta không tin những người cam kết tiến-bộ vật chất sẽ biến thế-giới thành một thiên đường, chính vì thiên đường không thể thật hiện ở trần gian. Biết bao hứa hẹn hạnh phúc, biết bao chương trình lớn lao, rút cuộc, chỉ là những thủ đoạn lường gạt bĩ ối hay những mơ mộng ấu trĩ không giá trị. Nói vậy không có nghĩa là gạt bỏ mọi kỳ-vọng vào tiến-bộ của loài người. Trái lại, chúng ta phải hoạt động đê mưu cầu tiến-bộ cho hết sức mình và trên khắp mặt trận. Song chúng ta không thể nghĩ rằng một ngày nào đó, tiến-bộ có thể tiêu trừ được hết đau khổ hay phiền muộn. Loài người càng thoát khỏi sự lệ thuộc vào hoàn cảnh vật chất hay xã hội thì càng nhận thức được mình rõ hơn, càng lưu ý đến thân phận mình nhiều hơn, nên vì vậy, càng khám phá ra tình trạng bi đát của cuộc nhân-sinh hơn.

Lịch-sử chứng tỏ, ở nhiều giai-đoạn văn-minh, tiến-bộ vật chất đã gây ra trong tâm khảm con người những cơn khủng hoảng tinh thần, đưa họ tới chỗ bi-quan đến ngán-ngảm, yếm thế đến chán chường. Phải chăng đó là vì người ta đã quá tin tưởng vào tiến-bộ vật chất, — vốn là một giá trị, — song đã được người ta gán cho tác-dụng vạn năng, làm như nguyên nó có thể giải quyết được hết mọi vấn đề, trong khi thật sự có rất nhiều vấn đề, thể xác hay tâm linh, không lệ-thuộc nó hay chỉ lệ-thuộc một phần rất nhỏ.

PHẠM-HOÀNG

Khi viết
về giấc Chày Vô
Ông Nguyễn-Quang hay tôi
ai đã xuyên-tạc lịch-sử ?

BỬU-KẾ

(tiếp theo Bách-Khoa từ số 84)

Sợ những giả thuyết của mình không đứng vững, Ông Nguyễn-Quang đã đưa thêm ý kiến của Ông Bùi-Quang-Tung vào. Ông Tung với tôi cũng là chỗ thân tình. Ông lại là giáo sư Sử Địa ở Đại học, nhưng tiếc tôi chưa đọc quyển Trăm Thương của Ông và hiện không có trong tay để kê cứu. Nhưng tôi không tin rằng một Ông giáo sư sử địa lại viết ra những lời mà mình không có đủ bằng chứng đích xác.

Ông Nguyễn - Quang viết rằng :
« Ông Bùi-Quang-Tung (!) nhìn nhận
« Hồng-Bảo là người hay chữ nhất,
« hơn Hồng-Nhậm (Tự-Đức), mà lại
« có óc tân tiến hơn ».

Ồi trời ơi ! Hồng-Bảo mà hay chữ hơn vua Tự - Đức ? Ông Nguyễn-

Quang đã từng đọc 10 quyển Việt sử Tổng Vịnh, 8 quyển rất dày về văn và hơn 1000 bài thơ của bộ Tự-Đức thánh chế thi văn tập chưa ?

Ông đã đọc bộ Luận ngữ diễn ca, Thập điều diễn ca và hơn 100 bài thơ nôm của vua Tự - Đức chưa ? Còn Hồng-Bảo, trong phạm vi văn học, đã để lại những gì ? Xin Ông làm ơn cho tôi biết với !

Tiếp theo đó, Ông Nguyễn-Quang vẫn dùng tài liệu của Ông Tung :

« Theo Trăm Thương của Bùi-
« Quang-Tung, Hồng - Bảo học giỏi
« thức thời, giao du rộng rãi, thân
« thiện với các thương gia, hoặc Hoa-
« Kiều, Pháp, Y-Pha-Nho và Bồ-Đào-
« Nha, thường lui tới mua bán ở Huế
« và Đà-Nẵng ».

Về câu chuyện Hồng-Bảo học giỏi thì trên kia tôi đã nói rồi còn việc giao du rộng rãi, tôi dám thách Ông tìm đâu cho ra tài liệu nói đến chuyện giao du với Bồ-Đào-Nha và Y-Pha-Nho. Còn việc giao thiệp với các thương gia Hoa-Kiểu thì có gì là lạ. Họ sang buôn bán với nước ta thì ta lui tới mua hàng hóa của họ, chuyện rất thường. Huống hồ, Hồng-Bảo lúc ấy lại có nhiều hứa hẹn được lên ngôi, ai lại chẳng muốn tiếp đón ! Còn việc giao du với Pháp là một mưu mô để giành lại ngai vàng, có gì đâu đáng gọi là tân tiền, là cách mạng ?

Về cái chết của An-Phong-Công, Ông Nguyễn-Quang viết : Giả thuyết khác nói rằng Hồng-Bảo thất cổ tự tử. Thiệt là một cái chết khó hiểu. Người ta không thể để quyết Hồng-Bảo tự sát được. *Mà chắc chắn* Trương-Đăng-Quê và phe đảng ông nấy ra lệnh bí mật giết Hồng - Bảo, hoặc nhà vua nghe lời siểm nịnh giết Hồng-Bảo.

Viết đến đây, Ông Nguyễn-Quang có để mấy chữ và vòng lại : (Hoài cổ Ngâm của Bửu-Cầm, trang 12).

Tôi liền giở quyển Hoài Cổ Ngâm ra xem lại. Ông Cầm viết : Một ngày kia, người ta thấy Hồng-Bảo thất cổ chết ở trong lao. Đó là một cái chết khả nghi, người ta không tin rằng tội nhân tự sát, nhưng bị giết.

Ông Bửu-Cầm với tôi, không những bà con mà lại thâm giao nữa. Nhưng Ông có ý kiến của Ông, tôi ý kiến của tôi. Khi thấy Hồng-Bảo chết, tôi cho là thất cổ, còn Ông Bửu-Cầm cho

là bị ám sát, đó là cái quyền của Ông. Nghi thì ai cũng có quyền nghi, nhưng không có quyền dùng hai chữ chắc chắn như Ông Nguyễn-Quang đã dùng, vì là nó còn nằm trong giả thuyết. Về phần tôi không những dựa theo chánh sử (vì Ông có thể cho đó là sách do triều đình viết ra) mà còn dựa theo lời của Giám Mục Pellerin người đương thời, mà cho rằng đó là một vụ tự sát.

Sau khi nói về cái chết của Hồng-Bảo, Ông Nguyễn-Quang nhắc lại một lần nữa về vụ thông dâm giữa vị Đại thần họ Trương và bà Từ-Dũ và dựa trên cái lý luận nầy :

Đã có tình thông dâm, mặc dầu nhà vua không ra khỏi cung điện, bà Từ-Dũ vẫn thi hành được dễ dàng mỗi khi Trương-Đăng-Quê tự do ra vào cung cấm.

Theo sử Tàu và sử Ta, thỉnh thoảng vẫn có xảy ra những việc thông dâm giữa các vị quyền thần hoặc vì :

- 1) Nhà vua bắt lực,
- 2) Nhà vua hay đi tuần du,
- 3) Vị đại thần lấn áp cả uy quyền của nhà vua,
- 4) Vua còn nhỏ tuổi, quyền hành đều nằm ở trong tay của Hoàng hậu, và Hồng-Đề thì đã thắng hà rồi.

Xét về vua Thiệu-Trị thì bắt lực cũng không mà hay đi thì cũng chẳng thấy đi đâu cả. Còn Trương-Đăng-Quê sợ vua chứ không phải vua sợ Trương-Đăng-Quê !

Còn những điều quan hệ nầy nữa mà chúng ta cần phải biết đến :

1) Lúc trong tay có uy quyền thì Trương-Đăng-Quê đã lớn tuổi, còn vua Thiệu-Trị trẻ hơn. Ai lại chịu bao nhiêu nỗi nguy hiểm để tư thông với một người, uy quyền, tuổi tác đều thua hẳn chống mình, đó chưa kể, nếu việc phát giác có thể bị nghiêm trị.

2) Ông Nguyễn-Quang, cũng như một số người khác, không rõ nghi thức trong triều. Ngày xưa, trong cung cấm có ai được vào đâu ? trừ đàn bà và thái giám. Cho dầu là cha mẹ, có con dâng vào Đại Nội cũng không có quyền tự do vào thăm. Thử hỏi Ông Trương-Đăng-Quê làm sao mà vào Nội cung được ! Còn các bà cung phi thì có được tự do đi ra ngoài đâu !

Trước khi chấm hết câu chuyện thông dâm, Ông Nguyễn-Quang lại đưa ra một giả thuyết cho ta thấy Ông thiếu hẳn công phu tham khảo, thiếu hẳn lý luận và hay nhầm lẫn tin liêu.

Buồn cười là Ông nêu lên một câu hỏi : Trương-Đăng-Quê và Tự-Đức là hai anh em ruột ? Ông đem giai thoại sau nầy làm bằng chứng : Vua Tự-Đức yến tiệc, nhai miếng thịt, răng cắn lười, ngài liền ra lấy để tài răng cắn lười để Triều thần làm thơ. Trương-Đăng-Quê có 4 câu thơ nhỏ mà Ông Nguyễn-Quang tạm dịch ra quốc ngữ :

*Ngã sinh vì liên cánh vị huynh,
Nhữ sinh vì hậu cánh nan huynh*

*Tình cam vị khởi đồng quân tử
Hà nhân tương đồng cốt nhục tình
Ta để trước, ta là anh.*

*Chữ để sau, sao chữ làm anh được.
Miếng ngon bùi ngọt cùng nhau
chia mới phải
Hà cơ làm sao lại cắn lẫn nhau
đó mà.*

Ông kết luận rằng : « Răng và lười là hai anh em, là ám chỉ Trương-Đăng-Quê và Tự-Đức là hai anh em ruột đó ».

Ông viết thêm : « Ghi lại đây để « đọc giả phán xét, thực hư thế nào, « còn đợi sử gia trả lời ».

Tôi không phải là sử gia, nhưng cũng xin trả lời rằng điều Ông nói trên hoàn toàn sai lạc sự thật, nếu chúng ta chịu khó tra cứu sách sử cho kỹ :

1) Bài thơ trên nầy, ta xét ra không ăn rập gì với vua Tự-Đức và Trương-Đăng-Quê cả và giữa hai người không bao giờ có việc mưu hại lẫn nhau như chuyện răng cắn lười.

2) Ra đầu đề là « Răng cắn lười » lẽ tự nhiên phải làm nên răng và lười, sao lại vịn vào đây để bảo là anh em ? Nếu trong tất cả triều thần cũng làm chung một ý chẳng hóa họ đều là anh em với vua Tự-Đức cả ? Cái lối đọc thơ một cách xuyên tạc, tôi thấy nhiều người làm không riêng gì Ông Nguyễn-Quang.

3) Nhưng cái lý do giản dị nhất cho ta biết vua Tự-Đức không thể nào anh em với Trương-Đăng-Quê được

vì lẽ vua Thiệu-Trị, người sinh ra vua Tự-Đức, còn nhỏ tuổi hơn Trương-Đăng-Quê nữa thì bảo sao có câu chuyện ngược đời ấy được ! (Vua Thiệu-Trị sanh năm 1807. Trương-Đăng-Quê sanh năm nào, thật tình tôi không rảnh để kê cứu, nhưng biết đích xác Ông đồ cử nhân năm 1819. Ta cứ đặt một cái giả thuyết rằng Ông đồ cử nhân năm 21 tuổi (như vậy sớm rồi còn gì nữa), thế là Ông sanh năm 1798. Tính ra vua Thiệu - Trị thua Trương-Đăng-Quê đến những chín mươi tuổi).

Còn bài thơ Ông chép lại tôi đọc không hiểu nổi. Sao một vị khoa mục như Trương-Đăng-Quê lại làm một bài thơ điệp vận ! (hai chữ huỳnh). Chữ « từng » là một chữ không có trong tự điển Hán văn. Câu chót : « Hà nhân tương đồng cốt nhục tình », nghĩa là ; Sao nỡ cùng chung tình cốt nhục. Nỡ hại nhau, nỡ cắn nhau mới đúng, chứ ai lại nói « nỡ tình cốt nhục » ? Còn chữ nho là chữ gì mà Ông dịch : Hà có cắn lẫn nhau ?

Bài thơ Răng cắn lưỡi, tôi cũng đã từng được nghe nói đến. Đầu đề chữ nho của nó là « Xĩ nghiêth thiết » (Răng cắn lưỡi). Tương truyền bài này của Ông Đinh-Nhật-Thận làm ra.

Sau khi Hồng-Bảo chết trong ngục, một hôm, nhân một bữa tiệc, vua Tự Đức cần nhằm lưởi, liền lấy việc ấy làm đề tài đề ra cho triều thần, và Ông Đinh-Nhật-Thận đã làm bài thơ sau :

Ngã sinh chi sở, nhữ vị sinh
Nhữ sinh chi hậu, ngã vi huynh.
Nhật môn cộng hưởng trần cam vị,
Hà nhân tương vọng cốt nhục tình.

Tôi xin dịch :

Ta mới sinh ra, người chữa sinh.
Vì người sinh muộn, ta làm anh.
Trần cam một cửa, cùng chung
hưởng
Sao nữ quên đi, cốt nhục tình.

Độc bài thơ này, vua Tự Đức cảm xúc về cái chết của Hồng-Bảo nên

« Quạt tỉnh »

Ông Tô-Tiên-Công là một thầy thuốc rất giỏi và rất có tiếng ngày xưa. Ông chuyên trị bệnh bằng vỏ quít và nước giếng trong mát mà khiến cho rất nhiều người được lành bệnh. Hai tiếng Quýt (quít) Tỉnh (giếng) trở thành một tiếng kép dùng để chỉ bậc thầy thuốc hữu tài, hữu danh.

đã ngồi khóc. (Chữ nhật môn hay ở chỗ một cửa một nhà lại có ý nói cửa miệng).

Trang 44, Ông Nguyễn-Quang viết: Ông Bửu-Cẩm đã nói « Khi Hồng-Bảo bị bắt », cũng đủ cho ta thấy rõ việc âm mưu loại Hồng-Bảo và giết Ông là do Trương-Đặng-Quê và Tự Đức. » Câu này tôi thấy nghĩa của nó không rõ. Mấy chữ « Khi Hồng-Bảo bị bắt » làm sao lại cho ta biết được cuộc âm mưu của Vua Tự Đức và Trương-Đặng-Quê? Công việc mưu phản của Hồng-Bảo đã rành rành ra đó, ngay trong bài của Ông, ông cũng đã công nhận. Mưu phản có chứng cứ thì phải bắt, phải giam, còn kêu nài gì nữa?

Ông Nguyễn-Quang cho rằng: Bửu-Cẩm và Bửu-Kê đều là người Hoàng tộc, nhưng nói tới cái chết của Hồng-Bảo thì Bửu-Cẩm khách quan và Bửu-Kê lại chủ quan. Ông muốn khen Bửu-Cẩm đó là cái quyền của Ông, còn tôi có chủ quan hay không, thì sau khi đọc bài của tôi đọc giả cũng đã rõ.

Trong hai bài báo của Ông Nguyễn-Quang đăng ở Phổ Thông chúng tôi thấy sai lạc gần hết, từ việc lớn đến việc nhỏ. Những việc lật vật như vua Thiệu Trị 61 người con thì ông cho là 60 (Ông viết: « Có người cho rằng vua Thiệu Trị có 60 người con ») Viết một bài sử, những điều có thể kê cứu sách vở được thì ta không có quyền dùng những chữ: Có người cho rằng).

« Cao-Bá-Quát nguyên đồ cử nhân thứ nhì, sau Bộ truat xuống chót ».

Thi cử nhân có bao giờ Vua biết đến đâu, phải là thi đình mới thi trong điện. Đồ cử nhân bỏ hành tẩu là đúng lắm rồi còn đòi gì nữa? Ông không thầy Nguyễn-Công-Trứ đậu giải nguyên (tức đầu cử nhân) cũng chỉ bỏ hành tẩu, đó sao?

Thề mà Ông lại vu cho vua Tự-Đức là cớ tâm « trù » Cao-Bá-Quát. Còn việc Cao-Bá-Quát sửa câu đối thì thật hoàn toàn bịa đặt. Trong Nội có bao giờ treo câu đối: Thần khả báo quân ân, Tử năng thừa phụ nghiệp đâu! Một câu đối treo trong Nội mà lại dám để vào mấy chữ « Luân thường đảo ngược » thì to gan thật. Vua Tự-Đức mà không bắt tội « khi quân » thì cũng là đại lượng thật. Còn nếu đem câu đó ra mà xét thì chỉ là một câu xu phụ mà thôi vì sợ chữ thần nằm lên trên chữ quân nên phải sửa để đảo lại. Vậy còn đâu khí phách của Cao-Bá-Quát nữa?

Trước khi chấm dứt đoạn này, tôi xin thanh minh rằng: Cái dây liên lạc về bà con, giữa tôi và vua Tự-Đức cũng như giữa tôi và Hồng-Bảo. Tôi bình vực người này hay người nọ không ích lợi gì cho tôi cả. Nhưng tôi đau lòng vì những điều mà người ta thường xuyên tạc, và hay ưng bóp bẹp lịch sử, nên phải đem sử liệu ra để viết lại đây thôi!

Đoạn trên này đã quá dài, tôi xin chấm dứt để nói qua Giặc chày vôi,

nói một ít thôi, kéo lại mang tiếng dài dòng.

Tôi không dám nói rằng Ông Nguyễn-Quang đã dùng một phần lớn tài liệu trong bài tham khảo của tôi để viết, nhưng tôi không khỏi ngạc nhiên khi thấy tài liệu của ông giống tài liệu của tôi quá, mặc dầu tôi viết trước đã lâu. Biết đâu không do sự tình cờ mà ra ? Tôi viết theo Quốc - triều Chánh biên toát yếu thì Ông cũng viết theo Quốc-triều chánh biên toát yếu, tôi dùng tài liệu của Thực lục chánh biên đệ tứ ký, của giáo sĩ Pellerin, của Galy, của Đại-úy Goselin, và ngay đến mấy câu của Đào-Duy-Anh bằng tiếng Pháp mà tôi đã trích viết vào trong Tạp chí Đại-học nay cũng thấy trong Phổ thông.

Về Đoàn - Trưng, Ông Nguyễn-Quang có khen một câu rằng thông minh hay chữ, tinh thông võ nghệ cao cường. Trong bài của tôi viết ở Đại học tạp chí, tôi cũng công nhận Trưng thông minh hay chữ, nhưng theo tôi thì Đoàn-Trưng chỉ là một anh học trò văn trên vài mươi tuổi, chứ không biết võ nghệ chút nào. Ông đã xem sách nào mà bảo Đoàn-Trưng giỏi võ. Vì giỏi võ sao cuộc chiến đấu trong Đại Nội bên đời phương chỉ có một nhóm người do Hồ-Oai và Nguyễn-Thanh điều khiển, thế mà cả hai anh em Đoàn - Trưng đều bị bắt thì những môn võ nghệ để cả ở chồn nào ?

Ông bảo rằng: Sơn đông Thi tửu hội thâu nạp những anh hùng chí sĩ nặng lòng yêu nước để sửa soạn cách

mạng chồng vua Tự-Đức. Chao ôi ! Ông bảo rằng Ông khách quan, thế mà Ông dùng những chữ quá to tát, quá đi xa sự thật ! Những nhà ái quốc ấy là ai, Ông thử bảo cho tôi biết với ! Trong bài của tôi, tôi chỉ nói : Đoàn-Trưng dựa vào thế lực của nhạc phụ tức ngài Tùng-thiện-Vương, một vị Hoàng thúc đầy uy tín để lôi cuốn một số võ quan, binh sĩ hay dân chúng. Điều này là vì văn để cảm tình, chứ đâu có phải việc nước, vì tính thần cách mạng đâu ! Ta thấy rõ bọn Đoàn-Trưng lợi dụng các cuộc làm chay, lợi dụng bọn phu xây Khiêm Lăng để làm hậu thuẫn, toàn là quân ô hợp, mà Hồ-Oai chỉ nạt lớn một tiếng cũng đủ tan rã.

Ta không nên lấy thế cuộc ngày nay mà xét đến việc ngày xưa. Giờ đây Ông với tôi, chúng ta từng đọc sách cách mạng, từng trông thấy những cuộc cách mạng, những ý tưởng cách mạng mới thấm nhuần vào trí não chúng ta nhiều ít, chứ tôi dám chắc Đoàn-Trưng vào lúc ấy, không có tư tưởng gì là cách mạng cả, chẳng qua là một cuộc đánh bạc, nếu Đinh-Đạo làm vua thì hưởng phú quý bằng thật bại thì chịu hậu quả mà thôi.

Ngoài ra có những đoạn Ông Nguyễn-Quang và tôi cùng chung một tài liệu (!) thì tôi không có gì phải bàn bạc.

Trong bài Ông Nguyễn-Quang hay dùng chữ « Sử chép rằng » hay Theo sử... Chỉ mấy chữ ấy đủ tỏ ra Ông không khách quan một tí nào.

Sự thật thì nhiều chỗ Ông đưa ra, không bao giờ chép trong sử cả, chẳng qua, Ông viết thế để độc giả tin mình mà thôi.

Trong bài của tôi cũng như của Ông Nguyễn-Quang, điểm chính và cũng là đầu mối của câu chuyện là vì sao có việc phê lập? Trên kia, tôi trình bày cũng đã khá rõ ràng rồi, nay tôi chỉ đưa vào đoạn kết:

Theo tôi thì chỉ là những nguyên do sau đây:

1) Vua Thiệu-Trị không yêu Hồng-Bảo bằng Tự-Đức. Lý do là Tự-Đức thông minh, ham học. (Đền đây tôi xin đưa vào một vài tài liệu, không phải nằm trong lịch sử, nhưng nhiều người ở Huế vẫn kể cho nhau nghe, và tôi có thể đưa những người ấy ra đây để đời chứng được. Hồng-Bảo, nghĩ rằng thế nào mình cũng sẽ được lên ngôi cho nên dám ra kiêu ngạo. Con đầu là Đinh-Đạo Ông dùng ngay cái bộ phận của đàn ông để đặt tên. Mỗi khi ông hoàng bà chúa đến thăm Hồng-Bảo liền gọi C... ra chào các cô, các bác con!

2) Nhân lễ Tết Nguyên Đán, Sứ Tàu vào chầu, vua Thiệu-Trị mới ra cho hai con câu đối: Bắc sứ lai triều, Hồng - Bảo liền đối: Tây sơn phục quốc. Vua Thiệu-Trị đã rầy la về câu đối này. Ngài bảo cho An-Phong-Công biết rằng nếu Tây sơn phục quốc thì còn gì nhà Nguyễn nữa. Và cũng tỏ ra rằng Hồng-Bảo thiếu suy xét. Còn mấy ngày cuối cùng của vua Thiệu-Trị, Ngài đã nhiều lần đòi Hồng-Bảo vào chầu, nhưng Ông luôn luôn vắng mặt. Còn Tự-Đức thì luôn luôn hầu hạ Ngài. Cũng vì những lý do ấy mà vua Thiệu-Trị sinh ra có ác cảm với con trưởng.

3) Vì vua Thiệu-Trị thương yêu bà Từ-Dũ nên muốn con bà được lên ngôi.

4) Trương - Đăng - Quế là thầy vua Thiệu-Trị. Giữa An-Phong-Công và Trương-Đăng-Quế có sự hiềm khích. Nếu An-Phong-Công lên ngôi sẽ nguy hại cho Trương-Đăng-Quế, nên Ông cố gắng thuyết phục vua Thiệu-Trị về việc truất ngôi Hồng-Bảo.

BỮU-KẾ

★ Bạn chớ bao giờ tranh-luận với người dưới quyền trước mặt những kẻ khác. Hai người đối diện với nhau thường dễ đưa những chứng cứ đối thủ để phi bác nhau hơn là hai người lời qua tiếng lại với nhau trong một hành lang đông đặc những người. Nhất là người dưới ít khi chịu nhận lỗi mình trước chúng bạn và nếu lẽ phải về phía bạn quá rõ ràng, thì họ khó lòng tha thứ cho bạn được việc bạn đã sỉ-nhục họ trước công chúng. (L.M. Courtois)

MỘT KẺ

ĐẦY MẶC-CẢM

☆ ĐOÀN-THÊM

CHO đến năm 25 tuổi, Tu là một kẻ... khó hiểu, đối với người chung quanh cũng như với cả chính mình.

Tu chậm chạp, ít cười ít nói, mở miệng thường ấp úng, người nghe có khi phải cau mặt hỏi lại :... nghĩa là thế nào ? nhưng nếu bị truy vấn, Tu luống cuống không dám thừa thốt gì nữa. Thầy ai nhìn, Tu quay mặt đi, khỏi người đã chê là có tướng gian dối.

Đã thế lại vô duyên : có lần Tu bật cười khi người khác yên, hoặc vỗ tay một mình trong rạp điện ảnh giữa đám khán giả lặng thinh, đến nỗi bị « suýt ! ». Từ đó, ở các nơi tụ họp, mặc dầu các bạn pha trò ầm ĩ, Tu chỉ ngồi im : cũng lại chết, vì sự yên lặng của Tu không khác nào một sự bất - đồng, phủ

nhận, khiến người chung quanh khó chịu. Cứ như vậy, giữa Tu và bà con chúng bạn lớn nhỏ, hầu như sừng sững một hàng rào cản sự cảm thông.

Cho nên Tu hay xa lánh chỗ đông người, một mình lui thủ một góc sân trường, một căn phòng vắng. Đến lớp học, thầy bạn ồn ào vui vẻ trước cửa chính, Tu đi sát vào tường hè, lẩn ra phía sau ; khổ nhất là đã trốn mà vẫn bị bọn tinh nghịch ngó thấy, quay cả lại chỉ tay hô : nó kia kia ! Nếu bị thầy hỏi, Tu chỉ mong được đứng tại chỗ trả lời, nếu bị gọi lên bảng, Tu xoay mặt vào tường, vì lỡ ra nhìn phải bạn nháy mắt hay bĩu môi trêu, thì Tu muốn chui ngay xuống đất ; có bạn thầy bức mình bắt ngành về phía học trò. Tu đành ngược mắt trông

MỘT KẺ ĐẦY MẶT CẢM

vào địa-đổ treo ở cuối lớp để tránh những cái nhìn quí quái, nhưng còn hai bàn tay không biết cho vào đâu, ôi, hai cái bàn tay thừa, thừa quá!

Trước mặt bạn giai còn thề, hòng hồ đổi với phụ nữ? Đi đâu về, nếu gặp vài cô bạn đến chơi với Liên, em gái mình, Tu đã thấy bừng mặt và vội lảng xa. Gặp chị em họ, Tu bắt đầu dī gặt đầu chào, đôi môi mấp máy không ra tiếng. Có hôm nghe gõ cửa, Tu chạy ra mở, thấy cô Chuyên bạn thân của Liên, đáng lẽ mời vào, Tu lại đóng sập cửa, chạy lên gác bảo em xuống xem có ai hỏi.

Khổ nhất cho Tu, là hôm buộc phải dự tiệc trà cưới anh họ, và bị ghép cùng với một số thân hữu thanh niên tiếp các cô phù dâu với nhiều thiếu nữ khác. Tu lần sau những bạn bạo dạn nhanh nhẩu, chẳng dám cười nói, chỉ nhìn trộm mấy cô xinh nhất; có cô bắt chợt Tu ngấm, cúi xuống thủ thi gì với hai ba cô bên cạnh, một cô che miệng cười: Tu thấy mình chổng ngực đập thình thình như bị bắt quả tang phạm lỗi gì nặng. Thân, một anh vui vẻ nhất đám, có ý chơi khăm, buộc Tu cầm đĩa bánh đi mời các cô, Tu vội vàng từ chối, song có cô ranh mãnh báo ngay: « Nếu anh ấy không mời thì đừng ai ăn nữa ». Thề là cả các bạn trai nhao nhao: Tu! Tu! Tu! Tu đành « nắm cả can đảm trong hai bàn tay » như Tây thường nói, cố chiều ý mọi người, nhưng đến cô thứ tư — chính cô đã che miệng cười —, thì Tu rùng rời đánh rơi vỡ đĩa, rảo

bước trồn sang phòng bên cạnh, tai còn văng vẳng tiếng cười giòn tan của những người xinh xắn tinh ranh.

*
*

Đêm hôm đó, Tu mất ngủ; mới đầu rất tủi thân và cảm rõ sự kém hèn đã chịu đựng bao năm, rồi đâm bực tức: tại sao ai cũng khinh rẻ Tu, coi Tu như một kẻ kỳ dị mà nhất cử nhất động thành một trò cười cho mọi người? Tu nhớ lại cả sự trêu chọc của những bạn đã lợi dụng tính e dè nhút nhát của Tu: một buổi đèn giờ thể thao, huấn luyện viên đến chậm, học trò bàn nhau chơi gì, có anh đưa ngay đề nghị: lột quần áo thằng Tu! Thề là cả hai ba chục bàn tay xô vào túm, Tu quẫy cựa như thú bị vớ bắt, phúc bảy mươi đời tiếng còi cứu khổ cứu nạn của giám thị réo lên giục mọi người xếp hàng vào lớp. Lại có bạn, thầy đọc cho chép đề học thuộc lòng một bài thơ — không nhớ có phải của ông Tú - Xương? — đến câu « *chẳng phải quan mà chẳng phải dân, ngo ngoe ngàn ngàn hóa ra dân* », vô số đầu quay cả lại phía Tu, Tu biết chúng bạn coi câu đó như ám chỉ mình, nên chỉ muồn khóc.

Tu mệt quá, ngủ thiếp, sớm hôm sau mở mắt thấy Thân ở cuối giường, đèn tự bao giờ chẳng rõ, bình tĩnh ngồi chờ Tu dậy:

— « Chắc Tu buồn, nên tôi lại chơi ». Thân nói với giọng thành thực của một người anh lớn, Thân hơn Tu ba tuổi và học trên ba lớp.

Lần đầu tiên Tu được một người tìm hiểu, nhất là người đó giỏi hơn Tu nhiều, lại đương lúc ừ rữ cô đơn. Tu cũng muốn bộc lộ cho hả nguồn cơn, nhưng biết nói làm sao ?

Thân đỡ lời, đoán ra nỗi niềm, gọi lại chuyện xảy ra hôm trước, và bảo :

— Chuyện đó là thường, song cái đáng lo ngại là thái độ xưa nay của Tu, cần sửa chữa nếu không thì sau này ra đời sẽ bị thiệt thòi nhiều lắm.

Tu nhắc cho Thân câu hỏi đã lần quất trong đầu óc gần suốt đêm : vì sao Tu cảm thấy kém hết mọi người, và chỉ bị khinh ?

Theo Thân, điều đó chưa chắc đã đúng, Tu tưởng tượng ra như vậy. Dù sao, đã yên trí rằng mình kém, cũng đủ chứng tỏ căn bệnh của Tu sâu xa lắm, nếu căn cứ vào những thuyết tâm lý học « psychanalyse », cần phải ngược lại dĩ vãng mà tìm ra mới dứt được ; nếu xét quả là mình kém, hãy cố gắng hơn kẻ khác về một phương diện gì mà bù lại mới mong khỏi được.

..

Tu đã nghe Thân, về cả hai điểm vừa dặn. Nhớ lại từ thuở bắt đầu hiểu biết, hồi lên năm lên sáu, Tu nhận ra nhiều sự chưa từng để ý, tuy vẫn mang máng phấp phỏng là có ảnh hưởng đến tính tình mình.

Theo người lớn kể lại, thì lúc Tu ra đời, nhà đông con, ông thân

sinh bảo : đẻ nhiều quá, tìm chữ đặt tên mãi, hết rồi, muốn gọi nó là gì thì gọi. Bời Tu hay khóc đêm, có người nói đùa : gọi nó là thằng Tu, nghĩa là khóc tu tu. Được thuật lại như vậy, Tu tủi thân lắm, thấy mình bị coi như người thừa không đáng kể, trong khi các anh chị đều mang tên đẹp : Tùng, Ngọc, v.v... Đã bao lần Tu bị trẻ khác chê giễu, có khi một đứa hỏi : còi tâu kêu thè nào nhỉ ? một đứa trả lời : Tu ! tu ! tu !

Tên đã xấu xí, « người ngợm » cũng chẳng ra gì. Bác Hai bảo : nó cứ nhăn nhó như kẻ khó xin ăn. Chú Sáu lại nói thêm : ừ, nó quắt queo, mà hơi một tí lại phụng phiu, len lét, trông bất thành nhân dạng, sao thằng anh Tích nó khôi ngô thè chẳng bù cho nó một tí ? Ông đồ Tài xem sổ hộ, lắc đầu : cậu này âm dương lạc hăm, khó lòng học hành nên người, « những người bất hiền công danh, chỉ hiểm nhật nguyệt đồng minh Sừu, Mùi », mà cung phúc đức đóng ở Mùi thì tệ hại lắm, chỉ được cái cung thê thiếp kha khá, mà Thân lại cư Thê, bất nhược cưới cho một cô vợ đảm giúp đỡ, giá hơn chừng một giáp thì tốt.

Một giáp là 12 năm : các anh các chị các cô các chú phá lên cười một mẻ. Tu nghĩ mình lên 9 mà phải lấy vợ chừng 20 như chị Thu béo nung núc, thì rùng cả mình, thẹn chảy nước mắt, và từ đó hể ai nói gì đến chuyện vợ chồng, hoặc thầy cô gái nào lạ, Tu nơm nớp như

sắp phải « làm chồng » thì hết vía. Mọi người biết và lợi dụng nhược điểm đó, nếu bảo không được, hay dọa dẫm : hừ, phải cưới vợ cho nó mới xong ! Tu vội vàng tuân lời để thoát nạn. Có lẽ vì thế mà sợ đàn bà ?

Thực ra Tu sợ hết mọi người, sợ cả chính mình, vì thấy mình tên xấu, người xấu, quần áo xấu, lúc nào cũng lời thôi lèch thèch, đi qua tấm gương, Tu chỉ dám nhìn thoáng, có bạn bị anh Sinh trêu giữ trước gương mà bảo : thử ngắm xem nhan nhố thế này có đẹp không ? Tu cúi gằm mặt rồi chạy trốn. Khi phải chụp ảnh với cả gia đình, Tu cũng ngượng quá : người khác bạn đồ đẹp thì nổi vẻ lắm, nhưng Tu đeo bộ quần áo mới thấy nó làm sao ấy, hình như mình không xứng đáng, nên chuẩn ra đằng sau và quay mặt đi, lúc rửa ảnh xong chỉ thấy gáy và hai tay vênh, càng bị mắng là quái dị.

Những cách đối đãi mà Tu đã chịu đựng khiến con người bé nhỏ của Tu khúm núm, sợ sệt, nên thành vụng về. Tu đọc những sách như « Poil de Carotte » của J. Renard, thấy đứa trẻ bị gia đình coi rẻ mà không được lành mạnh hồn nhiên, càng muốn tìm ở những nguyên nhân vừa khám phá. Có lẽ còn căn bệnh khác, như sức yếu của Tu : Tu xanh xao mảnh khảnh từ hồi thơ ấu, trái với Chúc hay Lung mập mạp nở nang và chắc cũng nhờ sức khỏe mà họ huỳnh huých, ngổ ngáo, táo bạo. Dù sao, gia pháp không thích hợp và quá chặt

chẽ đã ngăn trở sự cởi mở tâm hồn thơ dại. Trước mặt người lớn, Tu không được tự tiện ngồi nằm, không được nói xen vào câu chuyện, kéo bị quờ là « nói leo » nói bẻm », ấy là chưa kể sự uốn nắn theo lễ phép chấp chân, chấp tay, cúi đầu khi đi qua mặt tôn trưởng, ngay từ khi lên 5 tuổi. Thấy bóng cha chú cô di, đương nô đùa Tu, phải đứng yên ngay, hoặc đương lúi húi chơi một cách vô tội như nhặt sỏi hay xếp những vỏ quẹt rỗng, Tu vội vàng làm lét giầu quanh : biết đâu những trò đó không là những lỗi đáng trách ? Đã bao lần, có những cái lờm — của những ai nhỉ ? — chặn đứng những cuộc chạy nhảy, ngưng bật những tiếng hát véo von, cắt đứt những chuỗi cười nắc nẻ. Có chi lạ nếu về sau Tu hay gượng dè, giữ gìn, che đậy ?

..

Bời quen khép nép phục tòng, Tu không phản uất, chẳng dám oán thoán người trên, mặc dầu nhận ra vì hoàn cảnh gia-đình mà mình như thế này. Tu chỉ buồn, nhưng cũng thấy yên lòng : các nguyên do đã hại Tu, xét ra chẳng có gì ác nghiệt hay quan trọng, chỉ vì không có người tìm hiểu khuyên giải nên Tu đã để nó ngấm ngấm len lỏi vào thần kinh mình, vương vium ràng buộc cản sự nảy nở, gò ép cho co rúm, dằn nõi Tu chỉ còn cảm thấy mình là một mớ kết hợp của các sự xấu xí thấp kém, và buồn tủi. Nay đã nhận thức rõ ràng, Tu không thể còn để nó làm khổ nữa : Tu sẽ vươn

minh cựa đứt những mối dây rồi rít đó, để thoát ly thoải mái và vui sống như người khác.

Như người khác? Khó lắm. Trắng trẻo sáng sủa như Lịch thể nào được? Pha trò có duyên như Tô, không thể. Vật ngã cả ba bốn bạn xông vào co kéo, khoẻ bằng Lân, phải được nuôi nấng rèn luyện từ bé. Bảnh bao với những áo quần đồ vật tốt đẹp như Xích hay Hưng? Nào Tu có là con nhà giàu? Tu đành chịu chẳng mong kịp họ.

Tới đây, Tu lại thầy Thân nói đúng: cần tìm cách hơn họ. Ngẫm kỹ lại, còn sự học. Tu chưa từng nghĩ đến vì chưa dám nghĩ. Nhưng phải rồi, thử cô xem sao, và nếu chẳng vượt được các bạn, cũng không ai hiểu quyết định và sự thất bại để chê cười.

Tu dốc lòng học ngày đêm, đọc nhiều sách, nhất là vì lười thói một mình cũng buồn. Tu theo dò so sánh số điểm từng bài với các bạn, thì toán được 16/20 trong khi Ích chỉ được 14/20, luận thi kỳ được thứ 6, kỳ thứ 3, rồi nhất, và đến cuối lục-cá-nguyệt Tu đứng đầu lớp. Sự ngạc nhiên của chúng bạn xôn xao, khiến cho Tu lần đầu thầy hả dạ. Kết quả thâu được khác nào một sự đền bù cho dĩ vãng đáng buồn và rửa mặt cho Tu, một kẻ thường bị khinh rẻ. Tu nức lòng gắng hơn nữa, thấp thỏm bị thụt lùi thì ề chế, điểm số hàng tháng cứ tăng đều. Rồi mỗi khi thấy gọi, Tu hết lúng túng: lên bảng là để làm thay Lưu hay Tý bài toán

khó; gọi đứng lên tại chỗ, là để trả lời hộ cho cả lớp im lìm về một chữ một câu không ai hiểu nghĩa. Thành ra mỗi khi thấy hỏi ai biết (qui sait?) là bao nhiêu đầu quay cả về phía Tu, không chề giễu nữa, nhưng chờ ngón tay của Tu từ từ giơ thẳng, tiếng nói rõ ràng rõng rạc của Tu, và lời khen « tốt » (bien) của thầy.

Nhưng từ chỗ tự tin, Tu dần dần chuyển tới tự kiêu. Tu chưa quên rằng còn xấu xí hơn Li, yếu ớt hơn Trung, nghèo hơn bao bạn khác. Song đã cho mình giỏi rồi, thì lòng kiêu ngạo chớm nở để tìm ra nhiều lý do biện bạch hùng hồn: trắng trẻo làm quái gì, có phải là con gái đâu mà cần? vai u thịt bắp, tất thiếu về thanh nhã của nhà trí thức, giàu có để rơi vào đời sống trường giả, lắm khi thành trọc phú, các bậc tiên nho thường túng bần mà còn hãnh diện vì cánh thanh bạch.

Đà tâm lý đó thúc đẩy Tu tiến mau trên đường học vấn, đồng thời đưa đến một thái cực khác: Tu lớn lên cùng tính kiêu căng, lâu dần chỉ còn nhận thấy những ưu điểm khiến mình vượt chúng bạn; thông minh và kiên văn mà Tu ỷ vào, được phóng đại bằng tưởng tượng, đối với Tu quý hóa gấp mấy những giá trị vật chất của tha nhân: họ có cũng như không, Tu chẳng thêm kể tới nữa.

Chẳng rõ tâm trạng này đã hiện ra những sự thật thô gì, mà một hôm Thân lại bảo Tu: « người ta kêu về Tu khá nhiều đây ».

MỘT KẺ ĐẦY MẶC CẢM

Gạn hỏi, Tu mới được Thân cho biết đại khái: Đối với mọi người, Tu không rụt rè ấp úng nữa, trái lại từ lâu có vẻ khinh khinh, đôi khi cười nói mỉa mai châm chọc; trước mặt phụ nữ, chẳng sợ hãi như xưa, song hay lăm lăm lì lì, cô nào bà nào hỏi chuyện Tu cũng ừ ào cho xong như không thêm chú ý đến lời nói của họ, hoặc nửa đùa nửa thực bốn cọt như đối với con nít. Ai hỏi ý kiến Tu về nhân vật này hay nhân vật kia, Tu thường nhếch mép hoặc phê bình một cách chua chát, đến nỗi Thân và nhiều bạn có cảm tưởng rằng từ chỗ sợ mọi người, Tu đã bước tới chỗ không coi ai ra gì nữa. Vì sao thế? Học vấn của Tu tuy đã đến trình độ khá cao, nhưng đã đủ cho Tu tự cao tự đại chưa? Phải chăng tự ti mặc cảm đã nhường chỗ cho tự tôn mặc cảm?

*
* *

Tu không trả lời, chính vì một lần nữa, Thân đi guốc vào bụng Tu. Mới đầu Tu khó chịu. Nhưng rồi Tu cũng thấy cần xét lại thái độ của mình.

Mục đích của Tu khi cô học, chẳng qua là đạt tới ưu điểm gì khiến Tu khỏi tự khinh và tránh sự khinh rẻ của người khác. Chủ ý chỉ có tánh cách tiêu cực.

Tu thành kiêu hãnh, phải chăng để trả thù lại những sự uất ức xưa kia? Cũng có đúng; nhưng thực

ra, Tu chẳng có bụng dạ nào hạ giá ai hết, Tu còn mong tìm ra những người giỏi như ở trong sử sách mà theo gương, những người tốt để kết bạn. Tu phục thiện và muốn học hỏi nhiều ở kẻ khác, lại thiết tha ao ước những tâm hồn tri kỷ, những sự hiểu thấu, những tình thương mà bao lâu Tu vẫn thiếu.

Có lần Tu đã phân vân trước một câu của Daniel Stern: « Các triết gia thường dạy người đời: « hãy bóp nghẹt và diệt ở lòng người, tính kiêu ngạo. Nhưng về phần tôi, tôi muốn khuyên: hãy tìm cách chứng thực rằng sự kiêu ngạo đó có lý, có cơ hiển nhiên, đó là bí quyết thành công của bậc đại chí » (1). Quả vậy: cây mình tài, nhưng nếu tỏ ra được là có chân tài, thì sự đã đã khiến mình kiêu căng chỉ là sự thực, chẳng phải là khoe khoang hão, hoặc hãnh diện suông nữa.

Nhưng sống ở đời phải chăng để thành những người to lớn cao cả cho kẻ khác khuất phục? *Tu chỉ muốn được thương mến*, và nếu vậy, trước hết Tu nghĩ phải đừng bị khinh và bị ghét. Ngày nay, thiên hạ hết khinh Tu, lại ghét Tu: Tu tránh nạn kia, thì mắc phải nạn này.

Vì Tu còn lăm. Những cử chỉ ngôn ngữ, thái độ của Tu chắc hẳn do một ẩn ý ở tiềm thức: khinh người trước

(1) « Les philosophes ont dit à l'homme: « étouffe et tue en toi l'orgueil. Moi je lui dis: « justifie-le, c'est le secret des grandes vies » (D. Stern).

khí người khinh mình, mình chẳng khinh họ thì họ cũng khinh mình cũng như Tào-Tháo bảo thà phụ người còn hơn để người phụ ta. Hay đúng hơn, như kẻ chiến đấu cổ xông lên, không chờ địch tới đánh : một cách đề phòng, nhưng đi quá xa, nên thể thủ tự vệ đã chuyển sang thể công xâm đoạt. Dù sao, Tu hóa ra khiêu khích tại vấn đề ngại rằng mình kém cỏi ; khờn thay ! mặt dù vênh, môi dù bĩu, mắt lườm ngược trở, máu sôi lên khi hơi bị đùa cợt,... cũng khó lòng che đậy tâm trạng nơm nớp của những kẻ yếu thiếu hẳn lòng tự tin vững vàng của người có bản lĩnh và thực lực. Không-Phu-Tử có uy mà không cần tỏ ra hùng dũng, vẫn điềm tĩnh ung dung (Phu-Tử uy nhi bất mãnh, cung nhi an). Tu còn hèn, chính vì muốn ra đầu ta không hèn ? Biết làm sao bây giờ đây ?

*
* *

Sự kiêu căng của Tu là kết quả phản ứng đòi với dĩ vãng, mà phản ứng ở phạm vi nào cũng thường đưa đi quá trớn : đã nhận rõ thì muốn ôn hòa, song xử sự thế nào trong thực tế để trở lại quang trung gian giữa hai thái cực ?

Quen đọc sách, cổ nhiên Tu lục lợi tìm kiếm trong các pho tâm lý học, luân lý học : chán lắm, hầu hết nói về đại cương, hoặc tỉ mỉ lần lữa phân loại các tính tình như phân loại súc vật, thảo mộc. Tu chẳng biết mình thuộc loại nào mà liệu sửa đổi, hoặc dùng những danh từ to tát lung

cung làm rồi cả óc ; bao nhiêu lý thuyết về sự tạo thành cá nhân (formation de la personnalité) nghiên cứu phân tích tư cách (caractérologie) sự thăm dò tiềm thức (psychanalyse). Tu lò mò cả sáng những sách quảng cáo đẩy đẩy trên các báo chí ngoại quốc : các phương pháp hấp dẫn lôi cuốn người khác bằng sức mạnh thần kinh (magnétisme personnel) chống lại tính nhút nhát (comment vaincre la timidité « méthode infaillible... ») thần hiệu như thuốc bá chứng cao đơn hoàn tán... Thôi, bắt buộc suy nghĩ mà tìm lấy một phương sách gì hợp cho riêng mình. Lâu dần, Tu nhận ra một điều tồi yếu:

Tu đã mất thăng bằng vì chưa từng có quan niệm vững chắc về giá trị con người (La personne humaine). Đã bao lâu, Tu chỉ chú trọng tới bề ngoài, vào những tật xấu điểm kém của mình, những điều hay điểm tốt của người khác, rồi đem so sánh giàu nghèo, yếu khỏe, giỏi dốt v.v... Lúc thấy kém lúc thấy hơn, và tùy theo đó mà tự hạ hay tự kiêu tự đại.

Song, vượt lên trên và đi sâu hơn các trạng thái vừa kể, Tu nhớ lại ở bất cứ ai, mặc dầu phú quý bản tiện... con người vẫn có phẩm giá, phẩm giá đó chung cho cả chủng loại, có thể tăng giảm tùy theo trình độ, hoàn cảnh hoặc những tình trạng biến dịch của cá nhân, song không lệ thuộc hẳn vào các sự kiện đó ; phẩm giá thiêng liêng huyền bí theo các tôn giáo, hoặc đầu không có tánh cách này chẳng nữa, nó vẫn là một (postulat)

MỘT KẺ DÀY MẶC CẢM

tôi cần để chúng ta dựa vào mà đối xử với nhau; có thừa nhận như thế, thì nhân loại mới đi tới bình đẳng, tự-do, tương kính tương thân, không ai khinh ai, nạt ai, chà đạp ai hết. Dù nghèo hèn ngu dốt yếu ớt đến đâu chẳng nữa, nhân cách của mình không việc gì phải hạ thấp. Vậy thì Tu không thể vin vào những tính cách xấu tốt riêng biệt mà kiêu căng, hoặc cứ tủi thân mình kém người khác: tự tôn hay tự ti chẳng qua do một sự hiểu lầm.

Song sự tin tưởng như trên, vẫn còn ở phạm vi lý thuyết, chưa đưa tới kết quả gì thiết thực, nghĩ là trong đời sống hàng ngày, ăn nói đi đứng sẽ như thế nào để không nhát, không trơ, không xược? Tốt hơn hết là quan sát mọi người chung quanh để rút kinh nghiệm vì trông người thì ngấm đến ta, và hơn nữa, Tu còn cò gọi chuyện để xem xét những bạn mà Tu thấy có thái độ tự nhiên hoặc được nhiều người ưa.

Thân rất lắm bạn trẻ già, sinh viên, thương gia, nghệ sĩ công chức, nhà thể thao v.v... đến nỗi có bạn nói đùa: khi Thân chết, đám ma chắc sẽ đông. Thân gặp người quen

ở nơi nào tay bắt mặt mừng, có một vài câu chuyện để nói, ai rụt rè thì Thân gọi hỏi; đôi với người có tuổi, lễ độ nhưng vui vẻ, với người trẻ niềm nở mà không suồng sã vô duyên. Sao có thể nhẹ nhàng dễ dàng như vậy? Theo Thân, chắc tại không nghĩ mình xấu hay tốt, giỏi hay dốt khôn hay dại, nhưng nghĩ nhiều đến người quen biết, xem mỗi hạng, mỗi tuổi, mỗi giới cần gì, muốn gì, ưa gì, tìm hiểu người ta mà liệu tránh những sự khó chịu. Tu sức nhớ ra và tự thú đã thường bắn khoăn quá đến con người mình, hình như mình là « rồn của vũ trụ » mà ai cũng phải chú ý, lúc nào cũng như có trăm mắt đổ dồn vào Tu. Quả thật là trái hẳn với Thân: Thân quan tâm đến những người không giống mình, và hiểu biết họ thì mới nói năng, ăn uống, chơi bời được như họ, không bỡ ngỡ, không lúng túng.

Khó hơn nữa là đối xử với người ngoại quốc, mà sao Phan vẫn ung dung dàng hoàng? Phan chẳng từng ở nước ngoài, để Tu tưởng rằng vì Phan quen nếp sống của ngoại nhân nên thành ra linh hoạt. Có phải tại

« Qua cửa không vào »

Vua Hạ-Vũ coi việc cứu dân làm trọng, thường khi ba lần đi qua cửa nhà mình mà không bước vào thăm. Người đời thường khen lòng vì nước quên nhà của ông và tặng ông câu: « *Quá môn bất nhập* », qua cửa mà không vào. Về sau, người ta vẫn còn dùng câu ấy để gọi những kẻ nặng lòng vì dân vì nước.

Phan thông thạo ngoại ngữ ? Phan không đồng ý hẳn : thực ra, còn vì cách nhận xét thiết thực. Theo Phan, chúng ta lâu đời bị người da trắng đè nén, dìm đầu dìm cổ và cho cảm thấy sự thấp kém, rồi khi thoát ách ngoại thuộc, ta có một trong hai thái độ : hoặc vẫn thấy mình yếu, nghèo, dốt hơn họ, thì muốn xa lánh họ, hoặc nghênh ngang ngạo nghễ để tỏ cho họ rằng mình cũng ghê lắm rồi, chống lại sự khinh rẻ bằng ác cảm. Song cả hai thái độ đều dựa dẫm một cách vô ích vào quá khứ, khi ta cần nghĩ đến hiện tại và tương lai nhiều hơn ; ta phải cõ tiền để rồi ra kịp họ, thì mới bớt e dè, và khi thấy mình nỗ lực, họ chẳng dám coi thường nữa ; ta chậm tiến như nhiều dân tộc khác ở Đông-Nam Á, cần ngoại viện, thì tuy chẳng thể quy lụy, cũng nên nhún nhận. Lắm khi ta nhút nhát vì những nhược điểm khuyết điểm tưởng tượng ra ; không biết xử dụng thìa đĩa ăn cơm Tây thì ngượng, nhưng nếu có kẻ chê giễu, ta sẽ hỏi lại : thế họ có biết cầm đũa không ? Ta nói tiếng họ không đúng giọng, ta đáp ứng : thì mời ông Đan-Mạch hay Thổ-Nhĩ-Kỳ nói thứ tiếng Việt, liệu có nói nổi đúng huyền, sắc, hỏi, ngã chưa ? Đến chơi một người Mỹ, được mời uống cà chua, Phan cười mà bảo : « chắc bỏ lắm, nhưng người Việt chúng tôi không quen », họ cho uống ngay thứ khác, sao lại thẹn như Mai và Hoàng ? Một người Anh hỏi chuyện, Phan giao hẹn : muốn nghe thì kể

nhưng còn dốt và ngượng, có chịu được thì hãy hay, khách thầy thành thực, chẳng những không cười, còn sửa chữa hộ khi Phan nói sai, rút cuộc, mọi người vẫn vui vẻ.

Một thanh niên như Phan, đáng lẽ phải tự nhiên ở bất cứ trường hợp nào, tỉ như ở giữa đám phụ nữ : ấy thế mà vẫn lúng túng không bằng Qui. Hỏi thì Qui bảo : ô hay, tại sao ngượng ngịu ? Đàn bà thì cũng như đàn ông chứ gì ? Câu nói thoát nghe như mơ hồ, ngẫm ra mới thấy vô nghĩa ; đúng, ngượng là tại trước mặt phụ nữ, hay có ẩn ý ẩn tình mà không nhận thức ra. Tu cư xử với chị ruột, có khác chi đôi với anh ? Còn gặp phụ nữ khác, xa lạ hay quen biết, chỉ mong giờ cái hay cái tốt và nơm nớp sợ lộ ra xấu kém, Tu mong muốn ngấm ngấm được ưa thích. Trái lại, ông Tư đương đứng chơi giữa vườn, cời trăn trùng trọc, chợt mây bà mây cô đi qua trông thấy, bưng miệng cười khúc khích, ông chẳng thẹn còn phá lên cười to hơn, vỗ bụng phệ mà rằng : « Tổng pào Chợ-Lớn hả ? » ông thế được, vì chẳng cần người đẹp nào ưa. Còn như nhiều ông khác, thì càng dễ nổi xung nếu bị hoặc tưởng rằng bị mất thể diện trước mỹ nhân ; đã mấy ngàn năm nay, chỉ vì chê bai nhau một câu dưới đôi mắt huyền nào đó, mà bao người khoẻ đã đổ máu, đầu gươm đầu võ. Tu thấy gương ông Tư cũng khó theo, song để cho những nỗi u ám thầm kín xui khiến, thì chưa chắc đã anh hùng, lại còn vô

lý là khác. Qui thường chê Phan và Thuýnh loay hoay vuốt mái tóc hay làm ra mặt chiêu đãi mớ mành khi có bóng hồng bóng xanh từ xa đi lại, nhưng hễ tới gần, thì hai chú mở miệng không ra tiếng : cứ như Qui, dù các cô, các bà không ưa thì mặt trời cũng vẫn sáng, mây vẫn xanh, và đời Qui vẫn vui như thường : cho nên cô Liên thì cũng như anh Bảy, bà Trương thì khác gì ông Hình ?

*
**

Tóm lại, và rút bài học ở những nhận xét, Tu thấy chỉ có một cách tiện nhất để giữ thân nhiên ; *thành với chính mình và thực với mọi người*. Có thể tự cải tiến cho tốt đẹp

đến mức nào thì cổ đèn đây, còn thì thân hình, y phục, ngôn ngữ, cử chỉ thái độ xấu tốt thế nào cứ mặc nó như vậy, không che đậy, chẳng khoe khoang, may ra hợp ai thì được ưa, không hợp thì đành chịu, bản khoản quá tức là quá tự ái, và do đó, khổ thân mình hoặc khó chịu cho bà con chúng bạn.

Duy có một điều khiến Tu quan tâm, là nếu có con, Tu sẽ không bao giờ chê giễu, để tránh cho đứa nhỏ khỏi cảm thấy kém hèn tủi nhục về tên tuổi nó, thân thể nó, cho cời mở từ bé khiến nó tự tin ở khả năng nhân cách mình, và biết kính trọng con người ở tha-nhân.

. T.

★ Dù bạn khôn khéo và tử tế đến đâu, bạn cũng vẫn gặp những kẻ bất mãn, những kẻ hay hờn hay giận, những kẻ lúc nào cũng sẵn sàng xuyên tạc lời nói hay ý-tưởng của bạn.

Bạn chớ ngạc nhiên : Trước hết bạn rán giữ bình-tĩnh, đừng coi sự việc là quá quan trọng. Rồi bạn tìm hiểu nguyên nhân của sự đối kháng ngầm ấy. Có khi chỉ do bởi một câu nói bị hiểu lầm, một cử chỉ bị giải-thích sai, một quyết-định bị coi là độc-đoán, chuyên quyền. Trí tưởng tượng hay phóng đại sự việc, quý mọi sự việc về một đầu mối, nên người dưới thường dễ tự cho họ là nạn nhân của kẻ bề trên, lúc nào cũng bị kẻ bề trên « trù ».

Gặp những người ương ngạnh, bạn không nên ngần ngại chích mỗ cái nhọt trong một buổi họp mặt chân thành để nói cho rõ trắng đen. Một khi cái mọt bọc mỗ tung ra rồi mà bạn vẫn tỏ lòng tin cậy, thì hòa-khí tất nhiên sẽ trở lại tức khắc. (L.M. Courtois).

CẢM TƯỞNG CỦA TÔI

SAU KHI ĐỌC CUỐN

Văn-học Việt-Nam

* NGUYỄN-HIỀN-LÊ

của PHẠM-VĂN-DIỀU

(tiếp theo Bách-Khoa số 84)

MỤC đích thứ nhì của tác giả là truyền cái đẹp cho thanh niên. Trong cuốn này tôi chưa gặp những tác phẩm nào thật có giá trị, phải đợi cuốn sau, khảo cứu về *Cung oán ngâm khúc*, *Chinh phụ ngâm*, *Truyện Kiều*, thơ Hồ-Xuân-Hương v. v... tôi mới định rõ được óc thẩm mỹ và phê bình của tác giả. Nhưng ngay bây giờ, tôi cũng có thể đoán rằng ông sẽ thành công vì tôi căn cứ vào cuốn *Việt - Nam văn-học giảng bình* ông đã xuất bản năm 1952 vào những quy tắc Giảng văn ông nêu ở Chương sáu Phần Mở.

Những quy tắc giảng văn đó rất hợp ý tôi. Tóm tắt lại thì ông chủ trương rằng giảng văn « không có kiểu mẫu cố định », lối giảng phải thay đổi tùy từng bài, tùy trình độ học sinh, phải hướng dẫn học sinh tìm hiểu được cái đẹp, phải chỉ cho học sinh thấy khuyết điểm trong bài văn nếu

có, nhất là đừng « tán rộng » như người ta thường làm, đừng « diễn lại bằng văn xuôi, tườm rà, dai dẳng không xuôi tí nào những tâm tình, tư tưởng hoài bão mà các nhà thơ đã gói gắm trong những lời châu ngọc gấm thêu. »

Những đoạn giảng bình bài *Tự-thân* của Nguyễn-Trãi, bài *Cảnh nhàn lúc tuổi già* của Nguyễn-Bình-Khiêm v.v... đã theo gần đúng, những quy tắc đó, làm cho người đọc cảm được cái đẹp cái « chơi vơi » trong câu :

Chiếc thuyền lơ lửng bên sông,
nổi « đau đớn âm thầm như rút lại » trong hai tiếng *chắc chi* ở câu

Chắc chi thiên hạ đời nay,
cái phong độ phóng khoáng của nhà thơ trong những câu :

*Bàn cờ cuộc rượu vườn hoa trúc,
Bó củi cần câu chốn nước non.*

Những bài *Tây hồ phú* và *Văn tế trận vong tướng sĩ* chú thích rất kỹ mà phần giảng bình cũng làm nổi bật được cái giá trị của văn.

Nhưng đoạn lược bình bài ca dao *Mộng khoa danh* thì tôi thấy hơi rườm.

Một điều đáng chú ý là soạn giả giảng bình nhiều áng văn của các tác giả thời xưa, để giúp kẻ học có một quan niệm chính xác và đầy đủ về văn học mỗi thời. Phần này đã làm sáng tỏ phần văn học sử.

Nhưng tôi nhận thấy rằng tác giả hơi thiên về tài liệu, mặc dầu là không « xem nhẹ phần văn chương » như giáo sư Dương-Quảng-Hàm, cho nên đã trích dẫn nhiều câu ca dao, nhiều bài thơ thiếu giá trị văn chương.

Về thơ, tôi đã cử ít bài trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn-Trãi, đây tôi dẫn thêm một bài nữa cũng trong tập đó :

*Tài đức thì cho lại có nhân,
Tài thì kém đức một hai phân.
Thờ cha lấy thảo làm phép,
Rập chúa hăng ngay mấy cần.
Độc sách thì trông đòi nghĩa sách,
Đem dân, mạ nữ mất lòng dân.
Của chẳng phải đạo, làm chi nữa,
Muôn kiếp nào hể lụy đến thân.*

(Bài 184 — Trang 472)

không đáng gọi là thơ. Chỉ là những câu răn đời có văn thôi.

Về ca dao, ngoài những câu :

*Người nào là vợ anh Vân-Tiên,
Đội ơn tình nghĩa muôn vòn.*

tôi thấy còn có thể lược bỏ được nhiều bài nữa như bài *Ru con* trang 187, bài *Ôm gối ngâm nga* trang 189 (thiếu giọng Việt-Nam) bài *Con cuộc kêu khóc khoải mùa hè* trang 212, bài *Tóc mai đá đất bàn chè* trang 221.

Tóm lại, tác giả đã rón dưng về phương diện Mỹ mà xét văn thơ cổ nhân, đã có nhiều nhận xét tế nhị, nhưng chưa theo đúng được chủ trương của mình, có lẽ vì trong con người ông tình thần khảo cứu muốn lấn tình thần phê bình.

Tôi lại còn nhận thấy phần hoạt động của một nhà chính trị trong tâm hồn ông, khi tôi xét đến mục đích gây lòng tự tín ở dân tộc mà ông đã nêu lên ở đầu bài *Tựa*. Tôi đã nói rằng mục đích đó chính đáng. Tôi chỉ tiếc ông đã hơi thiên lệch.

Ông chủ trương gạt bỏ phần văn học chữ Hán, không nhận nó là văn học Việt-Nam, và cương quyết tuyên bố :

« Văn học một quốc gia, một dân tộc không thể viết bằng chữ nước ngoài được ». (trang 30-31).

« ...trong phạm vi văn học, bao nhiêu kho tàng Hán văn của tiền nhân xưa đều không thể liệt nhập vào lĩnh vực của văn học Việt-Nam, mà chỉ là những tài liệu để soi sáng, giúp ta đi sâu vào sự hiểu biết những tác giả, những tác phẩm năm ngày trước mà thôi ». (trang 33)

Trang 81, Ông nhắc lại :

« Nhất thiết phải gạt, loại tất cả những tác phẩm viết bằng ngoại ngữ ra ngoài đối tượng, phải gạt văn Tàu lẫn cả văn Pháp. »

Và Ông không ngại gì mà nói thực cho độc giả hay rằng : « Có điều mỉa mai là tất cả công trình của ngót hai nghìn năm Bắc-thuộc về tinh thần ấy (ức phần Văn-học chữ Hán) (1) chỉ được dành trong sách này không quá sáu dòng (...) »

Độc giả Bách-Khoa chắc còn nhớ quan niệm của tôi về vấn đề ấy. Tôi xin tóm tắt lại dưới đây những ý tôi đã trình bày trong đoạn đầu bài Bàn về vấn đề dịch sách cổ của ta đăng trong tạp chí này, số 36, ngày 1-7-1958.

Tôi cũng chủ trương loại bỏ những tác phẩm của người Việt viết bằng chữ Pháp như *Légendes des terres sereines* của Phạm-Duy-Khiêm, *Cannibales par persuasion* của Nguyễn-Phan-Long... ; nhưng phải kể những tác phẩm của cổ nhân viết bằng chữ Hán vì lẽ hoàn cảnh cổ nhân khác hoàn cảnh chúng ta, địa vị chữ Hán hồi xưa khác địa vị chữ Pháp hồi gần đây mà địa vị chữ Nôm cũng khác địa vị Quốc-ngữ. Cổ-nhân không cho chữ Hán là một ngoại ngữ vì ta mượn chữ của Tàu mà giọng đọc là của ta, nên trong khoảng bảy trăm năm, trải qua các triều Lý, Trần, Hồ, Lê, Nguyễn, từ lịch sử, địa lý, tư tưởng, tâm sự, đến phong tục, luật lệ, cách sinh hoạt... hầu hết ghi bằng chữ Hán cả. Vậy nền văn học đó phản chiếu tính tình, tâm hồn, hy vọng, đau khổ, văn hóa, đời sống của dân tộc Việt-Nam thì đáng được coi là nền văn học Việt-Nam.

(1) Tôi thêm vô cho độc giả dễ hiểu.

Phạm quân đứng trên lập trường Việt-Nam thâm oán sự đô hộ của Trung-Hoa thời xưa, muốn gột cho sạch « tàn tích nô lệ », gây lòng tự tin ở dân tộc, cho nên chỉ coi phần văn học đó là những tài liệu giúp ta hiểu biết những tác giả cùng tác phẩm thời trước. Ông đứng về một phương diện, tôi đứng về một phương diện khác. Tôi vẫn giữ lập trường của tôi, mà lập trường của ông có thể có nhiều người theo vì nó không phải là không có cơ sở.

Tôi chỉ trách ông thiên vị ở điểm dưới đây. Trang 32, ông viết :

« Các tác phẩm chữ Hán của người Việt xưa thông thường gọi là Văn học Hán Việt », tản văn có, vận văn có nhưng trừ ngoại cái phần đối với học giới nay còn hữu dụng là phần văn xuôi có giá trị về mặt lịch sử thì phần cốt tử gồm thi, ca, từ, phú, chung quy chỉ là công dã tràng xe cát. Ông Phan-Khôi trước đây — một nhà nho cự phách — đã có lần nói đó là một con số không đồ sộ, và từng cho biết rằng kể từ xưa kia, lúc chưa đậu đạt thì làm văn khoa cử, khi thành danh phận thì làm văn thù tạc và ngón sở trường của các văn tài không ngoài ngón chơi « chữ » (*Jeu de mots*). Và, nếu người Trung-Hoa, thắng hoặc có xem đến thì họ lại chê là « không được nhã thuần ».

Vâng, tôi cũng nhận rằng cái phần thơ văn khoa cử và thù tạc, thường không có giá trị gì cả ; nhưng bảo rằng cổ nhân, trừ ít cuốn về phần lịch sử, chỉ sáng tác những loại đó thôi thì cũng oan cho cổ nhân. Ngoài cái hạng ham danh lợi phù phiếm, còn những nhà có chí khí, tâm hồn, và những vị này cũng ký thác tâm sự của mình trong thơ văn chữ Hán, chẳng hạn Trần-Quốc-Tuấn

viết *Bình thư yếu lược*, *Hịch tướng sĩ* văn, Đặng-Dung có *Thơ thuật hoài*; rồi Trương-Hán-Siêu, Chu-An, Nguyễn-Bình-Khiêm, Nguyễn-Trãi, Lê-Quý-Đôn... Tôi thú thực không được biết nhiều về những tác phẩm Hán văn của các vị đó, nhưng tôi không thể tin rằng những tác phẩm ấy chỉ có giá trị về tài liệu mà không có giá trị về nghệ thuật. Tôi nhớ chính Phan-Khôi cũng phải khen (hình như trong tạp chí *Tao đàn*) rằng văn thơ chữ Hán của Cao-Bá-Quát có thể sắp ngang hàng với văn của bát-đại gia và thơ Đỗ-Phủ bên Trung-Hoa. Nhiều nhà túc nho khen thơ chữ Hán của Nguyễn-Du là có bài rất hay.

Nếu những tác phẩm đó nó có giá trị về nghệ thuật thì sao ta lại không dịch ra cho mọi người thưởng thức, như ta thường thức thơ Lý-Bạch, văn Tô-Đông-Pha?

Tại sao tác giả tuyển nhiều bài dịch trong *Tang thương ngẫu lục* (trang 322 - 327) mà lại loại bài *Bình Ngô đại cáo* ra ngoài văn học Việt-Nam? Chỉ tại *Tang thương ngẫu lục* chép lại những truyện cổ của ta ư? Lẽ ấy tôi không hiểu nổi.

Còn việc Lương - Khải - Siêu chê văn Phan-Bội-Châu « không được nhã thuần », rồi Phan-Khôi vin vào đó để phủ nhận giá trị của các tác phẩm cổ viết bằng chữ Hán, thì cũng là thiên lệch nữa.

Tôi chắc từ ngữ « không được nhã thuần » chỉ những lỗi về ngữ pháp hoặc những lỗi dùng chữ không tinh xác. Tôi còn nhớ Phan - Khôi đã vạch vài lỗi rất nặng của một sử gia đời Nguyễn, trong một bộ sử mà tôi quên mất tên. Nhà nho đó đã không biết dùng thêm một hư từ (chữ *sở* hay chữ *giả* gì đó), làm cho câu không gọn, sai ngữ pháp.

Những lỗi như vậy chắc thường thấy trong văn xuôi cổ, nhưng ta phải hiểu cho tiền nhân. Xa nữa thì tôi không chắc, chữ từ đời Lý, chữ Hán là của mình rồi, có giọng đọc riêng, có thể có ngữ pháp riêng; vì các cụ không học thầy Tàu nữa, mà chỉ bảo lẫn cho nhau, như vậy trong sáu, bảy thế kỷ cứ lỗi nào quen dùng thì được công nhận mà lần lần không còn giữ được đúng ngữ pháp của Trung-Hoa. Ngày nay ta đem đối chiếu với ngữ pháp Trung-Hoa cho nó là sai, nhưng các cụ hồi xưa có thể nhận như vậy là đúng.

Chính ở Trung-Hoa cũng có tình trạng đó, mỗi miền có những sai biệt khá quan trọng về ngữ pháp. Trong cuốn *Trung-Quốc hiện đại ngữ pháp* của Vương-Lực (Trung-Hoa thư cục) tôi được đọc một sự kiện lạ lùng này: miền Bắc-Kinh nói *ngã tiên khứ* mà miền Quảng-Đông, Quảng-Tây nói *ngã khứ tiên*. Ngữ pháp trái ngược nhau: một nơi là, *tôi trước đi*, một nơi là *tôi đi trước*. Như vậy thì ngay ở Trung-Hoa, một người miền Bắc có thể chê một văn sĩ miền Nam là văn « không được nhã thuần », và ngược lại một người miền Nam cũng có thể chê một văn sĩ miền Bắc là văn viết chưa sạch lỗi.

Tôi chắc người Anh và người Mỹ cũng có thể dùng lời đó để chê nhau; giọng nhã thuần ở Mỹ có thể không nhã thuần ở Anh, và ngược lại.

Hai mươi lăm năm trước, khi mới vô đây, đọc báo chí hằng ngày tôi cũng thấy văn miền Nam không « nhã thuần », bây giờ thì tôi quen rồi và cho cái gì đã thông dụng thì phải nhận là đúng ngữ pháp.

Ta lại nên hiểu thêm điều này cho cồ nhân ; các cụ chỉ học làm thơ, viết văn biền ngẫu chứ không học viết văn xuôi. Vì vậy dù đồ cử nhân hay tiến sĩ, các cụ viết văn xuôi cũng lúng túng, có thể sai ngữ pháp.

Nhưng dù cồ nhân viết văn xuôi có sai ngữ pháp thì điều đó chưa đủ chứng rằng văn thơ của cồ nhân không có giá trị. Vì viết đúng ngữ pháp là một chuyện mà có văn tài lại là một chuyện khác, nhất là về môn thơ, phú, người ta có thể phóng túng, không bắt buộc phải theo những quy tắc chặt chẽ của ngữ pháp.

Vậy Phạm-quân có muốn loại Văn-học chữ Hán đi thì cứ bảo chữ Hán là chữ nước người, cũng đủ rồi, hà tất phải viện thêm lễ của Phan - Khôi rằng những tác phẩm chữ Hán của cồ nhân là " một con số không đồ sộ ". Lễ đó sai.

Tác giả còn mắc một lỗi thiên lệch nhỏ nữa. Ông bảo " các giới sĩ phu thời xưa cổ bám lấy ý thức hệ Nho giáo phù hợp với quyền lợi của mình, nên phong-trào (dùng tiếng Việt ở đời Hồ và đời Tây-Sơn) không gây được ảnh hưởng lớn lao, và đều bị dập tắt, tiêu trầm. » (trang 94.) Tôi không tin rằng đó là nguyên nhân chính.

Hồ-Quý-Ly và Quang-Trung chủ trương dùng chữ Nôm nhưng không chủ trương bỏ Nho giáo. Mà các sĩ phu thời xưa ai cũng thông chữ Nôm, có bỏ chữ Hán mà dùng chữ Nôm thì địa vị của họ cũng không nhất đán lung lay được. Tôi chắc họ không ngại điều đó đâu. Tâm lý mà Phạm-quân gán cho cồ nhân đó, đem áp dụng vào hạng chúng ta, ngày nay thì mới đúng, vì chúng ta đa số dốt tiếng Việt mà làm biếng học, nên mới sợ rằng dùng Việt-ngữ làm chuyên ngữ thì địa vị của mình sẽ mất.

Địa vị của cồ nhân vững hơn nhiều ; và theo tôi, các cụ phản - đối sự dùng tiếng Nôm chỉ vì có óc hẹp hòi, riêng trọng " chữ của thánh hiền ", mà coi " nôm na là cha mách qué ". Các cụ cũng không phải là không ái quốc (mỗi lần có nạn xâm lăng thì giới hô hào dân chúng đoàn kết để diệt kẻ thù, chính là nhà Nho), lỗi của các cụ là quen coi chữ Hán là chữ của mình, quen sự vay mượn văn hóa Trung - Hoa mà không biết nghĩ xa. Có thể thôi.

..

Nhờ chủ trương loại phần văn học chữ Hán ra mà tác giả dễ giải quyết được vấn đề phân định các thời kỳ văn học.

Giáo sư Dương-Quảng-Hàm đã lúng túng. Mới đầu, trong cuốn Quốc văn trích

Quảng-thắng

Điền-Quảng và Trần-Thắng là hai người đầu tiên khởi binh chống nhà Tần bạo-ngược. Do đấy, những người đầu tiên dựng cờ khởi-nghĩa, phát-động một phong trào cách mệnh thường được mệnh danh là Quảng - Thắng.

điểm, (trước 1925) ông tách hẳn hai phần văn Hán và văn Nôm. Hán văn ông chia làm ba thời kỳ :

1.— Từ thế kỷ thứ II trước Tây-lịch đến giữa thế kỷ XI : thời Hán học truyền qua nước ta.

2.— Lý - Trần : thời Nho học và Phật học cùng tiến.

3.— Lê - Nguyễn : thời Nho học cực thịnh mà Phật học suy.

Quốc văn gồm bốn thời kỳ :

1.— Trần : thời phôi thai.

2.— Lê : thời phát đạt.

3.— Nguyễn : thời toàn thịnh

4.— Cận kim : văn học mới chịu ảnh hưởng của Pháp.

Khoảng hai chục năm sau, trong cuốn *Việt-Nam văn học sử yếu*, ông thay đổi chủ trương, không tách Hán văn và Quốc văn ra nữa, mà chia lại làm năm thời kỳ :

1.— Lý - Trần : Phật Nho tiến hành ngang nhau. Thơ Nôm xuất hiện.

2.— Lê - Mạc : Nho học toàn thịnh. Văn chương quốc âm phát đạt, song ảnh hưởng của Trung-Hoa còn quá nặng.

3.— Nam - Bắc phân tranh : Thời loạn, về Hán văn, loại biên khảo thịnh hơn loại ngâm vịnh ; quốc âm khá thịnh,

4.— Nguyễn : Nho học độc tôn ; văn thơ Nôm rất có giá trị.

5.— Thế kỷ XX : Thời quốc văn mới.

Đó là tôi tóm tắt đại ý của tác giả *Việt-Nam văn học sử yếu* chứ sự thực, tác giả không đặt tên cho mỗi thời kỳ mà

cũng không nêu rõ tính cách của mỗi thời kỳ trong một tiêu đề.

Tôi thấy sự phân định đó không được nhất trí : khi thì lấy tôn giáo làm tiêu chuẩn, khi thì lại lấy loại văn (biên khảo, ngâm vịnh) mà phân biệt. Và lại sự thịnh suy của Nho học chỉ ảnh hưởng một phần nào tới văn học thôi, quá chú trọng đến khoa cử là điều không nên.

Ông Phạm-Văn-Điều bỏ phần Hán văn, nên giải quyết được dễ dàng. Ông chia làm 5 thời kỳ :

1.— Thời phôi thai : Nhà Trần, đời Hồ, và Hậu-Trần (thế kỷ XIII, XIV, và đầu thế kỷ XV).

2.— Thời xây dựng : Nhà Hậu-Lê, đời Mạc (thế kỷ XV và thế kỷ XVI).

3.— Thời toàn thịnh : Đời Lê-Trung-hưng, thời Lê - Mạc Nguyễn-Sơ (thế kỷ XVII, thế kỷ XVIII và khoảng đầu thế kỷ XIX).

4.— Thời trầm trệ và biến cách : Nhà Nguyễn (thế kỷ XIX và tiền bán thế kỷ XX).

5.— Thế kỷ XX : Nền văn học mới bằng chữ Quốc-ngữ chịu ảnh hưởng rõ rệt của Tây-Phương nhất là Pháp (từ cuối thế-kỷ XIX đến 1945).

Về văn Nôm ông chia làm bốn thời kỳ như vậy là hợp lý. Nhưng về văn Quốc-ngữ thì tôi tưởng ông nên tách hẳn ra cho được rõ ràng, và chia làm hai thời kỳ :

1) Thời kỳ phôi thai từ thế-kỷ XVI hay XVII đến năm 1866, năm xuất hiện cuốn *Chuyện đời xưa* của Trương-Vĩnh-Ký ;

2) Thời kỳ xây dựng từ 1866 đến 1945 (riêng thời kỳ này có thể chia làm hai hay ba giai đoạn nữa.)

Vì chủ trương giữ phần văn học chữ Hán, nên tôi muốn chia phần này làm nhiều thời kỳ nữa, nhưng chưa có quan niệm gì rõ rệt vì chưa được đọc nhiều tác phẩm của cổ nhân viết bằng chữ Hán.

Như vậy là ta có ba nền văn học song song nhau : khi nghiên cứu văn học sử, ta sẽ xét văn Việt (Nôm và Quốc-ngữ) trước, văn Hán sau. Mà phần văn Hán đó chỉ nên dạy ở ban Cờ điển bực Trung học đệ nhị cấp và ban Văn-chương bực Đại-học.

Đề nghị của tôi như vậy. Độc giả có trách tôi là quá thủ cựu, là phong kiến, tôi cũng xin chịu. Tôi đã được thưởng thức Đường thi, Tống từ, được đọc ít bài của

bát đại gia bên Trung - Hoa mà vẫn chưa được thấy trọn bộ *Hoàng Việt văn tuyển*, bộ *Hoàng Việt thi tuyển* của Bùi-Tồn-Yêm, bộ *Hoàng Việt văn hải* của Lê-Quý-Đôn thì làm sao tôi không ân hận cho được !

* *

Chủ trương khác nhau là việc thường. Tôi không vì vậy mà quên cái công của tác giả đã gom góp nhiều tài liệu, giúp tôi hiểu thêm được một phần — phần quý nhất — trong cái kho tàng văn học của tổ tiên. Sự cống hiến của ông đáng kể là có giá trị nhất sau công việc khởi thảo của giáo sư Dương-Quảng-Hàm. Tôi chắc rằng tác giả sẽ cống hiến cho quốc dân được nhiều điều bổ ích nữa trong hai cuốn sau.

NGUYỄN-HIỆN-LÊ

★ Đối-thủ với bạn càng nóng-nảy thì bạn càng phải giữ thái-độ khả-ái và bình tĩnh.

Khi bạn phải tranh luận với người nào có tính nóng nảy thì bạn nên tranh luận cách nào để họ phải thốt ra khỏi cửa miệng cái câu : *phải*. Nếu bạn khiến cho họ nói được câu : *phải*, là bạn đã làm cho họ bớt nóng nảy một phần lớn rồi.

★ Trước những kẻ ở đâu cũng chỉ thấy nguyên những khó khăn, trở ngại, và lúc nào cũng như có ý phóng đại khó khăn, trở ngại ra để trốn việc, bạn đến đối phó bằng cách nhắc lại những thành công họ đã thu lượm được. Bạn sẽ chinh phục tức khắc được lòng tự-ái của họ cho sự tiến hành của công việc.

Hoa quân-tử

Hoa sen ở bùn mà không nhuộm mùi bùn, được người Trung-Hoa ví với người quân tử và gọi là quân-tử-hoa, bởi nó giống người quân tử, ở chỗ ô trọc mà không hoá theo ô trọc.

Thành-tích năm mươi năm khoa-học (1900-1950)

(Xin xem B.K. từ số 81)

NHỮNG KHOA SINH-VẬT HỌC

(*Les Sciences Biologiques*)

VẤN đề khảo các xương và cách chuyển động của xương trong người, cũng không còn gì mới lạ nữa. Tuy thế mà vấn đề then chốt, tức là cách tác dụng của các bắp thịt, vẫn chưa được hoàn toàn giải quyết. Người ta vẫn không thể nào giảng giải được sự biến chuyển của một phản ứng hóa học thành ra một cử động máy móc. Flechter và Kopkins, năm 1907, đã cho ta hiểu rõ vai trò quan trọng của chất át-xít lactic (acide lactique, $\text{CH}_3 - \text{CHOH} - \text{COOH}$: Nhũ-toan) và năm 1920, Meyerhof nghiên cứu về các điều kiện của sự tái hợp (resynthétisation) chất glycogène (Đường nguyên). Năm 1928, Embden và Lundsgaard lại khám phá thêm nhiều trường hợp mà bắp thịt có thể co lại mà không cần đến chất glycogène. Phần tử chính yếu của bắp thịt là

chất myosine, theo sự khảo cứu của Engelhaardt và Lioubimov. Chất « mi-ô-din » này, Edsell, năm 1930 đã tìm cách thâu hoạch được dưới hình thức một dung dịch (solution). Năm 1943, Szent-Gyorgi đã lấy chất ấy để cấu tạo những bắp thịt nhân tạo...

Vấn đề cảm giác (sensibilité) và sự khảo cứu thần kinh hệ phải đợi đến thế kỷ thứ 20 mới phát triển được nhiều vì ai cũng công nhận đó là một công cuộc khảo cứu vô cùng phức tạp và vô cùng khó khăn. Một vấn - đề đưa ta thẳng một mạch từ tình - trạng của sự sống thô-sơ đến sự phát - biểu tư - tưởng, dĩ nhiên là một vấn đề vừa phiền toái và cũng rất hấp dẫn, nếu ta biết thêm rằng sự cảm giác của động vật lại còn khác sự cảm giác cây còi hoa cỏ. Ở

đây chúng ta cũng nên biết qua về cảm giác của loài thực vật do công cuộc khảo cứu của nhà bác học Ấn-Độ Jagadis Chander Bose. Năm 1926 Ông Bose đã cho ta biết nhiều bằng chứng về sự cảm giác và tri giác của các loài cây. Nhờ một cái máy đo rất tinh vi, nhà bác học Ấn-Độ đã ghi được những chuyển động vô cùng bé nhỏ của nhiều loại thực vật. Theo những tin mới nhất, Ông Bose vẫn tiếp tục khảo về nhiều giống cây như loại cây trinh-nữ (sensitives) và hàm-tu-thảo (mimosées). Với những máy móc càng ngày càng tế nhị và tinh vi, Ông ta đã khám phá ra rằng nhiều loại cây, cũng như người, có thể bị say rượu, bị đánh thuốc mê, có thể bị chết khi Ông ta tiêm vào thân cây nhiều chất hóa học như rượu, Chlo-roforme, hay nọc độc của rắn hổ mang (Cobra). Theo Ông Bose thì cây cối, hoa thảo cũng có «bấp thết» như động vật, cũng có nhiều dây thần kinh như người và có lẽ cũng có một loại tế bào biết hồi-hợp phập-phồng như một trái tim non vậy (1).

Để trở lại vấn đề cảm giác của động vật và nhất là của con người, màn bí mật mới bắt đầu hé mở từ năm 1908 với công cuộc khảo cứu của J. Loeb. Ông Loeb đã nghiên cứu nhiều về động lực của sự sống và những thí nghiệm của Ông về xu-tính (*tropismes*) ai ai cũng đều biết. Cùng với Loeb, một nhà bác học Nga tên

là Pavlov đã nghiên cứu tường tận về cảm giác và phương pháp để cảm giác biến thành động tác. Ngay từ năm 1902, ông Pavlov, mà ảnh hưởng vẫn còn đến tận nay, đã lấy chó để thí nghiệm về sự bài tiết nước miếng bằng tinh thần (*secrétion psychique de la salive*) và năm 1903 chính ông là người đã nêu ra thuyết «phản xạ theo điều kiện» (*réflexes conditionnés*). Thuyết này đến giờ vẫn còn giữ một địa vị quan trọng trong lĩnh vực phản-xạ học (*réflexologie*). Ngoài ông Pavlov, còn có ông Bechterev cũng khảo cứu nhiều về thần kinh. Trong phạm vi bài này, tôi không thể nói nhiều hơn về Bechterev và nhất là về Pavlov. Sự thực thì Pavlov đã có ảnh hưởng rất lớn về sinh-lý-học cũng như về tâm-lý-học trên thế giới.

Năm 1900, ba nhà bác học Horweg, Weiss và Louis Lapicque đã nghiên cứu về sự dễ bị kích-thích của bắp thết (*excitabilité*). Từ năm 1907 đến năm 1909, ông Lapicque đã nêu ra thuyết «thời trị» (*chronaxie*) và ý niệm về *cơ cường độ* (*rhéobase*). Theo Lapicque thì «cơ cường độ» là cường độ ít nhất để có thể tạo nên một kích thích, và «thời-trị» (*chronaxie*) là thời gian tương xứng với 2 lần cơ cường độ. Theo thuyết Lapicque thì mỗi một bắp thết trong người đều có một thời-trị riêng biệt và nếu muốn một bắp thết cử-động thì dây thần kinh phải biết thời trị của nó mà dùng, mới mong có hiệu quả trong sự sai khiến bắp thết đó. Nhưng không phải vì thế mà ta có thể gán hành-vi thần-kinh (*acte nerveux*)

(1) Theo tin của Pierre Devaux đăng trong báo «Le Monde et la Vie» số 2 Juillet 1960. Paris, trang 37.

vào lãnh vực của điện học. Trái lại hành vi đó phức tạp vô cùng và còn tạo ra nhiều phản ứng hóa học. Năm 1931, Cannon và Back khám phá ra chất *sympathine* (giao cảm tố) do những giây thần kinh thuộc loại thần-kinh-hệ giao-cảm chế tạo ra, và cũng giống như chất *adrénaline* (theo công trình nghiên-cứu của Elliott năm 1904). Thần-kinh-hệ phó-giao cảm (*système parasympathique*) cũng có một chất thuộc loại *acétyl-choline*, có tính cách phản đối lại chất *adrénaline* và *sympathine*. Chất *acétyl-choline* do ông Ewins tìm thấy năm 1914 và theo thí-nghiệm của các nhà khảo-cứu Loevy và Dale năm 1921-1924, Nachmansohn năm 1936-1949, thì 2 chất *adrénaline* và *acétyl-choline* chi-phối một phần rất lớn đời sống tình cảm của con người. Dần dà nhiều nhà sinh-lý-học muốn nghiên-cứu thêm về óc và toàn thể cơ quan tủy-não (óc và tủy trong xương sống). Người ta muốn tìm hiểu tại làm sao mà có tư-tưởng, làm thế nào mà tư-tưởng có thể sinh ra được và tư-tưởng có liên-lạc gì với sự sống? Sherrington năm 1900 đã thử cắt đứt tủy xương sống và năm 1912 Somer cùng với Heymann cắt đứt hẳn đầu của một con vật để thử xem cái đầu đó — nuôi sống bằng một cách nhân-tạo — có biết cảm ứng và bị kích-thích như lúc còn liên với toàn thân không?...

Trong mấy năm liền, từ 1927 đến 1929, nhà chữa bệnh về thần kinh người Đức tên là H. Berger đã tìm ra một phương pháp khá thần diệu

để khảo về khối óc con người, ông đặt 2 điện-cực (*électrode*) vào óc và ông nghiệm thấy có một luồng điện phát sinh ra. Nhờ có luồng điện rất nhỏ đó và thêm một số máy móc tinh vi, người ta đã tìm ra được những « não-ảnh-tượng » (*encéphalogramme*) của óc. Các biến-chuyển của luồng điện nhỏ ấy rất quan trọng và nhờ có nó mà các thầy thuốc biết được nhiều bệnh trong óc, tỉ dụ như bệnh động kinh, (*épilepsie*) và nhiều loại bệnh điên, v. v... Thêm vào đó, nhờ có quang tuyến X, người ta còn có thể đoán xem óc có bị thương tích hay ung thư nào không? Ở bên Pháp và bên Anh, những nhà khảo cứu như Matthews, Adrian, và Fessard đang nghiên cứu về các luồng điện do óc phát ra (*ondes cérébrales*).

Những luồng điện ấy (não-ba) chia ra làm nhiều loại, như loại: *gamma*, *bêta*, *alpha*, *delta* v. v... Gần đây người ta còn biết thêm một loại sóng điện mới, các nhà chuyên môn gọi là sóng điện Kappa. Năm 1944, Grey Walker đã có thể làm cho một người không ốm đau gì, đâm ra bị bệnh động-kinh, bằng cách chiếu vào mắt người ấy theo một nhịp độ riêng biệt... Mới rồi nhiều nhà giải-phẫu chuyên về thần kinh như giáo sư Roeder ở tỉnh Göttingen (bên Tây-Đức) đã chữa được bệnh Parkinson (Maladie de Parkinson) một bệnh mà từ xưa đến nay, chưa có thuốc nào chữa khỏi. Giáo-sư Roeder chữa khỏi bệnh ấy bằng cách đốt cháy một điểm rất bé nhỏ trong óc bằng kim điện. Một

thủ-thuật khó khăn như vậy, tuy chỉ cần có vài phút để kim điện đủ thì giờ đốt cháy điểm trong óc phát sinh bệnh Parkinson, là cả một công trình cho nhiều nhà chuyên môn góp sức lại. Cần phải có nhiều thầy thuốc chuyên về sự chụp ảnh óc, về vật-lý học, và nhất là cần một nhà toán học thật giỏi, tính trước chỗ nào trong óc là đích chỗ cần phải đặt kim điện. Nhà toán học này phải tính đúng, vì nếu sai độ một phần trăm của một li, thì kim điện sẽ đốt cháy một chỗ khác của óc và bệnh nhân không những không khỏi, mà

lại còn bị thêm nhiều bệnh khác nữa. Trách nhiệm của nhóm người này xem thể đủ biết, thật là nặng nề vô cùng, vì đúng như lời cổ nhân ta nói « sai một ly, đi một dặm... ». Óc và tùy con người, đến nay vẫn còn nhiều bí mật và ta có thể nói là ngành giải-phẫu óc sẽ có một tương lai rực rỡ hơn cả ngành giải - phẫu tim phổi hiện thời.

N.T.H.

Tiếp theo kỳ sau :

Sống và Di truyền sự sống

✱ Đa số những người hốt-hoảng, bất kham chỉ là nạn nhân của một thứ mặc cảm tự ti, mặc phải tự khi còn tấm bé, khiến họ luôn luôn sợ bị những kẻ mạnh hơn hà-hiếp. Sự hãi-hùng ấy, đối với một số người, có thể biến thành sự khùng-khiếp, cho họ có cảm-giác như lúc nào cũng có người chực sỉ-nhục mình, và vì đấy làm tê liệt hết mọi hành động của họ. Đối với một số người khác, sự hãi-hùng ấy có thể làm phát-sinh ra một phản-ứng khác, một thái-độ nghi ngờ, căm cự hay phản đối trước bất luận mệnh lệnh nào của cấp trên ; họ làm tưởng đó là một cách phục-hồi độc-lập và nhân phẩm của họ. Lần lần cách đối phó ấy trở thành một thói quen, một phản-ứng mà chính họ cũng không còn nhận thấy và coi như là một cái gì rất tự nhiên.

Đối với những tâm trạng ấy, ta nên tỏ ra khoan hồng, nhân-ái, song cũng không thể vì vậy mà không đòi hỏi họ phải làm những điều xât ra là chính đáng. Khi ra lệnh, không nên để ý tới vẻ mặt chống đối hay dăm chiêu của họ và cũng đừng nên tranh-luận. Tuy nhiên, không nên bắt họ thi hành ngay ; về sau nên trở lại nhắc họ, khi nhắc, chớ dă động đến sự kháng cự của họ hôm trước, hay tỏ ra vẻ gì căm tức. Tự nhiên tinh-thần tuân mệnh của họ sẽ phục-hồi và ý-chí kháng-cự sẽ biến đi.

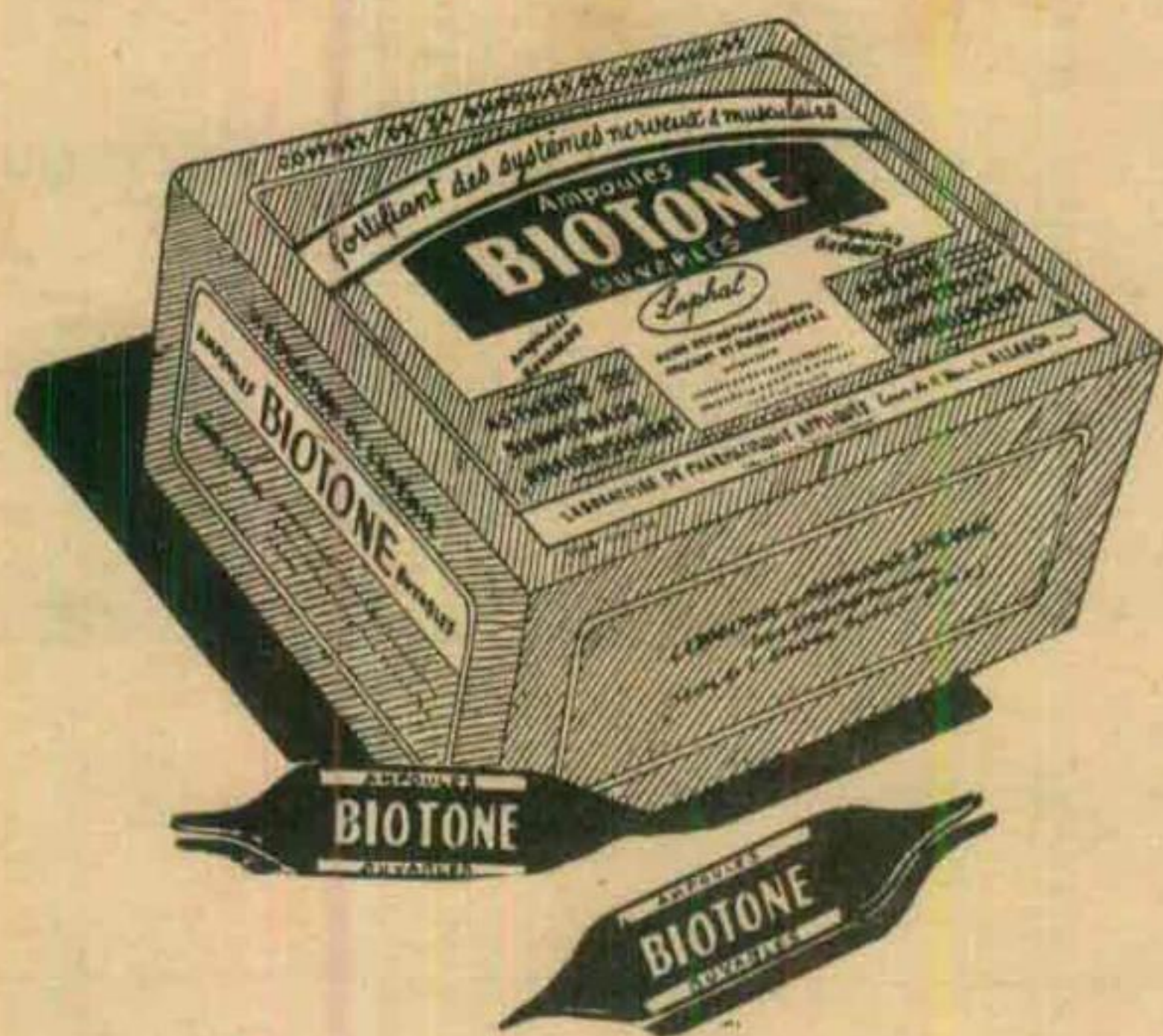
Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIẾU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
BIẾNG ĂN
GAY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc
NGUYỄN-CAO-THẮNG, Dược-Sư
34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Salgon

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales
(S. I. D. E. R. C. D.)**

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C^o
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

**La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. D.)**

18. BEN BACH DANG — SAIGON

Phân tích tập thơ

« NHẠC ĐẾ »

của Đoàn-Thêm

☆ BÙI-HỮU-SÙNG

MẤY mùa nay, vườn thơ của chúng ta rộn rịp. Thơ sáng tác nhiều, hoặc xuất bản thành tập, hoặc đăng tải trên báo chương đủ thể thơ cũ, thơ mới. Thêm vào đây, mục Tao-đàn của Đài Phát-Thanh, mục điểm thơ trong các tạp chí, những trang bàn luận về thơ, tạo ra một bầu không khí tung bừng. Dân mình vốn là một dân-tộc thi-sĩ, lại trong mấy năm vừa qua, óc đã từng chịu đựng những lý-thuyết khô khan, tính mạng đã bị đe dọa bởi bom đạn, nay thái-bình trở lại, tình-cảm, bản năng dồn ép được dịp cởi mở, thơ được phát triển khá mạnh.

Tuy-nhiên một số đồng đề-tài của thơ vẫn luẩn quẩn trong vòng tình-ái lãng-mạn : lưu luyến, thất vọng, tưởng nhớ, « anh và em », « chàng và nàng ». Tình cảm bỗng bột ảy, một sớm một chiều sẽ lắng đọng

xuống. Sau một Lamartine hay một Musset, sẽ có một Leconte de Lisle, một A. Samain... Vả lại, thế giới đang bị đe dọa bởi một cuộc chiến-tranh nguyên-tử, Hội-ngệ Tối-cao vừa nhóm họp đã tan vỡ. Một số người quay về với lòng mình, thương xót cho vận mệnh mình, đi tìm một lẽ sống hay một mối tin tưởng. Sớm muộn các thi sĩ sẽ tìm thi hứng khác khác mất nụ cười của phụ nữ : hoặc ở cảnh huống xã hội, hoặc ở nội tâm, hoặc ở triết-lý nhân-sinh, hoặc ở thiên nhiên tươi vui hay ác nghiệt. Thơ sẽ đón trào lưu từ bốn phương lại, để gạn lọc những gì sáng trong lành mạnh hợp với cái đẹp truyền thống trong thi ca Việt-Nam

Mấy tập thơ của thi sĩ Đoàn-Thêm vừa ra đời gần đây là những dấu hiệu tiên phong của cuộc phản ứng ấy. Thi sĩ họ Đoàn đã mong ước thấy vườn thơ của chúng ta được.

« Rọi ánh sáng từng bừng sông núi cũ,
« Mang trúc từng giồng khắp chốn quê hương.

«
« Vườn cỏ thụ rắc gieo mầm mới lạ,
« Đổi sắc hương, mạch đét vẫn tuôn dào.
(Nhạc Dế trang 171)

Năm 1959, trong tập thơ tràng thiên « Từ-Thức hay Kẻ tìm đường », ông đã mượn một truyện cổ tích để nói lên lòng tin tưởng vào cuộc tiến hóa của loài người, và ông đã thành công ấn định cho mình một chỗ đứng xứng đáng với « Người » giữa những hỗn loạn của thời hậu chiến. Năm nay (1960) giữa lúc thiên hạ đa sự, trong cái hoàn vũ đầy « cuồng phong cực hỏa » ông lại cho xuất bản một tập thơ « Nhạc Dế » để phô diễn rõ ràng hơn và theo lối khác, quan niệm của ông về nhân-sinh, về vũ trụ và nghệ thuật. Tập này gồm 42 bài nằm trong một vũ trụ thơ mà tôi tạm mệnh danh là « vũ trụ thơ Đoàn-Thêm » cũng như ở Tây-Phương các phê bình gia nói vũ trụ của Baudelaire, của Balzac, của Proust v. v... Một nhà thơ chỉ có thể thành công khi nào lên tới được một vũ trụ có không gian, thời gian và nhịp biến chuyển riêng biệt của nó.

Trước hết, thi sĩ Đoàn-Thêm đã tìm được một vũ trụ có âm điệu tân kỳ. Trong 42 bài của « Nhạc Dế » có 10 bài viết theo thể « văn xuôi có nhịp » — nghĩa là không cần vần, không luật bằng trắc, hơi giống như « prose rythmée » của thi sĩ Paul Fort (1872-1960), không bó buộc như Phú thời xưa, mà cũng không phóng túng như thơ tự do. Đặc điểm của nó là rộng rãi như văn xuôi, nhưng vẫn giàu về nhạc như một bản đàn. Điều kiện cốt

yếu là nó phải có nhạc, có hồn thơ ; ngoài ra, tình cảm tha hồ chan hòa, trí tưởng tượng tung bay nhõn nhõ hay cuộn cuộn...

Xin độc giả hãy cùng tôi, ngâm một đoạn trích bài « Nhạc Dế » trang 51, đoạn thi sĩ đang thao thức, khó ngủ, lắng nghe để họa đàn :

« Ta nghe mi, tiếng mi ngâm nga, lúc
« gần lúc xa, giữa giữa chan hòa, chầy
« ngập tai ta, chìm đắm thân ta, thấm thía
« hồn ta, dâng cao dâng cao cuộn cuộn
« Ngân-Hà, nổi lên ngọn cỏ ánh sao và
« vạn vật trong vũ-trụ bao la bằng lớp
« lớp âm ba sâu như nhớ mong êm như
thần mến » Những âm « ta, nga, xa, ta, ta, Hà, la, ba » liên tiếp nhau, hòa vào nhau thành những làn sóng âm thanh vang mãi lên, phóng mãi ra, trước còn theo bề mặt tràn ngập thân thể, đáy lòng tác giả, sau vươn, vươn cao, vọng lên theo cả chiều sâu, bề rộng của vũ trụ mông mênh để ràng buộc tinh tú, cây cỏ loài người bằng một sợi tơ tình êm dịu. Tôi có cảm tưởng « Nhạc Dế » đã gọi ra một vũ-trụ hữu tình khác với vũ-trụ ác nghiệt, vô tình của Vigny hay của Camus.

Đã có sáng kiến tân tạo ra một thể văn mới, thi-sĩ Đoàn-Thêm lại khai thác được những âm-hưởng trong ngôn-ngữ hàng ngày, phân phối điệp-vận thành những khúc nhạc khi thì bình dân trong sáng như một câu hát đồng quê, (Bóng vang làng cũ), khi thì cổ kính như một bài phú ngâm nga nơi cửa Khổng, sân Trình (Phạm-Đình-Trọng, Nguyễn-Hữu-Cầu), khi thì lâm ly thống thiết như tiếng khóc trong quăng đồng vắng (Hai ông Cự). Từ thôn xóm xa, vắng qua sông, những tiếng động ghi những nhịp sống thanh-bình một thuở :

« Ngân tiếng thu-không, vắng sáo điều;
 « mô lốc cốc, tù-và rung rúc ; cối xay lúa
 « ù ù xoay chuyển : chày gạo thấp cao,
 « canh khuya chưa chồn chân mỗi gối. Ai dò
 « đũa, giéo giắt bên sông ? Nhạc chan
 « chứa ruộng đồng, giun họa dễ »

(Bóng vang làng cũ)

Chúng ta hãy xếp đặt lại theo tiết-tấu của nó :

Ngân tiếng thu không, vắng
 sáo điều ; (7 chữ)

Mô lốc cốc, tù và rung rúc (7 chữ)

Cối xay lúa, ù ù xoay chuyển (7 chữ)

Chày gạo thấp cao, canh
 khuya chưa chồn mỗi gối (10 chữ)

Ai dò đũa, giéo giắt bên sông (7 chữ)

Nhạc chan chứa ruộng đồng,
 giun họa dễ) (8 chữ)

Ba câu đầu âm đều nhau, (đều 7 chữ) chợt trỗi lên một câu dài (10 chữ) như tiếng chày gạo vang lên giữa yên lặng rồi rầm để lại trở về dịp 7 chữ và chuyển dần dần sang 8 chữ. Ai thời thơ ấu đã nghe, vào canh khuya tiếng chày, nhịp cao nhịp thấp đều nhau, giữa tiếng hòa âm của giun dễ, nếu ngâm nga đoạn văn này, sẽ thấy tự nơi tiềm thức mình dấy lên một khúc hát đồng quê, đã từng ru hồn mình trong giấc điệp. Xưa nay thi-sĩ vẫn có quyền sáng chế ra danh từ, miễn là đừng lập dị như Rimbaud, Mallarmé. Nhưng nếu những tiếng nhật-dụng trong dân chúng được tiếp vận dưới ngọn bút thi-nhân, chúng vẫn có ma-lực gợi dậy những vang bóng quen thuộc nằm trong ký ức như chiếc đũa thần đánh thức nàng công chúa ngủ quên nơi rừng xanh.

Sau khi nghe khúc hát đồng ruộng xin độc-giã thưởng thức mấy vần điệu oai nghiêm trong lời của Phạm-Đình-Trọng nói với Nguyễn-Hữu-Cầu :

« Súc cường-tặc ngựa hồng phi trăm
 « trận, người tung hoành Vĩnh-Lại, Đồ-
 « Sơn ; lưỡi siêu đao lấp lánh rung ngàn
 « đầu, vung khối lửa, tiếng cười khanh
 khách.

« Cờ nguyên-nhung mao bạc chỉ ba quân
 « ta án ngữ Đông-Triều, Kinh-Bắc ; lòng
 « ưu-quốc miệt mài yên bốn cõi, xót máu
 « xương, tác dạ bùi ngùi. »

Hai câu đi song song với nhau,— mỗi câu đều 30 chữ,— và như trong một bài Đường-phú, tiết tấu đối nhau, vần bằng trắc đối nhau, hình ảnh trọi nhau (vung khối lửa đối với xót máu xương). Có đối như vậy mới làm rõ bật lên, hai thái độ thuận nghịch đối lập nhau, hai tính khí mâu-thuẫn nhau. Giọng bài này cổ kính như vậy, mới tả được tâm-lý sắc-thái của một thời. Giọng điệu uyển chuyển tỏ ra hình thức và nội dung của thể văn bó chặt lấy nhau và thi-sĩ họ Đoàn đã hoàn thành thể văn của mình sáng tạo ra.

Bài « Hai Ông Cự » tượng-trưng hai nhà Nho, hiển-đạt, xuất xứ khác nhau. Một ông bon chen, làm tới đại-thần, một ông sớm biết thời-thế, « thoái vi sư » để nuôi lấy mầm non cho dân-tộc. Một chiều tà, ông thứ hai còn sống, lấy nghĩa bằng hữu ra viếng mộ-phần của ông thứ nhất và tiếng than khóc buồn như tiếng cuộc khắc khoải giữa lá cây xào xạc, dưới bóng tà dương, trên quầng đồng vắng :

PHÂN TÍCH TẬP THƠ « NHẠC DỄ »

« Quãng đông vắng, chiều hôm tối
« chông gầy, vắng mặt phần, bác thấy tôi
« buồn chăng ?

« Rẽ đôi đường, vẫn nhớ hũu bằng,
« râu tóc này đã nhuộm tuyết băng, ngậm
« trường-hận lúc trăm thang vô tri-kỷ.

« Nhật nguyệt đổi vàng soi dòng bạch
« thủy, um tùm cỏ-thu, bóng rẻ si rung
« rình đáy nước, ngàn lau xao xác, gió
« đưa tiếng cuộc gọi hè » (Hai ông Cự).

Những âm chàng, bằng, bang vang lên
như tiếng khóc tiếng than, ai oán như
tiếng chim kêu trước khi chết.

Vũ-trạ thơ của thi-sĩ Đoàn-Thêm đã
là một thể giới âm thanh hòa điệu, nó
còn là một thể giới của hình ảnh và tượng
trưng (hình ảnh mở dài, rộng ra).

Độc-giã cứ mở bất kỳ một bài nào
cũng bắt gặp một hình ảnh mới đẹp hay
tượng trưng. Xin hãy đàn cử vài hình
ảnh làm thí dụ. Tả tiếng đàn buồn, thi
sĩ viết :

« Bốn dây mã-vĩ sầu rung sóng »

« Sầu rung sóng » hình ảnh này cũng
linh động như « sóng gợn tình » của
Chu-Mạnh-Trình trong câu :

« Ngàn liễu rung cương sóng gợn tình ».

Tả cơn giông, ông ví lá cây tung lên như
« bờm ngựa », ông ví sấm chớp như
« lưỡi gươm vàng » :

« Rìu u nất, sông âm thầm, chờ đợi... »

« Chuyển đông đảo, sấm nổ trận rền vang.

« Lướt cây cỏ như tung bờm chiến-mã

« Gió xung phong, sét quật lưỡi gươm
vàng » (Tạnh cơn giông).

Xin hãy so sánh với hình ảnh của Victor
Hugo trong câu thơ :

« Những ngôi sao tung bay trong cành cây
Như đàn chim lửa ».

(*Les étoiles volaient dans les branches
des arbres*

Comme un essaim d'oiseaux de feu).

Âm thanh và hình ảnh có lúc phối hợp
lại, vẽ lên một cảnh vừa sâu vừa rộng.
Đoạn văn sau đây là một bức họa về thể
giới rền rĩ và điêu tàn sau những cuộc ác
chiến :

« Rầu rĩ gặp những ưu sầu vô-vọng,

« Những tâm hồn tình mộng khiếp
ngày mai,

« Những bộ xương ma đói rách lạc
loài

« Con chi biết than dài, khôn giúp đỡ.

«

« Con tiếc giận trước muôn vàn tan vỡ :

« Những lâu đài rực rỡ, những yêu
thương

« Những ánh văn-minh và những mối
rường

« Đành ngập đắm trong trùng-dương
cay đắng ? »

Trong thơ văn của Việt-Nam, tôi ít thấy
những hình ảnh rộng lớn như vậy.

Tập « Nhạc Dễ » không phải chỉ là một
tập thơ trữ tình, nó còn bao hàm một phần
tư tưởng với những vần thơ triết lý.
Nhiều hình ảnh của nó được phóng lớn
để bao trùm cả bài thơ và chứa đựng một
ý nghĩa — giống như thơ tượng trưng
« La mort du loup » của Vigny, « L'Alba-
tros » của Baudelaire hay « Nhà thờ cháy »
của Nguyễn-Công-Trứ, « Chiếc hỏa lò »

của Nguyễn-Khuyến. Trong tác phẩm của thi sĩ Đoàn-Thêm, « Hai ông Cụ » tượng trưng hai thái độ hợp tác và bất hợp tác thời ngoại thuộc, « Phạm-Đình-Trọng, Nguyễn-Hữu-Cầu » tượng trưng hai hành động của thời xưa : thuận và nghịch. Nhạc sĩ trong « Tiếng đàn bên vách » tượng trưng cho những văn nghệ sĩ còn luyến tiếc « tháp ngà » chưa muốn xuống với công chúng mà « dừ dân đồng lạc » « Kẻ hạ sơn » cũng như Từ-Thức, tượng trưng cho thái độ sống của tác giả « thấu nghĩa cả trường tồn » và

Đem thân yếu ràng buộc với muôn đời.
Con để tượng trưng cho tâm hồn của thi sĩ chỉ « khao khát giọt sương lành » (biểu hiệu tình thương yêu) và mang văn điệu của mình ra làm « Lời cầu nguyện cho muôn thuở muôn loài tình thương xót của Từ-Bi vô lượng ».

Bài « Tạnh cơn giông » là một trong những bài thơ tượng trưng độc đáo của thi sĩ. Bài tả một cơn giông nhưng chủ ý là tả một cuộc sống gió loạn ly và trong đó mỗi hoa, mỗi cây đại biểu cho một hạng người của thời loạn :

« Hồng tan tác... rạp đầu, yên phận cỏ,
« Bách hiên-ngang, cành gãy, ngọn cao thanh,
« Lau phản trác cong lưng tùy hướng gió
« Che quê-hương, cản bão, trúc vươn mình »

và khi tạnh cơn giông,

« Trúc bên cội, năm canh, phòng gió loạn ».

Trong văn chương cổ, cây trúc tượng trưng cho người quân-tử và ở trong tập « Nhạc Dế » — được nhắc tới ba, bốn lần, — là

người trí thức biết chống giữ, canh phòng để bảo vệ lấy tinh thần dân tộc trước sự xâm lăng của những trào lưu phá hoại.

Vũ trụ thơ Đoàn-Thêm là một vũ trụ biến dịch, chuyển động với cái nhịp riêng biệt của nó.

Ở ngoại giới, dưới mắt thi sĩ, cái gì cũng biến dịch, lồi cuốn bởi dòng thời gian. Nụ cười, mây, nhạc... tất cả các vẻ đẹp đều qua như nước chảy, như gió thoảng, như hương tan :

« Chợt hé bông cười, đã ngậm môi
« Mây vừa rung bóng nước xa trời
« Nhạc thơ đáng ý mơ văn điệu
« Ngây ngất chưa tan, luyến tiếc rồi.

(Phảng phất)

Trong nội tâm, tình ý, cảm giác cũng trôi chảy như trong vũ trụ của Proust hay của Bergson và hiện tại cũng chứa chấp tương lai và nặng trĩu quá khứ (Le présent est chargé du passé et gros de l'avenir). Nhưng cách phổ biến còn thi vị hơn các tác giả Tây-phương, vì lẽ một bên viết văn xuôi, một bên diễn bằng thơ :

« Tâm tình theo sóng cuốn
« Thăm lặng hương cô-liêu,
« Quá-khứ pha màu xám
« Tương-lai nhuộm ráng chiều.

(Núi lại trang 178).

Nội-tâm và ngoại-cảnh xen lẫn vào nhau, tạo lên một vũ-trụ có hình sắc đặc-biệt trong tập « Nhạc Dế ». Thi-sĩ nghe tiếng dế kêu mà có cảm-giác bay lên tới cội mây hồng :

« Hay mi (con dế) đưa ta lên áng mây
« hồng, mặc ta bình bồng tới những Thiên-

« Thái, để giữa sắc hương ta cho tiêu tan
« như khói muôn nổi u-hoài, và sống giữa
« cảnh ngày mai không nắng cháy ».

Nằm ngủ một trưa hè bên bờ bể, thi-sĩ thấy tiếng sóng và ánh sáng xâm nhập vào nhau rồi tràn ngập tâm-hồn mình và không gian ; lại có cảm-giác ngược lại là cảnh vật như do mình tưởng tượng ra hết :

« Âm-ba tràn tịch mạc

a Ánh sáng ngập âm-ba

« Tràn ngập ta hay tị đáy lòng ta

« Trào ra khắp bao la muôn vạn
khóảnh ?

Khi tỉnh giấc và hể tỉnh là ý-thức
thấy đơn độc bơ vơ, bóng chiều tà đã
tỏa một cái gì tiếc nhớ trên bãi biển, ở
chân trời :

« Ngày mộng tàn, biển vắng cuộn hoang mang

« Uống gió lộng sóng vàng, trăng lấp ló.
(Giấc hè bên sông)

Trong vũ-trụ thơ của Đoàn - Thâm, không phải mọi vật đều biến dịch theo một nhịp êm dịu như vậy đâu. Vài mâu-thuẫn đã nổi lên trong xã-hội và ở tâm hồn tác-giả, khiến tác-giả cũng có lúc bối rối, nhưng vẫn mong vượt được :

« Trong mẫu-thuần vẫn chấp chừa hy vọng ».

Mâu-thuần có tính-cách hài-kịch như trong « *Treo gương* » diễn thành bi-kịch như bi-kịch Racine trong lòng người phụ nữ (Khôn và Lừa) sôi nổi trong « *Hận Ban Siêu* ». đăm máu trong « *Mồ Ty-Can* », lâm ly trong « *Phạm-Đình-Trọng, Nguyễn-Hiến-Cầu* ».

Song những mâu thuẫn nổi trong tập « Nhạc Dế » khác với những mâu thuẫn giữa giai cấp xã hội kiểu Mác-Xít hay mâu thuẫn giữa khí âm và khí dương trong kinh Dịch của Nho giáo. Ở đây mâu thuẫn là những thực trạng tâm lý và được giải quyết bằng tình, không phải bằng súng đạn. Tình bằng hữu giải quyết mâu thuẫn giữa « Hai ông Cự ». Trong bài « Tiếng vọng bên kia » mâu thuẫn giữa sống và chết được giải quyết bằng một mối tình thơ mộng giữa đôi vợ chồng ; từ thế giới bên kia, lời vợ vọng về, khuyên người chồng cô đơn hãy tục huyền để khỏi phí ngày xuân. Còn vợ nguyện sẽ làm kiếp hoa để hôm sớm được cùng chồng gần gũi :

« Chung tình, em lòng ngại tiên vong,

« Giữa mộ, xin vương một khóm hồng :

« Thẻ xác em tan thành nhựa sống

« Nhuộm màu huyết lệ thấm đôi bông.

“ ”

« Anh chiết vài chi, cắm trước nhà

« Nhớ nhung, khỏi ngại quãng đường xa.

« Nước trong anh tưới hồn em mát,

« Muốn thưởng, thôi đành một kiếp hoa.

Tình mà gọi là « tình ái » chỉ thoáng qua trong thi tập « Nhạc Dế ». Nó nhẹ nhàng trong bài « Xoa dịu » « Ngón măng ngà xoa vuốt nhẹ tâm tư », nó kín đáo ý nhị trong bài « Tình Phương Đông » và lâng lâng trong bài « Tặng hoa ».

Trái lại, tình bằng hữu, tình nhớ nhà, tình thương muôn loài và sức sống dưới đủ hình thức (tựa như của bà Comtesse de Noailles) mới là nguồn thơ chính của thi sĩ Đoàn - Thêm, lai láng trên các trang của thi phẩm.

Về tình bằng hữu, trên kia đã nói qua, nó giải quyết những mâu thuẫn giữa « Hai ông Cụ », giữa « Phạm-Đình-Trọng và Nguyễn - Hữu - Cầu ». Vì dân vì nước Phạm-Đình-Trọng phải bắt bạn mang chém nhưng trước đầu bạn hạt lệ tuôn rơi : « *Ta huân công, vì người trọng tội, phẩm tước ta cao, biết bao kẻ đần rơi máu chảy / Ôi tạo hóa đành hauh biết mấy, để thiện ác cạnh tranh mâu thuẫn và muôn thuở bày trò trị loạn* »...

Tình luyện tiếc quê hương của thi-sĩ thực là chân thành thấm thía. Ăn tết đầy đủ ở Saigon, lòng ông vẫn băng khuâng thấy thiếu một cái gì. Sau ông mới nhớ ra, không sao mua được mà không ai biếu được : cảnh mai mốc bờ sông Nhuệ, đào xóm Ngọc Hà, mưa phùn, thi-vị đặc biệt của Tết ngoài Bắc. Sông Nhuệ dòng nước biếc đã được dùng làm khung cảnh cho nhiều bài thơ hay của ông (xem trên đoạn văn trích bài Hai ông Cụ). Hai bài thơ Đường luật « Quê Hương » đã phác họa bằng những nét chân thực đơn sơ những cảnh hữu tình của xóm làng.

Mãi sau, biết đâu các em bé học sinh chẳng sẽ ngâm nga :

« *Nhớ cảnh đi về bến Nhuệ-Giang,
« Nhịp cầu nho nhỏ, chiếc đò ngang...*

như các học sinh Pháp học thuộc lòng Regrets du Pays Natal của Du Bellay hay Milly ou la terre natale của Lamartine. Bài « *Bóng vang làng cũ* » trình bày cổ hương của ông như một tổ ấm trong đó một mối tình âu yếm chặt phác bao học cây cỏ, hoa lá, chim chóc, gia-súc, người làng, về đêm khuya vắng tiếng chày gạo cao thấp, giun dế họa đàn (đã trích ở đoạn trên).

Tình thương yêu chúng loại hay đúng hơn là khát vọng tình thương, mới chính là nguồn cảm-hứng dồi-dào nhất của thi-sĩ. Phân tích tập « Nhạc Dế », đến đây chúng tôi khám phá thấy « long mạch » của nguồn thơ và mới để tai vào trung tâm điểm của vũ-trụ thơ Đoàn - Thêm. Lòng trắc-án của ông thấm qua nhiều trang, nhiều bài. Trong bài « Tết cũ Tết mới » tác giả nhớ lại thảm kịch chết đói năm 1945 :

« *Tôi vẫn nhớ năm xưa gần đến Tết,
« Bao thấy ma hốc hác gục bên đường
« Hết gạo rồi, cháo loãng với lòng thương
« Không cứu nổi những thân tàn đói lả* »

Ông hòa mình vào đại chúng, sống cái khổ cái vui của họ :

« *Tôi bắt nguồn vui trong cuộc sống chung
« Của thân sơ và tất cả giống dòng
« Mà trời đất phù trì trong thương mến.*

Thảm kịch chết dưới đạn, dưới bom :
« *Đạn dọc ngang vụt lửa rêu qua đầu
« Bom vỡ núi, rừng sâu thành biển
khói*

.....
« *Cùng lánh nạn, ngọt trăm người,
còn mấy ?*

« *Gục xuống dần, ai biết chạy nơi đâu ?* »

Thấy nhân-loại khổ ải nhiều quá, thi-sĩ không nhẫn tâm theo hỏa - tiễn đến « *tình cầu xa vạn-lý* » vì

« *Dòng huyết lệ chôn nhân-gian vẫn
chảy* ».

Lòng bác-ái không những là nguồn thi hứng mà còn chi phối quan-niệm nghệ-

thuật của ông, và đưa ông tới một tín-
ngưỡng, một triết-lý hoạt động.

Về nghệ-thuật trong bài « Tao đàn mộng
kỳ » tác-giả nằm mơ đi thăm các giới
văn-nghệ Tây-phương đầy quái dị, ông
chóng mặt xin trở về làng « nghe hát
trống quân » « vui sống với nhân-quần
xã-hội » và để bảo tồn hồn dân-tộc, phát
huy tiếng mẹ đẻ :

« Giữ quang-minh là tôn-trọng quốc-hồn,
« bao công của vàng son mới rạng,

« Tiếng mẹ đẻ mong mỗi ngày tươi sáng
« như những tâm-tình xiêng đáng nghĩa
« văn-chương ».

Về âm-nhạc, thi-sĩ « sợ từ lâu những
tiếng tình » « siết, căng, rền rĩ hay điên
đại » và chỉ ước mong :

« Mỗi cung, hoa nở và sao mọc,

« Mỗi điệu hòa âm dậy sắc hương.

(Ước Nhạc)

Đã chứng kiến nhiều thảm kịch trong
dân - chúng lầm than, ông chủ trương
nghệ-thuật là để an ủi những đau khổ
« Đẹp hay không, cổ ích cho đời. Chốn
nhân gian muốn về sắc tài, quý ở chỗ giúp
người quên khổ não » (Xem hoa chợ Tết).
Chính lòng bác-ái ấy thúc đẩy ông dùng
« Nhạc Dễ » làm lời « cầu nguyện cho
muôn thuở muôn loài tình thương xót của Trời-
bi vô lượng ». Và với một giọng thành
khẩn, ông thiết tha yêu cầu các văn-nhân
các nghệ-sĩ hãy như nhạc - sĩ trong bài
« Tiếng đàn bên vách » rồi bỏ tháp ngà
xuống cùng dân chúng vui hát : « Thôi
« đừng véo von canh vắng lạnh - lòng,
« nhập ban nhạc ta cùng cười khóc,
« cùng múa may, cùng lăn lóc, tiếng đục
« tiếng trong, tiếng kim, tiếng mộc,

« đem chuông vàng khánh ngọc động muôn
« phượng. . Già thử tay còn non, sức còn
« yếu, cừu chân thành, theo hào hứng chờ
« phán vắn, cùng muôn người hát khúc
« nhật-tân, sách có chữ « dư dân đồng lạc dã ».

Tâm-tình của ông có tính-cách một tín-
ngưỡng (mystique), xây dựng trên lý-thuyết
biện-chứng. Trên kia, ta đã thấy lấy tình-
nghĩa mà giải-quyết các mâu-thuẫn, xóa bỏ
cách-biệt giữa sống và chết (Tiếng vọng bên
kia). Ông tin người ta chết nhưng vẫn
còn sống ở nơi con cháu mình. Mặc dầu
chiến-tranh, bão táp, ta cứ giữ lấy căn-bản
như cây trúc canh phòng làng xóm, như văn-
nhân giữ quốc-hồn, như người làm vườn
cứ gieo mầm :

« Gây bóng mát dầu mưa chìm, nắng đốt,

« Cổ gieo mầm, chẳng mọc cũng thành nhân.

Ông chống chủ-nghĩa vô-thần và tin ở
luật huyền - vi của tạo-hóa. Mấy bài
« Sống và Đẹp » « Mộng tầm xuân » và
« Hạ sơn » như là những bài phát biểu
tín-ngưỡng (profession de foi) của ông. Ở
bài thứ nhất ông nhận thấy một cây xanh
tốt, bên khóm cỏ : « Cây xanh tốt, tên gì
quên mất, mọc đất này không biết đã bao
« năm ? Ai khéo trồng ? Tất phải có bàn
« tay rắc hạt. Tuy lắm kẻ vô-thần phủ nhận,
« đức sinh-thành chan chứa nước non » Rồi
kết luận rằng :

« Cả vũ-trụ là trường sáng-tạo, có chủ-
trương và quy-luật diệu-huyền » ; Vậy ngày
nay tuy vũ-lực tàn bạo đang thắng nhiều
đấy, chỉ là cái thắng nhất thời. Trong bài
« Hạ sơn », ông đã nói :

« Lửa ác sát không thiếu khô nhựa sống,
« Bão tố rung trời không tắt ánh dương,

« Cây vắn mọc và giống người nẩy nở,
« Đức sinh-thành lặng lẽ thắm ma-vương ».

Ông tin như vậy và ông quyết chí hành động theo tin tưởng của mình :

« Giống đa-tình bất chước thuật huyệt-công :
« Đem yêu thương và cây cỏ núi sông
« Hòa kim cổ, trồng bông muôn ánh sắc ».
(Mộng-Tâm-xân)

Tại sao tình yêu nhân loại của ông lại trở thành một tình yêu thần bí như vậy ? Lòng trắc ẩn, tình thương đã có sẵn ở loài người nhưng ở thế chiến vừa rồi, nó xúc tiến mãnh liệt, dưới nhiều hình thức. Ở Pháp A. Camus, trong cuốn La Peste, cũng chủ trương con người hãy làm một « ông thánh không thờ thượng đế » (Un homme sans Dieu, La Peste, page 276). Qua nhiều cơn khủng hoảng, con người đi xuống đáy lòng mình, bắt gặp ở đấy những đầu mối ràng buộc mình với xã hội. Trong cuốn, « L'exil et le Royaume » của Camus một họa sĩ trong hiu quạnh, cảm thấy thế « Solitaire, solidaire, page 136). Trong thi phẩm « Nhạc Đế » thi sĩ Đoàn-Thêm cũng qua nhiều cơn bối rối bàng hoàng và lại tìm thấy ở lòng mình cái tín ngưỡng ngàn xưa, đã làm động cơ cho những hành động của tổ tiên ta như « trồng thiện căn », chăm giữ vững gia đình, hương thôn, nền móng của Quốc Gia. Những bài « Nhạc Đế », « Nắng mưa dĩ vãng », « Sống và Đẹp », « Tạnh cơn giông », đã ghi những phút khủng hoảng tinh thần của thi sĩ. Ông khủng hoảng đến không ngủ được, đầu rối loạn, phân vân trước cảnh tang thương, mâu thuẫn (Nhạc Đế, Phấn vân, Lòng đế). Khủng hoảng đến nỗi sợ cả cô liêu, sợ cả tiếng mình trong tịch mịch :

« Giở sách đọc cho tiêu tan hui quạnh
« Trong cô-liêu nghe rộn cả tiếng
mình ».

Ai đã sống những ngày điên đảo năm 1945 và hồi kháng chiến, trái tim bị xâu xé bởi những mối tình trái ngược, đầu óc bị sáo động bởi lý thuyết đối lập, cuộc sống bị đảo lộn, sẽ hiểu thấu thâm kịch trong lòng thi sĩ, qua bài « Nắng mưa dĩ vãng » :

« Nắng rực, huyết khan, tâm thần khô
héo,
« Kiệt nhựa đời, đất dần cạn thương
yêu ».

Lòng ráo cạn như vậy, chỉ mong được cơn gió thoảng mưa sa như là người dân nô lệ khát khao nước được thanh bình tự do. Nhưng than ôi, khi mưa xuống, lại bị « toàn thân ướt lạnh » (xin hiểu theo nghĩa tượng trưng).

« Mong mát lành, sao giáng trận tan
hoang ? »

Mưa to quá, sấm sét đùng đùng, gọi đò qua sông trú ẩn thì :

« Thuyền gác mái chèo - vờ, sào cầm
ngược,
« Nhại tiếng hò, văng vẳng tiếng âm
vang. »

Thành ra tác-giả hoang mang, lạc lõng trước mọi cuộc tranh-chấp xung đột :

« Toàn mâu-thuân giữa hai vòng thái-
cực,
« Tìm trung-dung, ai mách hộ đường
đi ? »

Rồi tới mấy năm 1948-1954, tác-giả được mục-kích chứng-kiến những cảnh đau lòng khác, (Mộng Xuân-Thu) :

PHÂN TÍCH TẬP THƠ « NHẠC-ĐỂ »

« *Khỏi lửa mờ non nước,*
« *Thư-sinh thảo hịch-văn.*

Mĩa mai thay ! ở đất nước của Trần-Hưng-Đạo, hạng thư-sinh « chói gà không nổi » mà viết hịch thì ra lệnh cho ai, và hệu-lệnh ấy ai theo ? Nhân lúc ấy những kẻ vô-lương-tâm, vô-tổ-quốc, tranh nhau quyền lợi và rút cục, bao nhiêu nghèo khổ đau thương đổ lên đầu những dân bỏ cửa bỏ nhà, lũ lượt kéo nhau di cư vào Nam, hai bàn tay trắng :

« *Đục ước cò đưa béo*
« *Vang trời giọng oán ân.*
.....
« *Mưa to nhà dột nóc*
« *Ướt át lạnh lòng dân ».*

Mấy dẫn-chứng ở trên cũng đủ nói với độc-giả những nỗi thương tâm, những mối băn-khoăn trong đầu óc của thi-sĩ. Nhưng cũng lại chính những tình ý ấy, cảm-xúc ấy làm rung động tác giả, diễn ra bằng hình ảnh tân-kỳ, những nhịp điệu du dương và tạo trong thi tập « Nhạc-Để » một vũ trụ thơ có sắc thái riêng biệt trong văn thơ hiện đại. Đọc tập « Nhạc-Để » người ta có quyền chê điều này, bẻ điều kia, nhưng tôi chắc số đông đều công nhận các nguồn cảm hứng của thi-sĩ là chân thành và âm-điệu của « Nhạc-Để » mang một rung cảm mới vào thi đàn Việt-Nam.

BÙI-HỮU-SÙNG

**SOCIÉTÉ FIDUCIAIRE
DU VIETNAM**

35 Đường NGUYỄN-HUẾ, SAIGON

Agent Exclusif

POUR LE VIETNAM ET LE CAMBODGE



LIEN-XA CONG-TY

95, ĐƯỜNG THÔNG-CHÉ DE LATTRE DE TASSIGNY - SAIGON
DISTRIBUTEUR POUR LE VIETNAM

Continental



PASTILLES: { **VANCO** MÙI • MENTHE •
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯ'ÔNG-VĂN-CHÔM

Dược-khoa Tânsĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Một « siêu nhân » đã cho chúng ta
một năng lực vô biên

NORBERT WIENER

(Sanh năm 1894)

HANS HARTMANN
NGUYỄN-HIẾN-LÊ (tự dịch)

« Tôi đã cho thế giới này một năng-lực vô biên
để làm điều thiện cũng như để làm điều ác. Nhưng
thế-giới này là thế-giới của Hiroshima ».

Đó là lời của ông Norbert Wiener, trong cuốn *Cybernétique*. Chính ông là người sáng-lập ra môn học mới mà ông đặt tên là cyber-nétique (kiểm động học) (1) Lời ông nói đó có vẻ như một lời tự-phụ, sự thực nó chỉ là một lời nhận xét và phán-đoán nghiêm khắc.

Đời của ông thật kỳ-dị. Nổi tiếng là thần-dồng, mười một tuổi vào trường Đại-học, mười bốn tuổi đậu cử-nhân, mười tám tuổi làm giáo-sư ở Đại-Học đường Harvard — một trong những trường Đại-học danh tiếng nhất của thế-giới — Người ta thường nói, loài người đang biến thành một giống sinh-vật thông-minh hơn, một giống « siêu nhân ». Nếu lời đó đúng thì ông có lẽ là một trong những « ca » biến chuyển đầu tiên.

Ông là một nhà toán học có kỳ-tài, công việc của ông về môn thoán đủ cho ông nổi danh; ông lại còn là một triết-iag

và một công dân can đảm nữa. Từ ba mươi ba năm nay (2) ông làm giáo-sư toán ở viện Công-nghệ Massachussets.

Viết tiểu-sử của ông là một việc dễ mà rất khó. Vì chính ông đã chép lại quãng đời quan trọng nhất của ông trong cuốn : *Ex-prodigy, my childhood and youth* (1) (Cựu thần-dồng, tuổi thơ và tuổi xuân của tôi). Khó vì cá-nhân cùng công việc của ông đều gây nhiều cuộc tranh-luận sôi nổi đến nay vẫn chưa dứt.

* *

Norbert Wiener sanh năm 1894. Phụ thân ông chuyên môn về các ngôn-ngữ

(1) Môn này nghiên-cứu và kiểm-soát những vận chuyển tự-dộng. Trong Bách-khoa số 84 ông Cô-Lieu dịch là cơ-giới chỉ-huy.

(2) Ông Hans Hartmann viết bài này trước năm 1956

(1) Simon and Schuster — New York — 1953.

Tur-Lap-Phu (Slave), là một nhân-vật kỳ dị, gốc Do-Thái, Nga, qua Huê-Kỳ lập-nghiệp ở cuối thế-kỷ 19, làm hội trưởng hội người Gael (giống người Ái-Nhĩ-Lan hồi xưa) ở Kansas City.

Mẫu thân ông gốc Đức qua Huê-Kỳ lập nghiệp ở Missouri.

Ông là con đầu lòng, nhỏ tuổi đã thông-minh lạ lùng, hồi bảy tuổi được các nhà chuyên môn về giáo-dục biết tiếng. Các tạp-chí giáo-dục thường nói đến « em bé thần-dồng » đó, và ông bà Wiener đề cho con đọc những bài đó.

Đầu thế-kỷ 20, gia-đình Wiener tới Cambridge (Massachussets) làm ăn.

Norbert ham mê học khoa-học và triết-lý. Phụ thân ông muốn cho ông thành một nhà ngôn-ngữ học, hướng dẫn ông, và ông tấn tới lạ thường, mới bảy tuổi đã tập sửa một bản thảo.

Năm 1903, ông 9 tuổi, vào trường trung-học Ayer với tư cách là « Sinh viên đặc biệt ». Ông theo nòi, không thua kém những bạn học hơn ông từ bốn đến sáu tuổi. Ở trường, ông cũng không phá phách gì lắm, trừ một lần. Lần đó ông mười một tuổi, tổ chức một nhóm cách-mạng tính lật đổ ban giáo sư để chiếm trường !

Năm 1906 ông vô học Đại học đường ở Tufts. Ông làm những thí nghiệm về vật lý, chế tạo được vài kiểu máy về điện.

Lúc đó tinh thần xã-hội đã xuất hiện rất rõ rệt. Ông nhận thấy rằng môn toán học thuần túy có thể làm thay đổi thế giới và tạo cho con người những năng lực phi thường. Nghỉ hè ông qua chơi bên Đức, rồi ở Đức hai năm, trước tại Munich, sau tại Göttingen.

Ông theo học giáo sư David Hilbert về môn toán.

Kế tới đại chiến 1914-1918. Ông rời Đức, qua Anh, ở Luân-dôn ít lâu, đâm chán, năm 1915 trở về Huê-kỳ. Đã tới lúc phải kiếm nghề để sống. Ông vô học một lớp sĩ quan, bỏ dở, ra viết giúp Bộ Bách Khoa Huê-kỳ, viết báo chính-trị, rồi lại trở vô học lớp sĩ quan. Hết chiến-tranh, ông được giải ngũ.

Dò dẫm mấy năm, bây giờ ông mới kiếm được lối đi : sẽ chuyên môn về toán học, vô ban nghiên cứu ở Viện Công nghệ Massachussets, một viện có danh tiếng. Hiện nay ông còn ở trong viện đó.

Viện là một trường Đại-học kỳ dị. Ban thử tưởng tượng một trường Bách-Khoa tối tân, tối tân đến nỗi có lớp dạy môu khoa học—dự tượng (Science-fiction) (1).

Về môn vật-lý-toán (2) và môn vật-lý-thực-nghiệm (3) trường là một trung-tâm lớn bậc nhất thế-giới. Năm 1920, ông Wiener tuyên bố những phát minh đầu tiên về môn toán ở trường đó.

Năm 1926 ông cưới cô Margaret Wegemann, gốc Đức. Từ năm đó đến đầu đại chiến thứ nhì (năm 1940) ông tiếp tục nghiên-cứu về Toán-học thuần-túy.

Sự hiểu biết của ông đã rộng mà lại sâu. Ông nói rất thạo sáu sinh-ngữ, biết

(1) Chúng tôi không chắc rằng dịch đã đúng : phải biết môn đó dạy cái gì rồi mới đặt tên đúng được.

(2) Môn này dùng, toán học để nghiên-cứu về vật-lý, chứ không thí-nghiệm.

(3) Dùng thí-nghiệm để nghiên-cứu Vật-lý.

tất cả các môn khoa-học và nhiều môn kỹ thuật. Nhờ sự hiểu biết lạ lùng đó mà ông sáng-tạo được môn kiểm-động-học.

Khoa-học có một mục đích là tiên-tri, mà môn Thiên-văn có thể đoán rất đúng những nhật thực, chỉ sai vài giây thôi. Tuy nhiên, không phải là hiện tượng nào cũng có thể tiên tri được. Ông nghiên-cứu những trường hợp khó đoán trước, nghiên cứu vì tính thần tò mò của một nhà khoa-học ; không ngờ khi đại chiến thứ nhì nổ, thì công trình nghiên-cứu của ông có một giá trị thực tế đặc biệt. Năm 1940, Pháp bị phi cơ và thiết giáp Đức đánh tan tành ; Anh lo lắng sẽ tới phiên mình. Cho nên phía đồng minh phải nghĩ ngay đến việc chống phi cơ. Tất nhiên là phải bắn bằng đại bác. Nhưng khi nhắm đề bắn thì người ta không nhắm vào cái chỗ hiện thời phi cơ đang ở, mà nhắm vào cái chỗ phi cơ sẽ tới khi đạn nổ. Vậy phải đoán trước sự chuyển động của phi cơ. Mà đoán cách nào được bây giờ ? Làm sao biết được phi cơ địch sẽ lái qua bên này hay bên kia, sẽ bay lên hay bay xuống để tránh đạn ? Công việc cực kỳ khó khăn, vậy mà ông Wiener bắt tay vào.

Năm 1942, ông thảo một bản thuyết trình về căn bản toán học của một kiểu máy có thể cho ta biết trước sự chuyển động của một phi cơ. Bản thuyết trình đó nhan đề là *Hoàng hạc*, vì bìa nó màu vàng. Nó khó hiểu đến nỗi cả những kỹ sư cực tài giỏi cũng phải găng sức mò lâu mới ra. Nhờ công trình đó mà người ta chế tạo được kiểu máy gọi là « máy tiên tri », thắng được sự tấn công ồ ạt của Đức ở Ardennes, diệt được những phi cơ tự tử của Nhật, tức

những phi cơ nhỏ và nhanh quân Nhật lái đâm vào những phi cơ lớn của Đồng-minh (1), diệt được cả những bom V1 mà Đức bắn qua Luân-Đôn.

Chế tạo xong rồi, ông Wiener ngạc nhiên thấy rằng máy đó giống bộ thần kinh của loài người quá.

Năm 1945, bom nguyên tử nổ ở Hiroshima. Tinh thần luân lý của ông xúc động mạnh, ông từ chối, không chịu nghiên cứu cho quân đội nữa. Người ta kể rằng có lần ông tuyên bố với các nhà quân sự như vậy : « Nếu một em nhỏ tám tuổi chẳng hạn, bảo rằng ở trường có những đứa lớn hơn đánh đập nó thì tôi đưa cho nó một đôi bao tay để đấu quyền và tôi dạy cho nó môn đấu quyền, chứ không đưa cho nó một con dao cạo. Các ông có nhiều trách nhiệm hơn một em nhỏ tám tuổi, vậy các ông đừng lại xin tôi giao cho các ông một con dao cạo để rồi các ông có thể cứa họng những bạn nhỏ bé của các ông. » Không rõ có thực ông tuyên-bố như vậy không, nhưng không thấy ông dính-chính.

Nói xong lời đó, ông đi nghỉ mát ở Mỹ-Tây-Cơ. Tại Mỹ-Tây-Cơ ông gặp vài nhà bác-học đang nghiên-cứu bộ thần-kinh, như ông Lorente de No, ông Arthurd Rosenblutt... Ông bàn cãi với họ và thấy rằng bộ thần-kinh với máy bắn (tức máy tiên tri) của ông có điểm này giống nhau là cả hai đều biết dùng những lối lăm đã qua để tự sửa lại lối hành-động. Điều lạ lùng hơn nữa là máy của ông khi vướng một hạt bụi chẳng hạn mà

(1) Chính sách đòi quân tốt lấy quân xe trong môn cờ tướng.

chạy bậy, thì lúc đó « thái-độ » của nó y như thái-độ một người đau ; mà một người đau bị chứng tê-liệt, run-rẩy đưa tay ra rần nâng ly thuốc, thì thái-độ cũng y như cái máy của ông lúc chạy bậy. Giống nhau như hệt, cả về lượng lẫn phẩm. Ông và các người cộng-sự của ông có thể tính được đúng thời-gian run tay của một con bệnh sẽ kéo dài bao nhiêu. Do đó ông nảy ra ý này là sự nghiên-cứu bộ thần-kinh, sự nghiên-cứu hệ-thống điện-thoại và sự nghiên-cứu những máy tự-dộng có thể hợp chung lại thành một môn mới.

Và ông đặt cho môn học mới đó cái tên là *cybernétique*, không ngờ rằng nhà bác-học Ampère đã dùng tên đó trước ông. Tiếng *cybernétique*, do một tiếng Hi-Lạp có nghĩa là *bánh lái*.

Ông bèn gom góp hết ý-kiến về vấn-đề đó. Nhưng nếu không có sự giúp đỡ của ông Enrique Freymann thì chưa chắc gì một tác-phẩm độc-đáo như vậy đã ra đời được.

Ông Enrique Freymann (mới mất đây) làm Giám-đốc nhà xuất bản Hermann, đường Sorbonne ở Ba-Lê. Nhà Hermann xuất bản một loại sách lấy tên là *Tin tức khoa-học và kỹ-nghệ* (*Actualités scientifiques et industrielles*). Các nhà bác học danh tiếng nhất thế giới đều viết trong loại sách đó. Ông Freymann ở Ba-Lê nhưng quốc-tịch Mễ-Tây-Cơ và khi Đức đã chiếm Pháp, ty Công - An Gestapo của Đức muốn đem đây ông thì chính-phủ Mễ-Tây-Cơ cương quyết can thiệp, làm cho tất cả các nhà bác học thế giới phải mang ơn.

Năm 1947, Wiener lại thăm Freymann (các nhà bác học ngoại quốc nào hể tới Ba-Lê cũng tiếp xúc với Freymann) kể những công việc nghiên cứu tìm tòi của mình ở Mễ-Tây-Cơ ; Freymann nghe xong, bảo : « Phải xuất bản đi ». Thế là môn kiểm-động-học ra đời.

Năm 1948 sách in xong. Dưới nhan đề *Cybernétique*, có phụ đề này : « Những phương tiện kiểm-soát và truyền-đạt của loài vật và của máy móc ».

Sách rất khó hiểu, nhưng phong phú lạ lùng, làm cho tác-giả nổi danh liền.

Trước khi có môn kiểm động-học thì người ta cho rằng tư tưởng, thứ nhất là vài trạng thái của tư tưởng như sự lý-luận, khả năng tiên-tri, sự lựa chọn những ký-ức là những hoạt động chỉ có bộ óc con người mới làm được. Môn kiểm-động-học đã cho ta thấy rằng máy móc cũng có thể làm được những việc đó. Và lần lần người ta tin ở những con người máy (robot), những bộ óc điện, những bộ máy tư-tưởng.

Tin như vậy cũng hơi quá. Tất nhiên là máy không thể suy nghĩ được. Tôi xin lấy một thí dụ giản dị : Khi luồng điện mạnh quá thì dây chì chảy ra mà chúng ta tránh được một hỏa-hoạn. Ta nói là cầu chì nổ. Không ai nghĩ rằng cầu chì thông minh. Một bộ óc điện phức tạp hơn nhiều, cho nên người ta tưởng nó có những tính cách bí-mật ; nhưng sự thực nó cũng chỉ gồm nhiều cầu chì mà luồng điện có thể qua được hay không qua được. Khi luồng điện qua, người ta cho hiện lên một con số nào đó (chẳng hạn số không) ; khi luồng điện

không qua, người ta cho hiện lên con số khác (chẳng hạn số một) ; theo phương pháp đó, người ta có thể cho máy làm những bài tính rất rắc rối. Chỉ khác mỗi một điều là máy toán không dùng những cầu chì thường, cứ cháy rồi là phải thay ; mà dùng những đèn điện như loại đèn của các máy vô tuyến điện ; hoặc những bộ phận tính tế hơn nữa gọi là Transistor.

Dùng những máy toán cực kỳ rắc rối, gồm cả triệu bộ phận như vậy, người ta có thể làm xong trong vài giây những bài toán khó khăn đến nỗi, dùng cây viết mà tính thì phải cả một đời người mới xong. Máy tính nhanh hơn cả tốc độ của một viên đạn, nghĩa là bắn phát đạn ra, khi viên đạn chưa tới đích thì máy cho ta biết được nó sẽ đi qua chỗ nào và nổ trúng đâu. Máy còn có thể thay người để lái một phi cơ, điều khiển một cái xướng.

Loài người được năng lực kỳ diệu đó là nhờ công trình của Wiener và những người cộng tác với ông. Tuy vậy, muốn cho công bằng chúng ta cũng không nên quên ơn một người Pháp tên là François Dussaud, người đầu tiên đã xây dựng một lý-thuyết tổng quát cho tất cả các loại máy đó.

Vậy máy có thể thay bộ óc của người mà làm được nhiều công việc mau hơn người, nhưng không thể nào thông minh như óc của loài người được.

Ông Wiener đã nhận xét rất đúng rằng những máy giúp chúng ta làm điều thiện mà cũng có thể tăng năng lực của chúng ta để làm điều ác.

Nhờ môn kiểm động học người ta có thể chế tạo những người máy lái phi cơ để oanh-tạc một châu-thành. Nhưng cũng nhờ khoa đó, người ta đã chế tạo được một máy đánh thuốc mê dùng ở đường Mayo (Huê-Kỳ). Máy này rất kỳ dị, dùng những sóng điện trong óc bệnh nhân mà tự động khóa vòi hơi thuốc mê lại một khi bệnh nhân bắt đầu mê-mán. Người ta còn có thể chế được những chân tay nhân tạo mà người cụt chân, cụt tay đeo vào, có thể điều khiển y như điều khiển những chân tay bằng thịt vậy. Lại có những máy đọc sách cho người đui dùng, và vô số « phép màu » khá nữa.

Như vậy là loài người có thêm được những bộ óc tự chủ, không biết mệt, không cần ngủ. Ta thử tưởng tượng, có một năng lực kỳ diệu như vậy, chúng ta có thể thay đổi đời sống của chúng ta và biến đổi cả vũ-trụ đến cái mức nào.

Tuy nhiên máy không thể nào hoàn toàn thay thế con người, không gây ra sự thất nghiệp, vì máy không khi nào có được cái óc tế-nhị, máy lại không lập được chương trình. Các tạp chí chuyên môn Huê-kỳ thường rao những tin cần dùng người chuyên môn về máy tính. Chỉ có hạng suốt đời cộng cộng, chia chia, không làm được cái gì khác là sẽ lâm nguy : máy sẽ đào thải họ, vì máy có một đức nhớ vô biên (có thể nhớ được hằng tháng những con số rất rắc-rối) và một sức kiên nhẫn cũng vô-biên : 50 triệu bài toán cộng, nó cũng coi thường.

Nhưng dù sao nó vẫn chỉ là cái máy không thông minh, bao giờ cũng phải

cần dùng người. Cho nên môn kiểm-động học không làm cho ta sợ, mà trái lại, là n cho ta hy vọng. Môn đó có thể giúp ta tìm được nguyên nhân bệnh điên và phương pháp trị bệnh đó.

Nhiều nhà thần kinh bệnh họ đã nghiên cứu « trường hợp » Wiener, để rón tìm xem bộ óc kỳ dị đó làm việc ra sao. Họ không thấy cái gì khác bộ óc của người thường. Ông đánh bài « bridge » thì cao vô cùng, nhưng tính tình hòa nhã, không xấu chơi. Lại có tinh thần trào phúng. Một lần, trong một cuộc hội-ng nghị các nhà bác-học, ở Ba - Lê, ai cũng tưởng ông

tuyên bố về khoa học, thì ông nói suốt hai giờ về bản chất của loài quỷ ! Người ta thường lo ngại rằng khi cái giống « siêu nhân » xuất hiện thì họ sẽ làm những trò ghê gớm gì và đưa nhân loại vào con đường nguy hiểm nào đây. Nếu tất cả các siêu nhân đều như Nobert Wiener thì chúng ta chỉ nên cầu cho nhân-loại mau có được rất nhiều siêu-nhân, càng nhiều càng tốt.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Lược dịch bản tiếng Pháp của Jacques Bergier trong cuốn *Constructeurs d'Univers* của Hans Hartmann, (nhà xuất-bản Plon — 1956)

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

吸請 金字烟

Cigarettes JOB Surplines

COFAT CHOLON

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẠI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents

Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtcombank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

Thảo luận về « Tùy hứng sáng tác trong
âm - nhạc » tại nhạc hội ở Bath (Anh)

TRẦN-VĂN-KHÊ

Ng. xa cách,

Cuộc gặp gỡ giữa những nhà nghiên-cứu nhạc tại Ba-Lê vừa xong. Chưa kịp viết thư đề cho bạn biết qua những điểm đã thảo-luận và bài thuyết-trình của tôi, thì lại phải đi gấp sang Anh, để dự buổi thảo luận về « Tùy hứng sáng tác âm-nhạc ». Theo lẽ, thì ông A. Daniélou (Đa-Nhê-Lu), một người Pháp chuyên môn nhạc Ấn, dự buổi thảo luận ấy. Nhưng, bác-sĩ khuyên ông nên tĩnh dưỡng vì vấn-đề sức khỏe, nên ông đề-nghị cho tôi đi thế. Nhận lời đi tức là bỏ 2 hôm làm việc tại Ba-Lê, mất tiền lương mà không được bù lại, vì Đại-nhạc hội ở Bath (Baf) chỉ trả tiền lộ phí đi về và tiền ăn, ở trong thời gian lưu-trú tại Bath mà thôi. Nhưng nhận lời đi, tức là có dịp nói chuyện về Việt nhạc với những người yêu nhạc, thì dầu có thiệt đôi chút, tôi cũng vui lòng.

Giấy tờ hành lý đã sắp đặt sẵn sàng. Chỉ còn chờ giấy mời chánh thức của Đại nhạc hội. Trong tình trạng khẩn cấp, thư đi lại cũng mất hai hôm. Ông Hunter (Hơn-Tơ) thay mặt nhạc-sĩ Yehudi Menuhin (Iê-Hu-Đi Mê-Nu-Hin) đánh điện tín mời tôi dự buổi thảo-luận về tùy hứng sáng tác nhạc. Tôi nhận lời.

Hai giờ xe ca từ nhà ga đến phi trường, một giờ phi cơ, hai giờ xe lửa là tôi đến Bath (Baf)

Nếu phải giới thiệu châu thành Bath với bạn, thì viết mấy mươi trang cũng chưa đủ. Nhiều tác giả đã viết sách về Bath, đề tả một châu thành

lịch sử còn giữ lại dấu vết của nền văn minh La-Mã và bao nhiêu vua chúa danh nhân người Anh đã để chân đến đây. Nói qua cho bạn biết rằng Bath cách Luân-Đôn độ 150 cây số, ở về phía Tây, Tại đây đặc biệt có suối nóng và từ xưa đến giờ suối ấy trị được nhiều bệnh, đặc biệt là bệnh nhức gân. Từ thế kỷ thứ ba, một nhà văn La-Mã đã cho rằng thành Bath và mấy nguồn suối nóng ở đây là một kỳ quan trên thế giới. Tại Bath, có những nhà bán đồ cổ, bàn ghế, chén đĩa, cả sách xưa mà các đô thị lớn như Luân-Đôn cũng khó sánh. Những người thích đồ cổ từ các nơi trên thế giới, và Hoàng-hậu Mary (Mê-Ry) lúc còn sanh tiền hay đến Bath để tìm mua bàn ghế xưa... Nhà cửa, lâu đài, nhà thờ cổ chen với vài tòa nhà mới. Trong một đô thị nhỏ mà có đến 3 nhà thờ to và vua Eadgar (I-Đơ-Ga) năm 973 đội mào tước vị tại nhà thờ Abbey Church (A-Bê-Tchơ-Chơ). Nhà thờ này được cất thêm và trùng tu lại từ năm 1499. Châu thành Bath có những lâu đài, công viên to rộng, nhưng cũng có những con đường tí hon, có con sông Avon nước chảy lờ lờ.

Tại sao người ta lại lựa thành Bath để tổ-chức Đại-nhạc-hội? Từ lâu, hằng năm có Đại-nhạc-hội tại Bath. Nhưng từ năm rồi, có nhạc-sĩ Yehudi Menuhin tham-dự, nên nhạc-hội thêm phần hào hứng. Năm nay nhạc sĩ Yehudi Menuhin lãnh phần cổ vấn nghệ thuật cho ban tổ chức và điều khiển Đại nhạc hội. Trong chương trình ngoài những nhạc phẩm của các bậc nhạc sư cổ điển như J.S. Bach (Ba-Khơ), Haydn (Hai-Đơn), Mozart (Mô-Txat) Beethoven (Bê-Hô-Fân) có nhạc phẩm của thời kỳ lãng mạn như nhạc phẩm của Brahms (Bơ-Ram-Zơ), Listz (Li-Txơ), Schubert (Su-Bơt), thời kỳ cận kim, cận đại như Ravel (Ra-Ven), Strawinsky (X-Tơ-Ra-Vin-Xơ-Ki), Cooke (Cúc-Cơ) nhạc sĩ Anh sanh năm 1906). Nhạc sĩ Yehudi Menuhin cho rằng nhạc hội tổ chức ở một đô thị to mất cả cái thi vị của một buổi hòa nhạc. Sau khi tấu nhạc hay nghe hòa nhạc, nhạc sĩ hay thính giả lại bị cuộc sống ồn ạt của bên ngoài làm tan ngay cái dư vị của âm nhạc đi. Vì thế nên ông thích tấu nhạc, hòa nhạc, ở trong một khung cảnh do mình chọn lựa để có thể đặt hết lòng hết trí vào việc biểu diễn nhạc. Người ta thường nhắc tên nhạc sĩ I-Pha-Nho Pablo Casals (Pa-Bơ-Lô-Ca-Jan) với làng Prades (Pơ-Ra-Đơ) bên Pháp. Nay bên Anh người ta cũng bắt đầu nhắc tên nhạc sĩ Yehudi Menuhin với thành Bath. Tổ chức nhạc hội tại một nơi không thị tứ lắm, lại có đủ phòng hòa nhạc, có đủ khách sạn cho người đến dự và người đến nghe, mục đích để đem sự biểu

diễn nhạc lên một mức cao. Nhưng chỉ một thiểu số được trực tiếp tham dự hay thưởng thức. Đa số, tuy không có phương tiện hoặc vì công việc buộc ràng không thể đến Bath, nhờ vô tuyến truyền hình cũng thấy được hình ảnh và nghe được âm thanh từ Bath một phần nào.

Tôi thuộc về thiểu số may mắn nhất, chẳng những không tốn tiền, lại khỏi phải lo lắng việc thuê khách sạn, mua vé máy bay, mà được đến nơi thấy tận mắt nghe tận tai, lại được thảo luận với những nhạc sĩ tên tuổi lấy lòng về vấn đề sáng tác tùy hứng để có dịp nhắc đến nhạc Việt cho một số người Anh yêu nhạc nhưng có lẽ chưa có dịp biết đến những lối nhạc khác hơn nhạc cổ điển Âu-Châu.

Người ta đã giữ phòng cho tôi tại khách sạn Pratt's (Pờ - Rát-Zơ). Khách sạn Pratt's tuy không phải lớn nhất tại Bath nhưng là nơi trú ngụ ngày xưa của nhà văn hào Walter Scott (U-On-Tơ-X-Cốt) (1).

Vừa tới khách sạn, họ đã đưa cho tôi một phong bì to trong đó có chương trình của nhạc hội. Hôm nay, tôi được thông thả dạo xem thành phố. Người thư ký sẽ cho tôi biết giờ nào tôi có thể gặp Ông Yehudi Menuhin và những người tham gia buổi thảo luận về sáng tác tùy hứng.

Sáng hôm sau, ban tổ chức gọi điện thoại, cho tôi biết rằng Ông Yehudi Menuhin bận quay phim cho Đài vô tuyến truyền hình. Bác sĩ Menon, người Ấn, sẽ gặp tôi để bàn về cuộc thảo luận, chiều hôm ấy rồi vào khoản 11 giờ sáng tôi sẽ gặp nhạc sĩ Yehudi Menuhin tại Guildhall (Ghil-Đơ-Hô-Lơ) là nơi hòa nhạc.

Tôi vừa đặt ống điện thoại bước ra phòng khách gặp một người Ấn tuổi độ tứ tuần, mặc Âu phục.

— Chào Ông ! Chắc Ông là Ông Trần ?

— Dạ phải ! Còn Ông chắc là bác sĩ Menon ?

— Dạ phải.

Bác sĩ Menon là phó giám đốc đài phát thanh quốc gia Ấn-độ. Ông gốc gác ở miền Nam nước Ấn và chuyên đàn Vina, một cây đàn trong cổ nhạc Ấn, có 7 dây và 24 phím. Ông nói qua đại ý của đoạn

(1) Sinh tại Edinburg năm 1771 và từ trần tại Abbotsford năm 1832. Thi sĩ và tiểu thuyết gia người Anh.

Ông định trình bày về sáng tác tùy hứng và ngổ ý muốn nghe qua mấy cây đàn tôi đem theo. Mời Ông lên phòng, tôi dạo qua mấy khúc với cây đàn cò và đàn tranh. Ông rất thích tiếng đàn tranh, và nói chuyện nhạc với tôi trong một tiếng đồng hồ.

Lúc Ông Menon đi gặp những nhân viên đài vô tuyến điện B. B. C., tôi đến Guildhall để gặp Ông Yehudi Menuhin. Guildhall là dinh Thị xã. Phòng tiệc của dinh thị xã ở tầng thứ nhất là phòng hòa nhạc chánh trong kỳ nhạc hội này, cũng là nơi chiều hôm nay có cuộc thảo luận. Phòng rất rộng, cất từ thế kỷ XVIII, chạm trổ đẹp và 4 ngọn đèn trần bằng pha lê tỏa ra một ánh sáng dịu dịu.

— Thưa Ông vào đây có việc gì ?

Một người có trách nhiệm đến hỏi tôi.

— Tôi đến để gặp Ông Yehudi Menuhin.

— Ông có hẹn trước không ? Hôm nay Ông Yehudi Menuhin đàn cho đài vô tuyến truyền hình. Có lẽ Ông ấy bận lắm. Mời Ông ngồi đợi đây một chút.

— Cảm ơn Ông.

Đèn rọi, máy quay phim, máy vi âm, ngồn ngang trong phòng nhạc. Chính giữa phòng, Ông Louis Kentner (Luy-Ken-Tơ-Nơ) đàn piano (dương cầm) Ông Gaspar Cassa- do (Ga-Xơ-PaCa-Xa-Đô) đàn đại vĩ cầm (violoncelle) và Yehudi Menuhin đàn vĩ cầm (violon) đang dượt bài Trio (Tam tấu khúc), cung Si giảm trưởng của Beethoven (Bết-hô-fân). Ông Louis Kentner đầu sới, Gaspar Cassado tóc bạc hoa râm. Ông Yehudi Menuhin tóc vàng phất phơ trên trán đang hòa nhạc không kể gì những máy ảnh đang chìa ống kính vào phía mặt, phía trái, trước mặt, sau lưng họ.

Sau khi dượt ba lần, họ quay phim và thu thanh.

Có ai mà may mắn được như tôi ! Đang sống tại Ba-Lê, được mời đến đây, dự những buổi hòa nhạc đặc biệt, tiếp xúc với những người yêu nhạc, cả đời phụng sự và nâng cao nghệ thuật, được sống những phút mê mải khi nghe nhạc sĩ tấu nhạc với một kỹ thuật rất cao.

Đến lúc nghỉ xả hơi, tôi đang chưa biết làm sao để gặp nhạc sĩ Yehudi Menuhin, kể ông nhìn ra tôi, ân cần bước đến bắt tay chào tôi rồi giới thiệu tôi với các nhạc sĩ có mặt tại đó, với phu nhân và cậu bé

con của ông. Ông đã gặp tôi một lần trong năm vừa qua, khi tôi sang Luân-Đôn diễn thuyết về Việt nhạc, gặp tại nhà ông Angadi (Ăng-ga-di) hội trưởng hội nhạc Á - Châu. Chỉ gặp trong năm, mười phút, tưởng ông không nhận ra tôi, nhưng ông vẫn còn nhớ và mời tôi vào ngồi ghế bành gần giàn nhạc để nghe. Những người đứng bên ngoài, người kỹ thuật gia vô tuyến truyền hình đều ngạc nhiên nhìn tôi, tự hỏi tôi là ai mà được ông Yehudi Menuhin tiếp đón niềm nở như thế. Ông xin lỗi không thể tiếp tôi lâu vì ông rất nhiều việc, nhưng ông nói qua những điều cần thiết cho cuộc thảo luận và ông khuyên tôi gặp bác sĩ Menon để sắp đặt câu chuyện cho có mạch lạc. Tôi ngồi lại nghe buổi hòa nhạc đến lúc mãn cuộc rồi sau khi ăn trưa xong ; tôi dạo xem thành phố đến chiều gặp ông Menon trong giấy lát, kể sửa soạn đi đến phòng hòa nhạc tại dinh thị-xã.

Tôi cứ lo chẳng biết có ai chịu mất thì giờ và tiền bạc để nghe thảo luận và nhạc hay không. Nhưng đến nơi, phòng hòa nhạc đã chật cả thính giả. Ông Yehudi Menuhin giới thiệu tôi với nhà danh ca da đen ông Paul Robeson (Pôn-Rôb-Xôn), ông Denis Stevens (Đệ-Ni-Xơ Xti-Vân). Chiều nay, theo lẽ ông Nabokov (Na-bô-Côf) chủ tọa, nhưng ông bận việc ở Ba-Lê không đến được. Ông Yehudi Menuhin phải thay ông Nabokov. Ông nói với tôi : « Muốn thảo luận về sáng tác tùy hứng, theo lẽ mình phải chuẩn bị chặt chẽ hơn, nhưng hoàn cảnh xui cho chúng ta hôm nay phải phần nào thảo luận tùy hứng ».

Người Anh chú trọng về thời giờ hơn người Pháp. Vừa đúng 8 giờ, là ông Yehudi Menuhin đã mời chúng tôi lên sân khấu. Có 4 cái bàn nhỏ : một bàn để cho người nhạc công Ấn ngồi với cái trống mridanga (mờ-ri-dăng-ga) giống hệt như trống cơm của ta, một bàn cho bác sĩ Menon, bàn giữa cho ông Denis Stevens ông Yehudi Menuhin, ông Paul Robeson, và một bàn cho tôi. Trên mỗi bàn có một máy vi âm nhỏ. Ông Yehudi Menuhin khai mạc buổi thảo luận và đại khái nói rằng sáng tác tùy hứng là một khía cạnh quan trọng trong sự sáng tác âm nhạc. Không phải bảo tùy hứng là muốn đàn muốn hát thế nào cũng được. Có cả một truyền thống, một khuôn khổ phải theo. Trong khuôn khổ đó, người nhạc sĩ tự do, nhưng không thể quá tự do mà mất cả kỷ luật. Cũng như trong một nước dân chủ, dân được tự do nhưng không phải ai muốn làm gì thì làm.

Trong một bức thư, tôi không thể thuật hết cho bạn nghe những điều đáng nói. Chỉ tóm tắt mấy ý chánh của mỗi người tham dự cuộc thảo luận.

Ông Menon nói qua về điểm khác nhau giữa hai lối nhạc Á, Âu. Cũng như trong tôn giáo, người Âu đi nhà thờ đọc kinh một lượt làm lễ một lượt, người Á-châu đi vào chùa niệm kinh một mình. Âm nhạc Ấn cũng là một hình thức tôn giáo. Người nhạc sĩ lúc tấu nhạc như cảm thông với thần thánh. Do đó nhạc Ấn không có những giàn nhạc to, mà chỉ có những người độc tấu, độc xướng với một người đánh trống phụ họa. Và vì độc tấu nên có thể đàn tùy hứng dễ dàng hơn. Và để cho một thí dụ cụ thể, ông đưa ra một tiết điệu có 8 nhịp rồi nhạc sĩ Palghat Raghu (Pan-Gát-Ra- Gu) trong 15 phút, biến chế tiết điệu ấy dưới hằng trăm hình thức khác nhau.

Đến lượt tôi nói về sáng tác tùy hứng trong nhạc Trung-Hoa và nhạc Việt. Trong một bản nhạc chỉ có chữ đầu, chữ chót và những chữ nhạc ngay nhịp chánh diện là cần phải theo, còn ở các « lái » nhạc sĩ muốn đàn thế nào cũng được. Tôi lấy thí dụ mấy câu đầu bài *Lưu-Thủy hò* là *hò xự xang* có thể đàn *hò công hò* là *hò xự xang*, hay là *hò công* là *hò* là *xự tồn xang* v. v... Và trước khi đàn một bản, nhạc sĩ thường « rao » (tiếng Bắc : dạo) một lúc. Rao là một hình thức của sự sáng tác.

Không có một định luật nào chặt chẽ về lối rao. Nhạc khúc muốn biến chuyển ra sao, tiết điệu nhất khoan thế nào cũng được, chỉ cần phải giữ cho đúng giọng đúng hơi. Rao bắc cho ra giọng Bắc rao xuân cho ra giọng Xuân, người nghe không thể lầm được. Rồi tôi cho vài thí dụ cụ thể rao đàn cò và đàn tranh.

Ông Paul Robeson nói về cách hát những bài Negro Spirituals (Ni-Gờ-rô Xơ- Pi-Ri-Chu-Ôn-Zơ). Những bài này là loại thánh ca của người da đen trong khi nhạc « jazz » là lối nhạc ngoại tôn của họ. Có thể lấy một câu thơ, câu văn, hay là câu nói chuyện thường, lập đi lập lại, và tiếng nói người Phi-Châu có giọng bổng trầm (— như tiếng Việt —) theo giọng nói mà lên xuống, rồi ông cho ngay một thí dụ cụ thể, ông lại bàn qua đến hệ thống ngũ âm giai (pentatonique) trong nhạc Phi-Châu, ông cho rằng âm giai đó thông dụng nhất trên thế giới.

Đến lượt ông Denis Stevens cho chiếu một cuốn phim quay lại một buổi hòa nhạc của nhóm nhạc tùy hứng bên Hoa-Kỳ. Nhóm này gồm có một nhạc trưởng Lucas Foss (Liu-ca-xơ Fô-xơ) đàn piano, một nhạc công thổi sáo, một nhạc công thổi kèn clarinette (cờ-la-ri-nết) một nhạc công đánh đàn vibraphone (vi-bờ-ra-fôn) một loại đàn có nhiều miếng

đồng giọng cao thấp khác nhau và nhạc công cầm cây bao vĩ mà gõ, một nhạc công đàn đại vĩ cầm và một nhạc công đánh trống.

Sáu nhạc công ấy không có bản nhứt định trước mắt. Chỉ có những tấm "cạt" nhỏ trên đó họ ghi một nhạc khúc chánh và những đoạn thay đổi hòa âm. Rồi mỗi nhạc công tùy hứng tìm một nhạc khúc khác nhau miễn đến mấy chỗ thay đổi hòa âm thì dùng một trong 4 nốt chánh của hợp âm là được. Họ hòa đàn nghe lạ tai, chớ không làm người nghe thích thú; nhưng đó chỉ là một bước đầu của nhóm học sinh nhạc tại trường Đại học California (Ca-Li-Fooc-Ni-A).

Trong buổi thảo luận, tôi nhận thấy một điểm chánh: người nhạc sĩ Âu-châu hiện giờ đang băn khoăn, tìm một phương pháp mới lạ để thay đổi ngôn ngữ âm nhạc của họ. Họ hướng về nhạc phương Đông để tìm trong truyền thống của các lối nhạc ấy những tính vi, những tế nhị, những đặc điểm. Riêng về phương diện sáng tác tùy hứng thì người phương Đông và người Châu-Phi dồi dào hơn người phương Tây nhiều. Người phương Tây có kỹ thuật cao, có khuôn khổ chặt chẽ, nhưng lại bị bó mình trong khuôn khổ ấy. Người phương Đông có một truyền thống đặc biệt, và nhờ chỗ người nhạc công có thể đề cá tánh của mình trong khi biểu diễn một bài nhạc, mà nhạc phương Đông được linh động tưng tưng chi tiết. Bên nào cũng có cái hay riêng. Cần nhất là giữ gìn những đặc điểm trong vốn cổ và một khi áp dụng kỹ thuật bên ngoài nên hết sức thận trọng kẻo kỹ thuật không đem nền nhạc lên một mức cao hơn lại giết chết những cái hay, cái đặc biệt trong nền nhạc ấy.

Còn một điểm nữa làm tôi băn khoăn cho nền nhạc Việt là nhạc công xứ người, ở Âu-Châu hay Á-Châu đều chịu khó học tập rất lâu rèn luyện rất bền, còn ở nước ta, trình độ biểu diễn còn thấp kém so với các nước khác, chỉ vì nhạc công thiếu sự luyện tập.

Trao đổi ý kiến về âm nhạc với những nhạc-sĩ danh tiếng trên thế giới, tôi càng thấy cần phải nghiên cứu, học tập, rèn luyện thêm nhạc cổ truyền của dân tộc Việt, để mai sau trong công cuộc tìm một ngôn ngữ mới cho âm nhạc trên thế giới, họa chăng Việt nhạc sẽ đóng góp được một phần nhỏ. Nhưng cũng phải nghĩ làm sao dung hòa được việc bảo tồn vốn cổ và tìm ngôn ngữ mới cho nhạc Việt. Muốn đề cập đến vấn đề này, tôi xin hẹn bạn thư sau.

Xa Xôi...

TRẦN-VĂN-KHÊ

Một vài nhận xét về :

TÌNH TRẠNG GIA-ĐÌNH VIỆT-NAM

★ CỎ-LIÊU

TỪ thời đại này sang thời đại khác, từ xứ này sang xứ khác danh từ gia-đình được quan niệm với ý nghĩa, nội dung và vai trò xã hội khác nhau, tùy theo điều kiện kinh tế, chánh trị và tâm lý. Như vậy ta không thể có một định nghĩa dứt khoát về gia-đình.

Tuy nhiên gia đình là một thực tại vật chất và tinh thần, một tổ hợp bên cạnh những tổ hợp khác có tính cách chính trị, kinh tế, nghề nghiệp, tôn giáo. Nếu con người chịu sự chi phối của gia-đình thì cũng chịu sự chi phối của các tổ hợp khác như đảng phái, nghiệp đoàn v.v... chớ không ảnh hưởng lên ảnh hưởng gia-đình. Nhưng gia-đình vẫn là căn cứ đầu tiên để con người sinh trưởng và phát triển. Con người có quan hệ mật thiết với gia-đình hơn cả vì con người tìm trong gia-đình ấm no và yên ổn, nhất là học yêu thương, luyện tâm tính trong lúc thiếu thời.

Ngày nay mỗi xứ, mỗi nơi quan niệm gia-đình theo một công thức riêng tùy theo tình trạng phát triển kinh tế và tư tưởng

nhân sinh. Tuy nhiên một xu hướng chung hầu như rõ rệt trên thế giới từ hơn một thế kỷ nay : gia-đình đông đảo trước kia bị phân tán lần lần, thành phần của gia đình thu hẹp lại, ý thức cá nhân chi phối sự hôn nhân, sự hôn phối là nguồn gốc tạo lập gia-đình.

Hướng tiến chung của gia đình trên thế giới

Xưa kia, trong một nền văn minh nông nghiệp gia-đình là một đơn vị xã hội kiêm cả một đơn vị sản xuất kinh tế, một đơn vị hưởng thụ, một trung tâm giáo dục, giải trí và hoạt động tôn giáo. Với những trách vụ lớn lao như thế gia đình ngày xưa phải có những phương thức tổ chức đặc biệt, gia - đình quy tụ nhiều thế hệ, đặt dưới quyền chỉ huy của một gia trưởng, cá nhân chìm trong tổ chức ấy. Do đó con cái được nuôi nấng với mục đích sẽ làm một cánh tay sản xuất kế nghiệp cha mẹ, hôn nhân do gia trưởng

định đoạt vì người đàn bà sẽ là một phần tử để sát nhập vào tổ hợp, hưởng quyền lợi chung, chứ không phải riêng của người lấy vợ.

Đến khi Tây-phương kỹ nghệ hóa, sự thay đổi sâu xa về kiến trúc kinh tế làm đảo lộn hoàn toàn tổ chức gia-đình cổ phong. Sự sản xuất kinh tế chuyển sang giai đoạn tập thể (lập bốn, lập hội, lập công ty) vượt khỏi khung cảnh sản xuất gia-đình làm cho gia-đình mất hẳn trách vụ một đơn vị sản xuất. Dân cư quy tụ đông đảo tại các thành thị làm thoát thai những tổ chức an ninh giáo dục, giải trí, tôn giáo công cộng thay thế cho nhiệm vụ của gia-đình. Khuynh hướng ấy do nhu cầu xã hội tạo ra và biểu lộ một mối liên lạc chặt chẽ thêm giữa con người với các đoàn thể rộng lớn trong xã hội.

Song song với sự phát triển mối liên lạc đó người ta cũng tiến đến một ý thức cá nhân tinh vi. Thành phần gia-đình thu hẹp lại còn có cha mẹ và con để thường thường chưa làm được tiền. Quyền hành người gia trưởng mờ đi. Sự phân phối do cá nhân tự ý định đoạt. Quan niệm về con cái cũng thay đổi. Ngày xưa người ta sinh con với mục đích tạo phương tiện để nối tiếp dòng sống gia-đình, ngày nay mục đích cấu tạo những phần tử của xã-hội ngày mai. Đó là khuynh hướng « Filio-centriste ». Ý thức cá nhân phát triển mạnh cũng làm cho gia-đình tân phong không kiên cố bền vững như trước. Hay có những vụ ly dị, hậu quả tất nhiên của một quan niệm hợp tác chỉ căn cứ ở ý muốn cá nhân.

Sự biến đổi gia-đình từ hình thức cổ truyền ra hình thức tân phong là một

thực trạng bắt buộc ta phải thừa nhận mà không thể hối tiếc cái dĩ vãng xa rồi. Vấn đề đặt ra là phải có thái độ nào trước sự tiến triển đó. Đó là một vấn đề hệ trọng vì tùy cách giải quyết người ta sẽ định hướng cho luật lệ, cho quan niệm luân lý và phần lớn hệ thống giáo-dục.

Gia đình Việt-Nam

Trước thời kỳ Pháp thuộc gia-đình Việt-Nam nặng sắc thái gia-đình nông nghiệp. Văn-minh Âu-Tây tràn sang đã rung chuyển những nền móng vững trãi ấy. Tuy nhiên sự khai hóa của người Pháp chưa có gì là sâu rộng, thực ra đó chỉ là một lượt sơn phết hào nhoáng cho nên không thay đổi đường lối sống nông-nghiep cổ truyền là bao nhiêu. Sự đổi thay chỉ quy tụ ở những trung tâm thành thị vì tâm lý và tư tưởng con người biến đổi. Yếu tố kinh-tế không thay đổi mấy, yếu tố tư tưởng không đủ để chuyển hướng quan niệm về gia-đình. Do đó có một sự tương phản khá rõ rệt giữa nền nếp gia-đình thành thị và gia-đình nông thôn, sự bất đồng quan điểm giữa người ở tỉnh và người ở quê, giữa phái trẻ và phái già sự chống đối ấy mạnh bạo hơn ở các nước Âu-Châu. Dĩ nhiên, vì vấn đề mới cũ gặp nhau chống chất lên đề Đông Tây gặp nhau.

Chúng tôi sẽ trở lại điểm này trong những phần sau. Bây giờ hãy tìm hiểu xem gia-đình Việt-Nam đã biến chuyển như thế nào để biết rõ hiện nay danh-từ gia-đình đối với chúng ta hàm chứa những ý niệm gì ?

Chức vụ của gia-đình.

Về phương diện kinh - tế gia - đình Việt-Nam phần lớn vẫn là một đơn vị sản xuất mặc dầu người ta nhận định theo tiêu-chuẩn nông nghiệp hay công nghệ. Phần lớn xưởng chửa máy, thủ công nghiệp đều có tính cách gia-đình, nhiều xấp-phơ tác-xi, công nhân xích-lô làm chủ xe của họ. Thành phần sản xuất của các xí nghiệp trồng tía và kỹ-nghệ chưa có là bao.

Những biện pháp kinh-tế chính-trị và pháp-lý lại thuận tiện để giữ nguyên đơn-vị sản xuất gia-đình. Cải cách điền - địa với khẩu hiệu một căn nhà, một thửa ruộng với con trâu cày chặn đứng sự tập trung phương tiện sản xuất vào trong tay những xí nghiệp lớn.

— Về phương diện hưởng thụ có một sự khác biệt rõ rệt giữa thành thị và thôn quê. Ở thành thị người ta mua thực-phẩm và vật phẩm về hưởng thụ, người ta thuê mướn một phần lớn dịch vụ. Như thế đã xuất hiện một loạt trung gian để cung cấp vật phẩm.

Ở thôn quê người ta tự thỏa mãn gần hết nhu cầu sinh-hoạt. Nhưng biện pháp chánh-trị, — sự thành lập khu trù-mật — sẽ thuận lợi cho lối sống ở thành-thị lan rộng về thôn xóm. Như vậy, trong một tương lai rất gần gia-đình sẽ không còn là một đơn vị hưởng-thụ.

— Lối sống ở thành thị phỏng theo khuôn khổ Tây-phương.

Nhiều vấn đề phải giải quyết trên bình diện quốc gia chứ không thể trong phạm vi gia-đình như trước.

— Với sự tăng tiến về kỹ thuật sản xuất, văn hóa, tư tưởng, gia-đình không đương nổi trách nhiệm giáo dục. Ở tỉnh thành các trung tâm huấn luyện các ngành đã làm nhiệm vụ đó. Ở thôn quê những tổ chức hiệp hội nông dân và phát triển cộng đồng sẽ san sẻ nhiệm vụ đó với gia-đình.

— Về phương diện tôn giáo, trách vụ của gia-đình còn tương đối vững vàng đôi chút, chính sự thờ phụng là yếu tố chống lại sự phân tán gia đình mạnh mẽ hơn cả. Mỗi liên lạc gia đình còn tương đối thân mật hơn xứ khác nhờ có những ngày giỗ tết, các phần tử có khi ở xa xôi về quây quần dưới bàn thờ tổ. Người Việt-Nam nặng về nguồn gốc tổ tôn cho nên có vấn đề đại gia-đình, tiểu gia-đình. Con cháu trực hệ, có khi cả bàng hệ đã biệt lập phần nhiều chỉ giữ liên lạc với nhau và với gia trưởng trên phương diện thờ phụng chứ không có chung đụng gì cả. Chữ « kiến giả nhất phận » rất ý nghĩa. Tuy nhiên sự thờ phụng ngày nay phai nhạt, người ta hành lễ cúng giỗ không còn có sự tin tưởng như trước, và lại đã có câu « con dâu cha mẹ dấy », e rằng tục lệ đại gia - đình không giữ nổi trách vụ trung tâm thờ phụng.

Tóm lại gia-đình chỉ còn lại trách vụ một trung tâm sản xuất kinh tế là kiên cố, còn những trách vụ khác, gia-đình Việt-Nam cũng tiến triển theo luật chung vậy.

CÔ-LIÊU

KỶ SAU : Tính chất đặc thù của gia - đình Việt - Nam.

BÀI THƠ CHÚNG TÔI

Dâng trọn vẹn niềm tin về các bạn khóa 2 N.L.M

H. L.

Lũ chúng tôi
Bọn người vạn hướng
Gặp nhau trên con đường lý tưởng
Biết nhau
Đã chẵn hai năm tròn

*
* *

Những tâm hồn sắt son
Kề bên nhau học tập
Những ngày vui dồn dập
Những chiều buồn đuổi theo
Cuộc đời...
Mấy bận gieo neo

*
* *

Tôi nhớ
Ngày khai trường bỡ ngỡ
Thế-hệ chúng mình
Đã dang dở nhiều phen
Những thằng trai sự nghiệp nghiêng nghiêng
Tâm tình chưa trọn
Nhiều chị gia-đình vương-vấn
E dè nơi cảnh lạ xa-xăm...

*
* *

Thế rồi tháng năm
Sớm chiều quen mặt
Nhưng mái tóc xanh xanh yêu đời thắt chặt
Rung rinh
Như anh em một đại gia-đình

..

Tôi nhớ
Ngày ngày hai buổi
Cấp sách đến trường
Học hành theo đuổi
Yêu thương...

..

Những sáng âm-u
Sương mù lạnh lạnh
Giấu hai tay vào túi quần, tà áo
Đi cạnh bên nhau
Ôi những mối tình
Nguyên vẹn trước sau...

..

Những buổi thực hành đồng cỏ
Nắng cười hoa sim
Một cuộc đời
Hòa hợp vạn con tim

..

Những chuyến viễn du
Núi rừng bát ngát
Vòng tròn bên nhau ca hát
Tâm tình cởi mở
Dự định tương lai

Chị đi chăn nuôi
Anh rừng núi
Tôi ruộng đồng
Nhưng chúng mình cùng phục vụ non sông

* *

Hay ngồi nghe Pongour vĩ đại
Reo khúc nhạc muôn đời
Để lòng thư thái
Chơi vui...

* *

Những đêm đầu trường liên-quân Đà Lạt
Không đệm không mừng
Nằm nghe mưa khóc canh tàn
Mà thương nhớ mung lung...

* *

Rồi thời gian
Vẫn lạnh-lùng xuôi phảng-lặng
Dù gian nan cay đắng
Chúng tôi vẫn là chúng tôi
Một vài đứa đi rồi biền-biệt...
Nhưng nụ cười vẫn giữ trên môi.

* *

Bài thơ về chúng tôi
Sao mà tin yêu trọn vẹn
Mười năm sau không hẹn
Gặp nhau trên một chuyến dò
Biết lấy gì trao đổi gửi cho...

Blao

HUY-LỰC

(Trong « Thuở ban đầu »)

CẢI NHAU

CHẰNG qua chỉ tại sáng chủ nhật đó trời đẹp. Sau trận mưa đêm, không khí vừa nhẹ vừa mát, lòng người tự nhiên tung tăng như những trái bóng phơ phất bay trước gió. Văn nẩy ra ý rủ vợ đi chơi, và vợ hưởng ứng ngay.

Anh sửa soạn rất nhanh rồi đứng ngắm vợ trang điểm trước gương. Anh chợt khám phá ra rằng hai vợ chồng sống bên nhau mười lăm năm rồi tưởng không còn đường nét nào là không quen thuộc, thế mà đến hôm nay anh mới nhận ra vợ anh có một cái gì duyên dáng anh chưa từng biết. Đôi mắt chị mở to đang nhìn sâu vào trong gương, thỉnh thoảng chị lại ghé sát mặt vào nhìn cho rõ hơn. Chị đưa ngón tay vuốt nhẹ lên lông mày, kéo mấy sợi tóc xuống trước trán rồi khẽ uốn cho tóc cong cong. Kể ba con rồi, giữ được thể này là khá lắm. Cô trước cửa mới ngoài hai mươi mà có vẻ còn già hơn mình. Ô, cái mụn này mọc ngay dưới cằm khó chịu quá!

Chị khẽ mỉm cười để có dịp bằng lòng hơn về hình ảnh trong gương, nhưng chợt thấy anh bất gặp được cử chỉ đỗi đáng của mình, chị vội đưa son lên môi rồi nói lảng:

— Hai năm giờ mà vẫn chưa hết một cây son.

Văn tiến lại gần, để tay lên vợ. Da thịt cô này hôm nay mát lạ. Mũi vợ hênh hếch, hênh hếch, trông ngộ quá, anh nắm lấy cái mũi đó giật một cái. Anh giật cũng đã khá mạnh mà vẫn thấy chưa diễn được hết những ý nghĩ đang trào lên ở lòng mình.

Chị Văn vùng vằng đứng dậy, vớt cây son ra mặt bàn:

— Đùa lối gì mà lạ thế.

Văn ngơ ngác như đứa trẻ thò tay vào lồng, vuốt ve con chim bỗng thấy nó sù lông ra mổ túi bụi. Tổ tình với vợ mà cũng khó vậy. Không đúng lúc, không đúng cách, ý nghĩ đẹp nhất cũng sẽ trở nên thô độn.

Văn nhìn đồng hồ rồi nói rất nhẹ :

— Thôi sửa soạn đi không muộn.

— Chẳng đi đâu cả.

Mũi chị Văn vẫn đỏ gay, một chút sấp son nguyệt lên trên mép khi anh đụng phải tay chị, làm cho miệng chị ngoác thêm ra, khiến anh vừa buồn cười vừa thương hại.

— Đi, chóng anh đèn một bữa xi-nê và một châu kem.

Kể ra lời nghị hòa của anh nghe cũng xuôi tai đấy nhưng không hiểu tại sao chị không bằng lòng :

— Đi với ai thì đi — Còn tôi, tôi xin ông cho tôi được ở nhà.

— Cô nói thế nào tôi không hiểu.

— Có gì mà không hiểu. Ai làm thì người đó biết. Ở ngoài thì nung như nung trứng, húng như húng hoa, về nhà với vợ con là dần vật, hành hạ.

— Tôi dần vật gì cô mà tôi nung húng gì ai ?

Câu hỏi đó đã như là cái nút người ta nhận xuống làm xổ tung ra tất cả những điều uẩn mà ngày thường chị Văn vẫn gác một bên. Nay anh đã muốn biết, chị sẽ kể ra bằng hết, để anh hiểu rằng từ trước đến nay chị không muốn nói đấy thôi, chứ còn chẳng điều gì thoát khỏi mắt chị.

Thế là anh đứng sững người ra để nghe chị nhắc lại rành rọt những sự lệch-lạc, những tình ý của anh từ ngày chưa lấy chị đến bây giờ.

— Ủi lúc chưa cưới muốn sao cũng được, nhưng ngay hôm cưới mà hầy còn

toét miệng hót như khướu với mấy cô phù dâu.

— Đã chạy tản cư mà vẫn tính nò nạt nẩy. Hôm qua đồ Nhổng máy bay bắn ầm ầm, người ta vai đeo bị, tay bẻ thành Tùg, sà cánh ra chẳng thấy đỡ dần gì cả. Con Sinh nó chạy có một mình, thì nào cầm lẳng hộ nó ư, nào dắt nó xuống đồ ư, thế không là nưng húng là gì ?

— Vợ dặn năm lần bảy lượt vẫn quên, con Hiền nó nhờ mua hộp thuốc thì chạy khắp tỉnh mua lấy được, lúc về lại còn : « Dạ thôi ạ, — chị Văn vừa nói vừa dọt miệng ra nhại tiếng anh —, chị khỏi phải tính toán chẳng đáng bao nhiêu chị ạ ».

Toàn là những mẩu chuyện như thế cả. Ký ức người đàn bà thiên lệch một cách thật đáng sợ. Chiều chuộng họ một ngàn lần họ vẫn quên được dễ dàng, nhưng nếu có lần nào, chỉ một lần thôi mình có cử chỉ gì sơ ý, họ sẽ chôn chặt trong trí nhớ suốt đời không phai.

Văn không thể nào chịu được sự bất công đó và anh chống trả kịch liệt. Hai người lúc đầu còn mĩa mai, chua chát sau giọng nói mỗi lúc một cao. Có đoạn Văn găm thét lên, chị ta lại khẽ rít giữa hai hàm răng :

— Nay vừa vừa chứ, hàng xóm người ta đang cười cho kia kìa.

Nhưng anh vừa dịu giọng đi, chị lại kiếm được cách trêu chọc, rĩa móc, khiến anh không nhịn nổi phải hét ầm lên. Trận cãi nhau cứ lẳng nhằng từ chuyện nọ sang chuyện kia. Lúc tám giờ sáng mới còn là chuyện anh nắm mũi chị, nhưng đến mười giờ sáng giá có nói tới bỏ nhau

có lẽ hai người cũng chẳng tiếc thương gì nữa,

Khi mới lấy nhau, hai vợ chồng Văn tưởng rằng họ sẽ không bao giờ cãi nhau được. Họ đã lấy làm ngạc nhiên thấy Lương, ông anh họ, bất cứ chuyện gì cũng mè nheo với vợ, nào lòng lợn thiếu rau thơm, bún thang không cà cuống, nào muối chui đốt trong mùng, gió lùa qua khe cửa, không mấy khi đến chửi Lương mà gặp được một bộ mặt không nhăn nhó. Văn đã phải kêu lên :

—Đời sống thế khác gì hỏa ngục sao mà họ chịu nổi nhỉ?

Đến lượt vợ chồng anh, tuy chẳng đến nổi quanh năm xô xát, nhưng cũng đã nhiều lần điều qua tiếng lại, anh bỏ cơm, chị khóc xưng cả mặt. Mà nguyên nhân nào có to tát gì cho cam? Toàn chuyện cái tơ, cái tóc.

Chuyện to, họ lại không cãi nhau. — Hồi còn ở hậu phương, chị giao anh cầm một cái túi vải đựng cái kiềng vàng, ít đồ nữ trang cùng tất cả vốn liếng của hai vợ chồng. Văn mãi xem anh hàng bán thuốc rong làm trò ảo thuật, nhìn ra túi đã bị rách mà không hay. Chị Văn tuy

xót xa công bao nhiêu năm dành dụm chỉ bảo chồng :

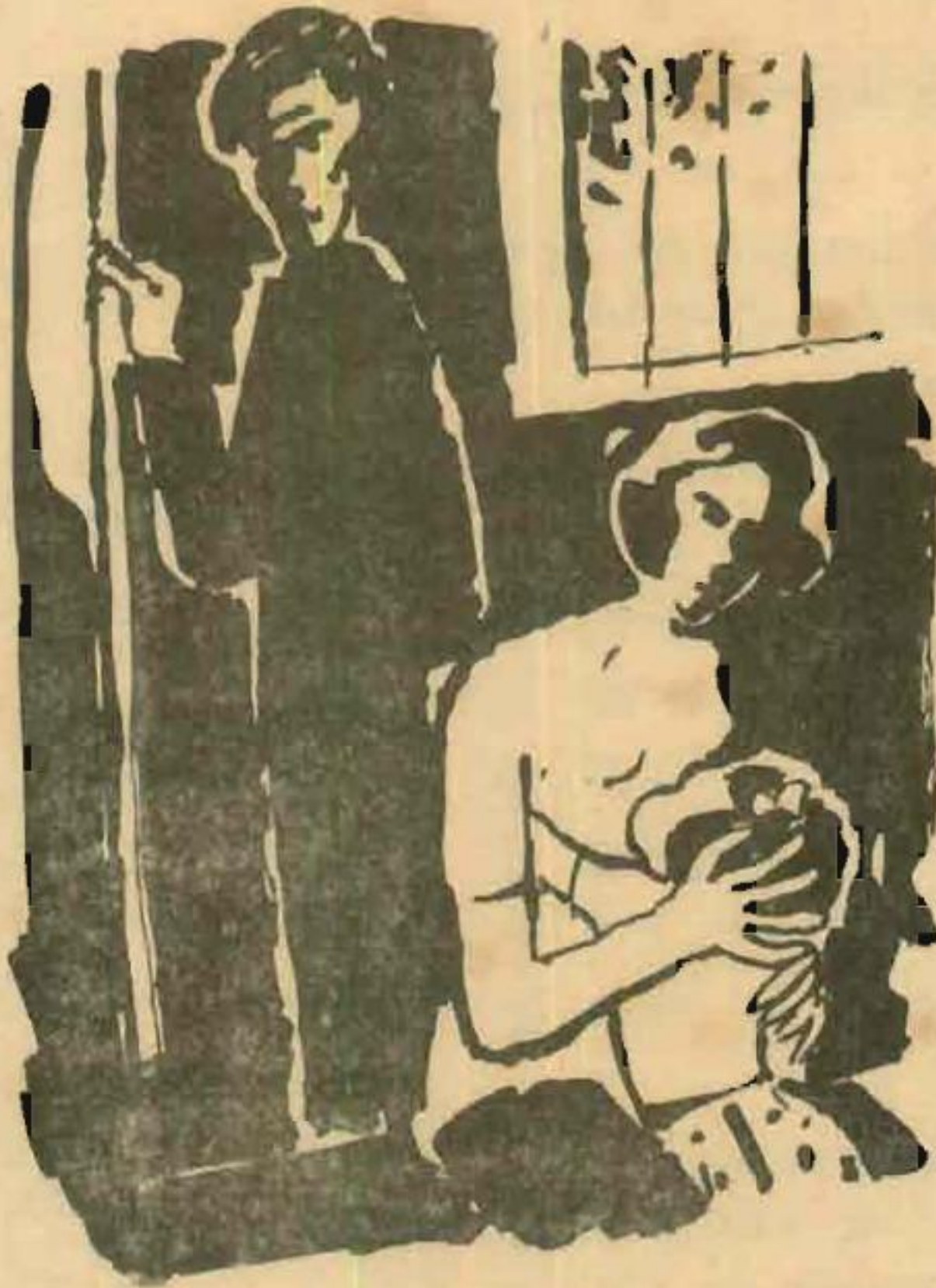
— « Thôi anh đừng buồn — Em không đeo vàng cũng chẳng sao ».

Cũng con người êm ả, dịu dàng đó, có lúc đã chồm chồm lên, hung hăng một cách đến ghê sợ, trách móc Văn về những chuyện

không đâu, trong khi chính Văn không tìm ra mình có lỗi gì. Chẳng bao giờ chị Văn chịu là mình làm cả. Bao giờ lẽ phải cũng về chị. Không biết lẽ phải nó là cái gì mà vợ chồng trao xương gỏi thịt cho nhau còn được, nhưng nói đến lẽ phải thì không ai chịu nhường ai. Anh cũng cảm thấy trong cuộc đời hàng ngày chị Văn

không thể sống một cách cởi mở như anh nghĩa là gặp đâu nói liền đấy khỏi phải vắn vưng nghi ngại. Hoặc vì tính kín đáo, hoặc vì muốn tránh cho con cái người nhà chứng kiến cảnh bất hòa giữa hai vợ chồng, chị phải nén chặt nhiều nỗi âm ức, kịp đến khi nói được ra thì phải trút hết những khó chịu chồng chất bấy lâu, trước khi tích lũy những bức rộc mới.

Anh cũng thường tự nhủ vợ chồng cãi nhau chẳng qua như người nằm ngủ trở



mình, nằm mãi một chiều thấy ê ẩm, nên thỉnh thoảng cũng xây đi, trở lại tìm một thoải mái mới.

Vì thế dù có cãi nhau đấy rồi họ lại chiều quý nhau. Nhưng lần này thật chị đi quá mức rồi. Ai đời chồng chỉ có bẹo yêu vào mũi mà chu chéo, giận dỗi làm như chồng đã phản bội không bằng. Anh sẽ không thèm nói với vợ một câu nào trong ít nhất một tháng giờ cho mà coi.

Từ lúc cãi nhau với vợ, anh thấy vợ mất hết cả vẻ ưa nhìn. Mặt khó đầm đầm, chân tay lỏng thông, quần áo lôi thôi. Những ngày trước kia sao anh không nhận ra những nét xấu ấy nhỉ? Mà anh lấy vợ làm gì cho khổ thân anh nhỉ?

Chị nhìn anh cũng chẳng còn thấy đẹp đẽ chỗ nào. Lầm lằm, lì lì, cầm bạnh ra,

gân trán nổi lên. Người đâu mà chiều chuộng thế nào cũng chưa vừa ý. Vợ chưa nói hết lời đã mắng át, lúc nào đuối lý lại im lặng một cách khinh-khỉnh. Được đã muốn thì gan, chị sẽ lì ra đấy xem ai thua ai.

Hai đứa con trai anh chị Văn rủ nhau đi khỏi nhà chơi đùa cho yên ổn. Chúng đã có kinh-nghệm cay chua là giữa tình thế đang căng chúng lẫn quần gần bố mẹ là dễ gặp những tai họa bất ngờ.

Đứa con gái út trái lại cứ sán chặt bên chị Văn. Nó hồi han chị thật dịu dàng và nhìn bố một cách bất mãn. Có lẽ nó cho rằng mẹ nó yếu đuối hơn nên cần phải sự bảo-vệ của nó. Hay là một linh tính nào đã báo trước cho nó biết sau này nó cũng sẽ gặp những cảnh tương tự nên nó tập trước cách đối phó?

Nữ thần vẫn thèm khát « mùi tục lụy »

Vua Ulysse, nổi danh trong thần thoại Hy - Lạp là cha của Télémaque và chồng của Pénélope. Vua là vị anh hùng thủ một vai chính trong cuộc vây thành Troie vĩ đại. Từ nơi đất khách trở về nước nhà, vua phải trải qua thiên nan, vạn nan, duy đến cuộc gặp gỡ các nữ thần nhân ngư (nửa người nửa cá) là được coi như nguy hiểm nhất. Nhân ngư là những yêu phụ, có tiếng hát dịu dàng, êm ái, rất dễ khiến người say mê. Dưới đây là lời Homère đặt vào miệng một nhân ngư :

« Ce sont mes regrets, mes soucis, noble Ulysse, c'est la teindre pour toi qui m'ont privé de la vie douce comme le miel ».
Hỡi Ulysse cao quý kia, chính nhớ nhung, khắc khoải, chính tình nghĩa ái ân đã khiến lòng ta rộn ràng, thồn thức, không còn cho ta hưởng cảnh đời êm ngọt như mật ong nữa đó.

Dầu sao Văn cũng thấy ghét lây cả đứa con gái út đã về hòa với mẹ chẳng biết đâu là phải, trái cả.

Hai vợ chồng Văn mới không nói với nhau vài tiếng đồng hồ mà nghe chừng đã lâu quá. Nhất là đối với anh ta. Từ trước đến nay Văn đã phó mặc vợ việc tổ chức đời sống hàng ngày. Anh chỉ biết tháng tháng nộp chị tiền lương đều đều còn công việc trong nhà chị lo sao thì lo. Cái áo đứt cúc, đôi vớ phải mạng là anh kêu chị, thăm chị bạn mới sanh, mừng cô cháu lấy chồng, anh lại kêu chị, cần tiền hớt tóc, mua báo cũng lại chị. Kể ra lúc thuận hòa êm đẹp, đóng vai ông chồng biếng nhác, chờ vợ đi trước từng ý muốn của mình, cũng là một cái thú. Nhưng đến khi giận nham mới thấy là bất lợi. Văn đã quen nếp sống ỷ dựa vào vợ rồi nên nhiều việc anh cần phải hỏi vợ quá. Mà cất lời hỏi vợ bây giờ có khác nào nhận là mình trái nên phải làm lành. Không, chị Văn có muốn đấu dịu thì chị đi bước trước, còn anh chẳng việc gì anh phải chịu nước lép.

Chị Văn ngồi khâu ở một góc phòng, tay đưa kim một cách uể oải, mắt tưởng như chỉ nhìn vào mũi kim không để ý đến xung quanh nhưng thật ra anh làm gì chị cũng biết. Chị cũng thấy nóng ruột lắm rồi. Đẳng đẳng một tuần lễ mới tới ngày chủ nhật, tưởng được sống một ngày vui vẻ thế mà hai vợ chồng cứ cầm lạng, ghe lạnh mãi thế này, còn ai chịu nổi. Chồng đâu mà có thứ chồng gan thế nhỉ? Bây giờ anh chỉ nói với chị một câu thôi hay để cho chị bầu trả lại một cái, chị sẽ quên hết giận hờn. Có ai bác hộ một cái cầu giữa hai thế giới xa xăm này không?

Bỗng có tiếng gõ cửa và tiếng thằng Tùng chào :

— Lạy hai bác ạ — Ba Mẹ cháu có nhà đấy ạ.

Văn cau mặt lại — Bạn bè nào mà lại nhăm lúc này đến thăm. Chị Văn xếp vôi thúng khâu, rồi tắt tả chạy ra bên gương chải lại đầu. Thằng Tùng nói vọng vào trong nhà :

— Thưa Ba Mẹ, có hai bác Thiệu tới chơi đấy ạ.

Văn đằng hắng một tiếng, lấy lại tự nhiên, rồi bước ra phòng khách. Vừa thấy bạn, anh đón đã mời chào như không có chuyện gì xảy ra. Chị Văn lúng túng mãi. Chị mất nhiều thì giờ mới tìm thấy bình tĩnh, lúc chào khách dáng điệu chị hây còn nhiều nét ngượng ngùng. Vợ chồng Thiệu hôm nay không biết vô tình hay hữu ý mà nói chuyện đến âm ờ :

— Gớm anh Văn dạo này trông cứ phây phây ra thôi, không biết chị nuôi anh ấy thế nào mà khéo thế !

— Dạ thưa hai bác tôi đoảng lắm ạ, chẳng được việc gì.

— Hai ông bà thật gương mẫu, ngày nghỉ cũng chẳng đi đâu, lúc nào cũng quần lầy nhau.

Văn cười rồi đáp :

— Chết anh chị chớ tin vào bề ngoài.

Trong khi tiếp khách, hai vợ chồng Văn đều dùng những câu mập mờ, nhiều nghĩa như vậy. Khách nghe có thể tưởng là họ nói nhún mình nhưng chỉ riêng hai vợ chồng mới hiểu được cái dụng ý chua chát.

Thiệu thật vui tính lại có tiếng cười giòn tan nên câu chuyện mỗi lúc một đậm đà. Anh chị Văn như lây cái vui của Thiệu quên dần những phút gay go buổi sáng. Lúc đầu anh chị còn tránh không nhìn nhau, sau anh đã quay sang nhìn chị, chị quay lại nhìn anh. Chị Văn đưa chén nước mời anh Thiệu, nhưng khách ngồi hơi xa, chị còn đang vươn ra Văn đã đỡ chén trong tay vợ, đặt giúp trước mặt khách. Văn hơi mỉm cười khi nhìn thấy trên lưng bàn tay chị hãy còn sót lại vết son sáng nay. Chồng chỉ khẽ chạm vào tay mình thế mà chị Văn cũng thấy một cảm giác gì rất êm dịu.

Hai vợ chồng định tâm chỉ đóng kịch cho khách khỏi nhận thấy họ vừa có chuyện bất hoà, không dè kịch đóng khéo quá đến nỗi xóa nhòa cả cuộc xung đột.

Anh chị Thiệu tới chơi hôm nay chủ đích để mời vợ chồng Văn đi ăn cưới đưa con giai đầu lòng. Chị Văn quay sang Thiệu :

— Chồng thế đấy — Bao giờ mới đến lượt thằng Tùng nhà tôi ?

— Chẳng bao lâu đâu chị ơi. Bọn mình là sắp có cháu nội, cháu ngoại đến nơi cả rồi.

Văn cười phá lên — Anh vừa chợt nghĩ đến cuộc cãi lộn sáng nay. Có đâu có rẻ rồi mà vợ chồng hãy còn chỉ chóc với nhau như con nít.

Lúc tiễn bạn ra về, anh chị Văn còn nói với theo :

— Thế nào vợ chồng chúng tôi cũng xin tới mừng anh chị, và ăn cỗ cháu.

Chị Văn quay trở vào trong nhà trước, Văn đi theo sau bỗng cất tiếng hỏi trống không :

— Hôm nào cưới ?

Chị Văn trả lời băng quơ :

— Thứ năm sau.

Một làn gió ở đâu thổi tới làm nhẹ bay tà áo chị, Văn nhìn lên thấy lưng vợ còn óng ả lắm.

P.V.T.

VOYAGEZ PAR QUADRMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS. RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL: { 22.102
SGN. 34

" CHIẾC ÁO THU'ỜNG "

Kính yêu tặng Má và tặng các bà Mẹ

I

Một khúc đường đi một đoạn thơ,
Thơ ơi, hỡi bạn ! bạn ơi chờ...
Chờ tôi đến cuối con đường giốc,
Dốc hết tơ lòng dệt ý thơ.

II

Một mảnh lòng tôi dệt áo trinh,
Phơi trong gió sớm ngọt hương tình.
Còn say hơi nắng trong thôn vắng,
Nếu gió ngàn phương chẳng bắt bình.

III

Một thân một áo đã trăn chuyên,
Áo mỏng thân que những đảo điên,
Mặt trái cuộc đời đầy cạm bẫy,
Khổ lòng khi giữ áo trinh nguyên.

IV

Một mảnh lòng tôi dệt áo hồng,
Thăng trầm mỗi bước ngược Tây, Đông.
Bạc màu vẫn giữ hồn thanh bạch
Tuy áo còn in lớp bụi hồng.

V

Một mảnh lòng tôi nhuộm tóc tang,
Dù không khăn, áo, chẳng chay đàn.
Hai mươi năm lẻ dài đằng đẳng,
Một nén hương lòng chẳng chịu tan

VI

Ba chục năm dư ngược giốc đời,
Thân dâu già cõi, ruột tằm vơi.
Bao nhiêu xác áo sầu hoen ố,
Còn mảnh hồn trinh chẳng đổi dời.

VII

Hồn trinh gặp lại mảnh tình thơ,
Chấp mối duyên xưa đã hững hờ,
Chia cuộn tơ lòng ra lưỡng đoạn,
Đoạn này dệt lụa đắp nàng thơ.

VIII

Góp hết đoạn kia dệt áo thương.
Muôn đời tươi mãi với phong sương,
Cây kim màu nhiệm khâu muôn mối
Sợi chỉ thiêng liêng kết vạn đường.

IX

Tà áo thương yêu rộng, ấm, ngời l
Là lòng người mẹ khắp phương trời.
Bốn mùa ấp ủ đoàn con nhỏ,
Vững bước xông qua ngưỡng cửa đời;

X

Cửa đời đôi ngả cách Tây, Đông,
Mặc áo thương yêu luống chạnh lòng l
Nhớ mẹ xuân nào canh sắp lặn,
Vá lòng từ mũi dưới đèn chong,

XI

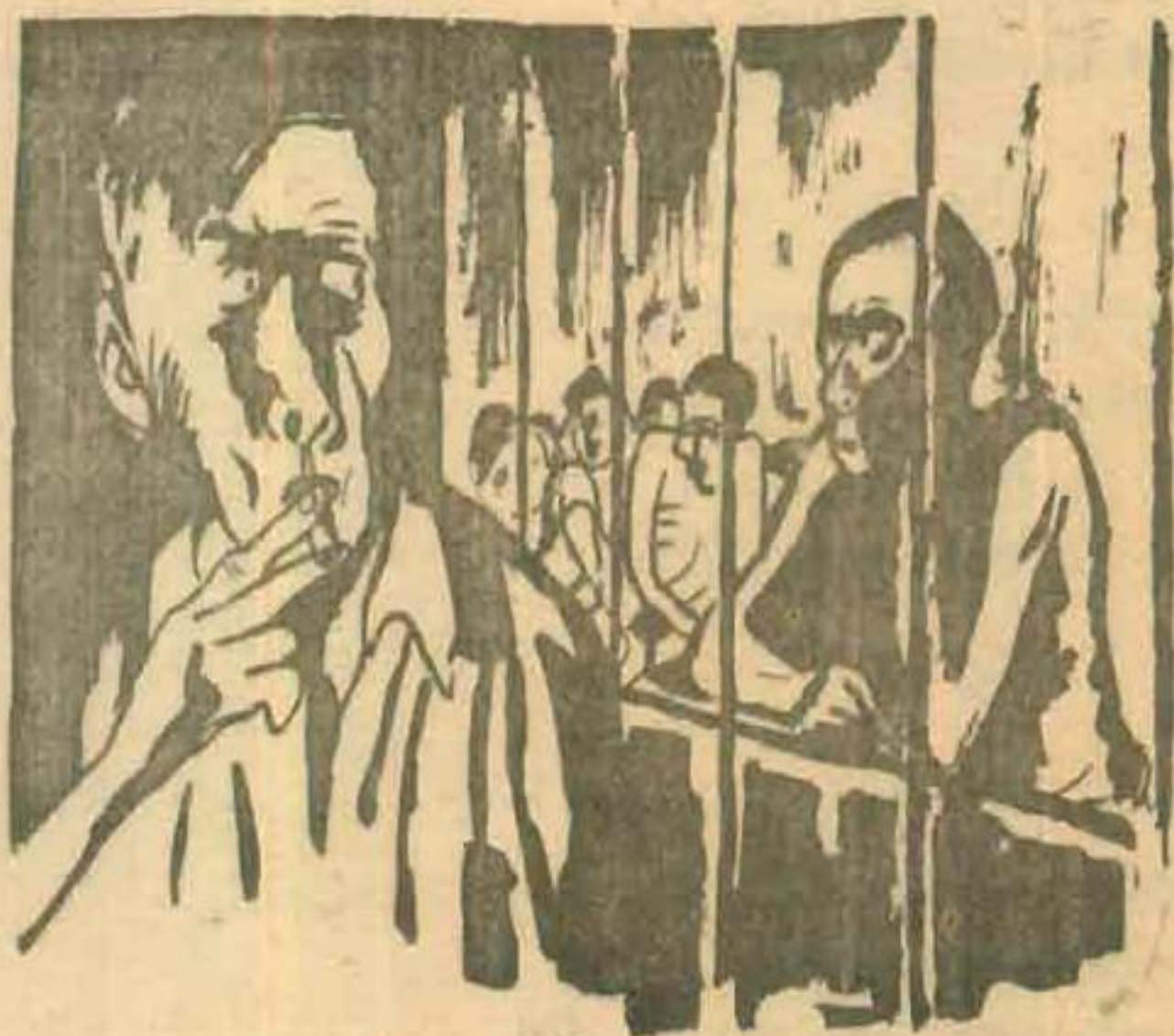
Mẹ ơi l sanh dưỡng nghĩa bao to l
Biết lấy chi đây để sánh, đo ?
Vú sữa con nuôi bầy cháu nhỏ
Là nguồn sống trước mẹ chuyền cho.

XII

Cho bước chơn đi khắp nẻo đời,
Bao nhiêu huyết mạch mẹ đầy vơi l...
Cõi trần chen chúc người thiên hạ,
Ai thoát tình thương tựa biển trời.

Ba-Lê 10-5-60

MỘNG-TRUNG



MẤU THUỐC LÁ

Hà nội 1953.

PHÒNG giam được ngăn ra làm hai. Ngăn ở giữa là một hàng rào thép tròn. Những cây thép tròn đã rỉ sét và luôn lạnh tanh. Phía trong để giam những phạm nhân đã thành án. Phía ngoài riêng cho những người còn đương bị thẩm-vấn.

Vũ được câu lưu ở phía ngoài. Anh có thể ung dung nằm một mình trên manh chiếu rách quan sát những người bị nhốt trong chiếc lồng sắt. Quả vậy, những con thú người bị nhốt trong một cái cũi sắt lớn ! Họ cuống chân nên phải đi đi lại lại luôn. Có người nóng quá cời trướng ra tổng ngổng. Thỉnh thoảng họ lại đưa mũi ra ngoài song sắt tuồng như để vớt vát lấy một chút khí trời từ ngoài đưa vào.

Vũ bắt gặp một cảm tưởng như đứng trước một chuồng khỉ trong một sở thú nào.

Tuy cách nhau có một gang tay và cùng bị câu lưu như nhau, Vũ cũng thấy mình ở một giai-cấp khác họ. Giai cấp của những người chưa phải vào trong chuồng thú.

Lại có lúc, Vũ thấy như họ với Vũ không phải là đồng loại nữa. Những con thú mắt thao láo kia, đầu tóc rậm rì, lông lá trên mặt, dưới bụng xồm xoàm như rồng kia, những bàn tay rờ-rẫm vào những thanh sắt một cách vô tri giác kia, đâu còn có gì « người » nữa.

Vũ thấy lờm-lợm ở đầu lưỡi, Anh nằm nghiêng ra phía ngoài để tránh khỏi phải nhìn vào cái đám người lúc-nhúc

BỊN RỊN

*Để tặng các anh chị em
sinh-viên miền Nam*

Ngày trở lại Huế-đô,
Còn say mộng hải hồ
Trên con tàu tìm hướng
Biết đi về nẻo mô.

Phút chia tay hôm nào.
Lòng sao thấy nao nao
Chừ đây buồn li-biệt
Nói chi thêm nghẹn-ngào,

Anh trở lại Sài-đô.
Tui về miền Hương-Ngự
Đường trường muôn vạn lý
Xa cách mấy sông hồ...

Mong gần trong thông cảm,
Chung xây dựng cơ đồ
Rạng danh nòi Lạc-Việt
Đem tài sức điếm tô.

Hẹn nhau ngày tái ngộ
Đại học Hè năm sau
Hỏi thăm đường tiến bộ,
Bắc Nam Trung: nhịp cầu...

THU-THU-TRI-LAN.

và các tham-dự viên miền Trung
(trên đường Đà-Lạt-Huế)
28-29-6-1960.

phía trong. Qua khe cửa sát mặt đất,
Vũ thấy được ánh nắng đương chan
chứa ngoài sân. Ánh nắng đầm-âm
ánh nắng thừa thãi...

Không bao giờ, chưa bao giờ Vũ thấy
yêu ánh nắng như vậy. Một vài tiếng
chim kêu lịch-chích ở đâu đó bên ngoài.

Vũ tưởng-tượng thấy chúng đương
xù lông ra sưởi nắng, hoặc đương đùa
nghịch ria lông cho nhau.

Bỗng nhiên, tim Vũ se lại. Một
thứ gì vừa dồn nóng lên mặt Vũ.
Một tà áo xanh lơ hàng mỏng, đôi
gấu quần lụa trắng phất-phơ ngang
qua ánh mắt Vũ, và... đôi bàn chân
ai gót tròn - trịn, phơn - phớt giáng
hồng nhẹ nhàng bước qua.

Vũ chỉ nhìn thấy có bấy nhiêu.
Anh đoán chừng người đàn bà nào
đó hẳn phải đẹp. Ồ, chính đôi bàn
chân trắng muốt đó đã làm mặt anh
nóng bừng, đã gọi lên trong anh
một nỗi ham muốn khó tả.

Đôi chân ai đi khuất. Vũ thầm
tiếc, sau này trong đời anh làm sao
mà biết đôi bàn chân đẹp đó là của ai.

Vũ lại quay mặt vào trong để
tránh một nỗi bứt-rứt xao động
trong lòng.

Tay anh rờ vào trong túi quần.
May quá, điều thuốc lá cuối cùng
nhăn-nheo còn sót lại đó. Anh rờ
lấy bao diêm trên túi áo.

Vũ bỗng ngừng tay vì có hai con
mắt nhìn anh trông trọc. Hai con
mắt thao-láo ghêch vào giữa hai
thanh sắt nhìn anh. Không, đúng hơn

MẦU THUỐC LÁ

là nhìn vào điều thuốc lá anh còn ngậm trên mép chưa quẹt lửa.

Da mặt hần vàng nhợt. Mặt hần dài như chảy nhều ra. Râu ria, đầu tóc hần bù-xù trông đen gớm.

Cứ trông mặt hần và cái miệng thâm xít của hần, Vũ cũng thừa đoán ra là hần thêm điều thuốc trên môi Vũ là chừng nào.

Vũ mỉm cười. Anh có một tia sung sướng của người có cái mà người khác thêm muốn. Anh lặng-lẽ rút que diêm ra khỏi vỏ. Đáng lẽ châm ngay điều thuốc thì Vũ lại để cho que diêm tắt. Anh lại đánh que diêm khác.

Ánh lửa nhỏ nhoi của ngọn diêm cũng đủ làm bật sáng lên một góc tối. Ánh mắt trong song sắt cũng theo đó mà lóe lên trong khoảnh khắc.

Vũ ngửa cổ rít một hơi thuốc dài, rồi thở khói mạnh thành một luồng phà về phía hần.

Hần nhấp nháy lỗ mũi, hếch lên như muốn đón lấy cả khói thuốc ấy. Hần đã liềm môi. Đích thực hần đã thêm quá rồi.

Cứ thế, hơi này đến hơi khác, Vũ thổi phà về phía hần. Mặt hần lúc trước lừ đừ bao nhiêu thì bây giờ lại tỉnh táo bấy nhiêu. Vũ thấy bức bối như khi đương ăn mà bị ai ngồi nhìn miệng anh nhai.

Điều thuốc cứ mòn đi dần. Vũ luôn luôn nghĩ rằng : Đây là điều thuốc

cuối cùng, nên càng về sau Vũ càng thấy ngon.

Khi điều thuốc chỉ còn chừng hơn đốt ngón tay thì Vũ thấy hần ngồi nhồm cả người dậy.

Hần muốn nói gì với Vũ. Hần dặng háng.

Vũ làm như không hay biết. Hần có giáng một con thú cứ xoay đi, xoay lại mãi trong cũi. Sau Vũ cũng quay về phía hần.

Hần chấp tay lại lạy Vũ một cái, rồi lấy tay trở vào mẩu thuốc trên tay Vũ.

A ! Thề này thì quá lắm ! Đã quây rầy để điều thuốc mất cả ngon lành nay lại còn đòi xin mẩu thuốc !...

Vũ chừng mắt nhìn hần. Anh đã có quyết định trong một giây. Mấy ngón tay Vũ chụm lại dụi mạnh tàn thuốc xuống mặt đất. Dụi mạnh đến mẩu thuốc bẹp dí, tòe ra.

Hần thất vọng. Mặt hần sệ ra. Hai mắt hần thao láo nhìn vào chỗ thuốc rơi rớt trên mặt đất.

Còn Vũ, anh khoan khoái như làm được một việc đắc ý. Vũ như đã trả thù được một cái gì. Cái gì đó thì không biết nhưng Vũ thấy trong lòng như có đôi chút hả hê...

MẶC-THU

BÁCH KHOA LXXXV

ẨN HIỆN

Qua mi mắt những tia vàng nhấp nháy
Cửa trắng thu hờ hững vén chân trời
Quyến tâm-tình câu bông quăng chơi vơi
Vương mây bạc gió vờn tan mộng trắng.

Tạm lãng trí quên vườn, hoa ấp bóng
Đêm trong xanh không ngại hạt sương băng
Cần chi ngắm ? biết hồng lan vẫn đó
Yên lòng, vin tiếng đế vọt cung trăng.

Vàng ngọc lánh sau rặng tùng u-nhã
Ánh hư-huyền nhưng biếc tỏa đầu non
Trốn giác-quan, tiềm-thức vẫn in tròn
Lướt bào ảnh thời-gian trôi sáng dịu.

Thấy, không thấy, hoa chìm hay trắng khuất
Gió ươm hương hay mây ngậm sắc mờ
Vẫn gần gũi, sẵn sàng đây, quanh quất
Cũng đủ rồi, yêu tỉnh lại yêu mơ...

Đ.T.

CHỈ CÓ ÁNH TRĂNG THANH ?

Bạn và tôi có phải tình-anh
Mà hận mang mang việc chẳng thành ?
Ai đã vút đi : nhà chẳng một,
Ta rồi nhìn mãi : nước hai manh ?
Tóc xanh mấy độ hồng bên lửa,
Chí đỏ bao năm nhạt chữ tình...
Gặp gỡ giữa đường thiên-lý bụi
— Lòng ta giờ chỉ có trăng thanh ?

NGUYỄN-NGU-Í

THANH KHÍ 3

— Gửi Bùi-Khánh-Đản
và Nguyễn-Văn-Thư

Rằng Hơi ? rằng Tiếng ? Hỡi hai Anh.
Cầu bắc tri-âm, nhịp dễ thành.
Lửa mộng duyên kim tròn phận cải ;
Niềm tin áo vải đẹp quần manh.
Hồng bay bãi tuyết im còn dấu ;
Núi vút dòng sông quặn nhớ tình.
Năm vận, hiên khuya, thao thức lắm :
« Đáo song, hàn vũ thấp vô thanh »... (1)

Sài-Thành một đêm mưa

GIẢN-CHI

(1) Thơ Tiết-Phùng.



BÀN TAY

(LA MAIN)

✱ HOÀNG-MINH-TRÍ (dịch)

HỌ ngồi quanh ông dự thẩm Bermutier. Ông đang bày-tỏ vài ý-kiến về một chuyện bí mật ở Saint-Cloud. Từ một tháng nay, vụ giết người ấy đã làm chấn-động thành Ba-Lê. Chẳng ai hiểu ra sao cả.

Ông Bermutier đứng tựa lưng vào lò sưởi, vừa nói vừa đưa ra những chứng cứ. Ông bản cãi luôn miệng, nhưng chưa đi đến kết luận nào.

Nhiều bà đứng hẳn dậy, lại gần ông, mắt nhìn chăm chú cái miệng cạo nhẵn của pháp-quan đang đưa ra những câu nói rất hệ trọng. Các bà run sợ, tay nắm chặt lại vì nhát nhưng cứ thích nghe, để sự kinh khủng đến ám ảnh tâm hồn và dày vò họ như một cơn đói.

Một trong các bà, mặt tái hơn hết, thốt lên trong lạng lẽ :

— Ghê gớm thật. Chắc là « ma ». Khó mà hiểu được.

Vị pháp-quan quay lại :

— Vâng, thưa bà có lẽ thế, khó mà hiểu được. Nhưng bà nói « ma », tôi nghĩ tiếng « ma » cũng không giải thích gì hơn được. Chúng tôi tưởng chẳng qua đó chỉ là một vụ giết người mà hung thủ đã bố trí trước sau rất tài tình, một màn bí mật bao trùm khó vén lên, vì còn nhiều điều khó hiểu rắc rối khác. Khi xưa tôi đã từng theo dõi một vụ cũng có tính cách ma quái len lỏi bên trong. Sau tôi phải bỏ cuộc, chỉ vì thiếu điều kiện cần thiết để đem ra ánh sáng công-lý.

Cùng một lúc, nhiều bà lao nhao nói lên như bằng một giọng :

— Gớm quá nhỉ. Xin Ông kể cho chúng tôi nghe.

Ông Bermutier mỉm cười nghiêm trang đúng như nụ cười của vị dự thẩm.

— Trước hết, xin các bà đừng tưởng lầm tôi cho chuyện này là một chuyện linh dị. Tôi chỉ tin những nguyên nhân thông thường. Để diễn tả cái ta không hiểu, thay vì tiếng « ma », tôi tưởng, ta nên đơn giản dùng tiếng « khó hiểu » thì hơn. Và sau hết câu chuyện tôi sắp kể với các bà, chỉ có những hoàn cảnh chuẩn bị bên ngoài làm tôi hơi bối rối. Và đây là câu chuyện :

Hồi ấy tôi được bổ làm dự thẩm ở Ajaccio, một tỉnh nhỏ trắng toát, nằm trong một cái vịnh rất xinh đẹp, xung quanh toàn núi rừng.

Ở đây, công việc chính của tôi là truy kích những vụ báo thù. Có những cuộc báo thù rất kỳ khôi, rất thê thảm, rất dữ tợn và rất anh hùng. Họ báo thù một cách ghê gớm ! Những mối thù hận nghìn đời nguôi đi, chứ không bao giờ tắt hẳn, thêm những mưu kế ghê gớm, những vụ giết người biến thành những vụ thẩm sát, và được coi như là những hành động rửa nhục.

Trong hai năm tôi chỉ toàn nghe nói đến giá máu, đến những thành kiến đáng sợ của người đảo Corse, họ nhất quyết sẽ trả thù ai đã nhục mạ họ, thù đến cả con cháu và người thân thích kẻ ấy. Tôi đã tận mắt trông thấy bao người già trẻ, bà con bị cứa cổ, đầu óc tôi còn chất đầy những chuyện ấy.

Một hôm, tôi được biết có một người Anh đến thuê ngôi biệt thự ở vùng hẻo lánh trong vịnh, rất dài hạn. Ông ta đem theo một người đầy tớ Pháp, muốn được lúc qua Marseilles.

Mọi người để ý dò la con người lạ lùng ấy, ông ta ở một mình, chỉ ra ngoài để

săn bắn hay đi câu. Ông chẳng nói chuyện với ai và không bao giờ ra đến tỉnh ; vào mỗi buổi sáng, ông để hai tiếng đồng hồ tập bắn súng lục và súng trường.

Ai cũng bàn tán về ông. Người ta cho ông là một nhân vật quan trọng trốn ra nước ngoài vì lý do chính trị hay có lẽ ông đã phạm một trọng tội khủng khiếp. Họ không ngần ngại gán cho ông những chuyện đặc biệt ghê gớm.

Với tư cách dự thẩm, tôi muốn thăm dò cho biết con người ấy. Nhưng chẳng rõ gì hơn. Và chỉ biết được ông ta tên là John Rowell.

Thôi tôi đành theo sát ông ấy, nhưng người ta bảo thật ra thì chẳng có gì đáng nghi kỵ.

Nhưng tiếng đồn đãi về ông cứ tiếp tục lan rộng trong dân, tôi nhất định gặp mặt, gặp mặt con người kỳ dị ấy, tôi bắt đầu la cà săn bắn quanh vùng nhà ông ở.

Tôi tìm dịp làm quen mãi không được. Đến sau, dịp ấy đến dưới hình thức một con chim đa đa. Tôi hạ được con chim ấy trước tầm súng của ông. Con chó của tôi chụp bắt lấy con chim và đem lại cho tôi. Tôi cầm lấy chim chạy lại xin lỗi đã làm ông hụt bắn và xin biểu lại.

Người ông ta cao lớn, tóc râu đồ hoe, tướng mạo khỏe mạnh như thần Hercule, tính tình bình tĩnh và lễ độ. Ông không có vẻ nhạt nhẽo lãnh đạm như người xứ sở ông. Ông cảm ơn nồng nhiệt hảo tâm của tôi bằng thứ tiếng Pháp nghe hơi nặng. Sau một tháng trời, chúng tôi nói chuyện với nhau đến năm sáu bận.

Một buổi chiều, khi qua trước nhà, tôi gặp ông đang hút thuốc trong vườn, trên một chiếc ghế. Tôi chào, ông mời tôi vào chơi uống cốc « bia ». Tôi không để ông nhắc thêm.

Ông tiếp đãi rất ân cần theo kiểu Anh-quốc, ông khen ngợi nước Pháp và xứ Corse. Ông tỏ ý ưa thích miền này và bờ biển ở đây.

Tôi rất thận trọng khi hỏi đến ít nhiều đời sống tư và ý định của ông. Ông trả lời không chút ngần ngại hay giấu giếm. Ông cho tôi biết ông đã du lịch khắp nơi : Phi-Châu, Ấn-độ và cả Mỹ - Châu. Ông vừa cười vừa nói tiếp :

— Tôi phiêu du nhiều lắm rồi ông ạ.

Sau tôi bắt sang chuyện săn bắn. Ông kể cho tôi nghe nào săn trâu nước, hổ và khỉ đột.

Tôi nói :

— Những loại thú ấy dữ tợn lắm.

Ông mỉm cười :

— Không, không, dữ tợn và ghê gớm nhất là giống người.

Ông phá lên cười, cái cười đặc chí của người Anh :

— Tôi cũng săn người nhiều lắm.

Rồi ông ta nói đến súng ống và mời tôi vào nhà chỉ tôi xem đủ loại.

Phòng khách, ông trải toàn thảm màu đen viền vàng. Ở giữa có những cánh hoa màu vàng chói lóng lánh như lửa.

Ông bảo :

— Đó là dạ Nhật-Bản đấy ông ạ.

Nhưng trong một chiếc vòng sắt khá lớn, có một vật làm tôi lạ mắt. Một vật đen

ngòm để ở giữa một mảnh nhung vuông màu đỏ. Tôi bước lại gần, thì ra một bàn tay, một bàn tay người. Không phải một bàn tay trắng và sạch, mà một bàn tay đen đui, các thớ thịt đã khô teo, móng tay vàng khè, vết máu khô cáu như đất, bàn tay ấy chắc đã bị chặt bằng một nhát rìu vào giữa khoảng cánh tay.

Quanh cổ tay một dây xích sắt to cột chặt cái chi-thể góm ghieéc ấy vào một vòng sắt treo trên tường đủ sức giữ nổi cả một con voi.

Tôi hỏi :

— Thưa ông, cái gì đấy ạ ?

Người Anh điềm tĩnh trả lời :

— Nó là kẻ thù số một của tôi, từ bên Mỹ-Châu. Tôi chặt nó bằng một nhát gươm lấy đá nhọn cào da rồi đem phơi nắng trong tám ngày. Nó là món đồ thích thú nhất của tôi.

Tôi rờ đến tận vật, có lẽ là của một người rất cao lớn. Những ngón tay thật dài còn dính mảnh da với những sợi dây gân rất to. Bàn tay trông thật ghê tởm, trầy trụa, làm ta liên tưởng ngay đến một cuộc báo thù hết sức man rợ :

Tôi nói :

— Người này chắc phải khoẻ lắm,

Ông ta đáp rất nhẹ nhàng :

— Có lẽ. Nhưng tôi còn khoẻ hơn hẳn. Tôi có xích này cột hẳn lại.

Tôi tưởng ông đùa nên nói :

— Ông còn xích làm gì, bây giờ nó chạy đâu được.

Ông John Rowell trầm giọng nói tiếp :

— Không, thưa ông, hẳn luôn luôn muốn trốn đấy, xích này cần lắm. Tôi liếc nhìn gương mặt ông và tự hỏi :

— Có lẽ y điên, hay y nói giễu để chọc mình.

Nhưng nét mặt ông vẫn khó hiểu, điềm tĩnh và hiền lành. Tôi lắng sang chuyện khác và khen ngợi súng của ông rất tốt.

Tôi nhận thấy trên bàn có ba cây súng sáu lắp đạn sẵn, hình như trong đờn, ông luôn luôn sợ bị tấn công bất ngờ.

Tôi còn lại nhà ông nhiều lần, sau chán rồi thôi. Thiên-hạ gặp ông luôn, và chẳng ai để ý nữa.

Một năm qua, vào một buổi sáng đầu Giêng, gã người nhà tôi lay tôi dậy và cho hay ông John Rowell đã bị giết chết hồi hôm rồi.

Nửa giờ sau, ông cảnh-sát và ông đại-úy hiến-binh cùng tôi vào nhà người Anh.

Tên người nhà ông lo sợ cuống-cuồng thất-vọng và đang than-khóc trước thẩm-cảnh. Ban đầu tôi có ý nghi hấn, song thật hẳn vô tội.

Chúng tôi không sao tìm được thủ phạm. Khi bước vào phòng khách của John Rowell, tôi liếc nhìn xác chết nằm ngửa ở giữa phòng trước hết. Chiếc áo gilet bị xé rách, tay áo bị kéo toạc ra, chứng tỏ đã có một cuộc vật lộn rất gay go.

Người Anh bị bóp cổ. Mặt mày xám xịt, sưng to trong rất dễ sợ, nét mặt tỏ ra hãi hùng đến khủng khiếp ; giữa hai hàm răng khép chặt, ông có ngậm một cái gì ; nơi cổ bị chọc thủng năm lỗ hình như bằng móng sắt, máu me ra nhầy nhụa.

Một lúc sau y-sĩ đến. Ông ta quan sát hồi lâu những vết tay trên cổ nạn nhân, ông tỏ vẻ ngạc nhiên nói :

— Có lẽ ông này bị một bộ xương người bóp chết.

Tôi lạnh xương sống, đưa mắt nhìn lên tường chỗ treo cái bàn tay ghê gớm và trầy trụa tôi đã thấy cách mấy tháng trước. Nó không còn ở đó. Chiếc xiềng đã bị bẻ gãy đang đeo lủng lẳng trên tường.

Lúc ấy tôi mới cúi xuống nhìn xác chết, trong cái mồm mím chặt, tôi thấy gần hai đốt ngón tay của bàn tay biến mất tích, hình như ai cắt chứ không phải là bị răng nghiền đứt.

Sau chúng tôi điều tra hung thủ. Nhưng chẳng khám phá được gì. Không một cửa nào bị bẻ khóa, cửa ra vào cũng như cửa sổ, ngay bàn ghế cũng không thấy suy chuyển tí nào. Hai con chó giữ nhà cũng chẳng hay biết.

Dưới đây là lời khai của tên người nhà :

Từ một tháng nay, y thấy chủ hình như có vẻ xao xuyến và lo lắng, ông nhận được nhiều thư từ, nhưng đọc xong thì đốt ngay.

Thỉnh thoảng ông lấy roi đánh ngựa quất tụi bụi cái bàn tay khô cọt ở tường, bàn tay biến mất cách bí mật ngay đêm ông chủ bị giết.

Ông hay đi ngủ rất khuya và đóng cửa cài then kỹ lưỡng. Ông luôn luôn có khí giới trên tay. Đêm đêm ông nói rất to như cãi cò với một người nào.

Đột nhiên, đêm hôm ấy, không nghe thấy một tiếng động nào. Người đầy tớ thấy ông John Rowell chết, lúc mở cửa sổ. Anh ta cũng không nghi cho ai cả.

Tôi báo cáo việc ấy lên cấp trên và các nhà chức trách công quyền. Họ lùng kiếm khắp nơi trong đảo rất tỉ mỉ. Nhưng chẳng thấy gì

Ba tháng, sau vụ giết người, một đêm tôi nằm thấy ác mộng kinh khủng.

Hình như tôi thấy cái bàn tay, cái bàn tay khủng-khiếp kia, hình thù giống như một con bọ cạp hay một con nhện khổng-lồ bò trên rèm cửa sổ và quanh tường. Ba lần tôi thức giấc, ba lần tôi ngủ lại là ba lần tôi thấy tàn vật ghê tởm ấy chạy quanh phòng với mấy ngón tay bò loe-ngoe như cẳng cầm thú.

Sáng hôm sau, người ta đem lại cho tôi cái bàn tay nhặt được ở bãi tha-ma bên huyết chôn ông John Rowell, vì không tìm được thân nhân của ông. Bàn tay thiếu mất ngón chỏ.

Đó thưa các bà, chuyện chỉ có vậy. Tôi không biết gì hơn nữa.

Mọi người thất-kinh, tái mặt, run rẩy. Một bà trong bọn nói lớn :

— Thưa ông, chúng tôi chưa hiểu kết-cấu của câu chuyện ra sao. Chúng tôi khó lòng ngủ yên trước khi được ông giải-thích.

— Vâng, thưa các bà, tôi mong sẽ phá hư giấc mộng ghê gớm đêm nay của các bà. Theo như tôi tưởng có lẽ là người chủ cái bàn tay ấy chưa chết, và có lẽ đêm ấy hắn ta muốn đến tìm nó với cánh tay còn lại. Tôi không biết hắn hành động ra sao. Nhưng đó chỉ là một kế trả thù.

Một bà thì-thăm :

— Không phải, chắc không phải thế.

Ông dự-thăm luôn luôn mỉm cười kết-luận :

— Thì tôi đã thưa trước với các bà, là giải-thích của tôi sẽ không vừa lòng các bà mà !

HOÀNG-MINH-TRÍ (dịch)

ĐÍNH - CHÍNH

Bài Lạc mai-hoa và Mai-hoa-lạc, trang 28, cuối trang :

Hai câu thơ của Lý-Bạch trích trong bài « Dữ sử-lang trung âm thỉnh Hoàng-hạc-lâu »

Xin đọc là :

Hai câu thơ của Lý Bạch trích trong bài « Dữ sử-lang-trung âm, thỉnh Hoàng-hạc-lâu thượng xuy dịch »

GIẤC MỘNG XUÂN

☆ VÂN-TRANG

M ẶT buồn hiu, Vân ngồi chồm hồm cạnh giàng mướt hương, lắng tai nghe tiếng trống thùm thùm vang lên từ phía chợ. Tiếng trống đánh nồn nả một hơi như hồi thúc rồi rơi dần, sau cùng thông thả như chờ đợi.

Vân tưởng như trong tiếng trống có một mãnh lực gì chuyển sang tất cả mọi người. Nhà bên cạnh, tiệm Tư Hoa đang lo giữ sẵn chiếu mùng để khuya coi hát về là ngủ ngay. Nhà trước mặt, bà giáo Hồi đang gò gắm bóai đầu tóc bánh lái thật cao, xút dầu dừa láng mướt. Cháu bà, thằng Hinh đi đôi guốc sơn mài mới tinh, nhìn chằm chằm vào đôi tay của bà nó đang uốn éo trên đầu tóc, hồi luôn miệng: « Được rồi mà nội, đi mau kéo hết giấy mà ! ».

Vân buồn quá, nước mắt muốn trào ra. Mười bốn tuổi đã lớn lao gì mà không được coi hát nữa. Hôm Tết, tiệm Biện Tý — má nó — nói với nó khi nó lên mừng tuổi chú tiệm: « Năm nay con mười bốn tuổi, lớn rồi, không còn con nít nữa đâu. Đừng có đọc tiểu thuyết, đừng coi hát cải lương nữa, nó hư đi. Năm nay gả chị mày rồi thì năm tới có người coi mắt mày rồi đó. Dù coi hát thì không tốn tiền cũng không nên đi, nghe con ! ».

Nó bất bình lắm, nhưng không dám nói gì, lủi thủi ra.

Bây giờ tiếng trống giục bên tai, mọi người đều nô nức. Khoanh tay trên gối, nó rầu rĩ nhìn giàng mướt hương, hoa vàng tai tái, lá xanh sẫm trong bóng trời hoàng-hôn. Vài con ong, cánh bướm muồn giờ, hút vội vàng mấy đóa hoa tươi nhất rồi rời đi, nhường chỗ cho giống bọ rầy đồ đã bắt đầu bay đến.

Lát nữa đây, khi mà mắt nó hết nhìn thấy hoa lá, bọ rầy thì ở đằng nhà chợ kia, đôi cánh màn vén ra, sân khấu sẽ trình bày biết bao nhiêu là cái đẹp ! Dù một gánh hát nghèo như gánh « Chấn-Hưng » đang hát đó đi nữa, thì ban đêm, dưới ánh đèn măng-xông, y-trang, mũ măng, phấn son, kèn trống, điệu bộ, lời ca, tất cả hợp lại cũng tạo nên một thế giới huyền-ảo say sưa, đề tài của bao nhiêu giấc mộng !

Năm ngoái, vở tuồng « Mạnh-Lệ-Quân » của ban Bầu Thắng đã làm cho nó ngẩn ngơ cũng đến chục ngày ! Ôi ! con người đóng vai Mạnh-Lệ-Quân sung sướng làm sao ! Đôi tay trắng muốt, khuôn mặt son phấn đẹp như hoa, vận bộ triều phục tể-tướng chớp rục rờ dưới ánh đèn, chị ta ngự trị từ sân khấu đến suốt bao nhiêu trái tim của khán giả.



Tiếng vỗ tay tán thưởng của đàn ông, tiếng chác lưỡi hít hà của đàn bà, cái nhìn ao ước của lũ trẻ cùng bao nhiêu cặp mắt say đắm của các chàng trai như đưa con người trên sân khấu lên tận mây xanh! Vân mê man thêm muốn! Ôi! làm sao mà hưởng được hạnh phúc đó! Cả nhà nó đều không ham cái lương mà lại còn có vẻ e-dè là khác. Cứ hễ con gái đưa nào sắp lớn thì trước nhất thiềm Biện lo cấm tiểu thuyết và cải-lương! Cho nên nó có chút hy-vọng nào

được hưởng cuộc đời lộng-lạc đó đâu! Áo quần đẹp, phấn son, khen ngợi, bao nhiêu thứ sung sướng ấy, thôi đành hưởng trong mộng vậy! Nó mơ-màng, tưởng-tượng đến đôi có lần chiêm-bao thấy mình đã là Mạnh-Lệ-Quân, làm tể-tướng, đẹp, giàu, sắm được cho ba má nó nhà ngói và trâu ruộng!

Khi tỉnh dậy, nó không hổ thẹn mà lại còn thấy thích thú nữa, bần thần mơ đến cả ban ngày.

Nó thay đổi vai tuồng theo vai trò nào nó thấy thích trên sân khấu. Nhưng luôn luôn là tài ba, quyền phép, đẹp đẽ và được hoan nghênh !

Một lần khác, nó chiêm bao thấy mình là Phàn-Lê-Huê phép thuật vô song. Nhớ đến cái thù thầy Cai Tổng Hựu tát chú Biện — ba nó — một cái ra máu mũi hồi năm ngoái, nó bèn đăng vân tới ngay nhà thầy Cai ở Rạch Ranh. Thấy thầy Cai đang lom khom sửa kiếng như thường nó vẫn thấy nhưng khi nó bơi xuống cho ba nó xuống nộp công văn, nó đáp xuống, giơ thẳng cánh tay tát vào mặt thầy Cai một cái như trời giáng. Trong giấc mơ, nó vừa toan đăng vân chạy trốn thì bỗng bên tai, nó nghe tiếng thiểm Biện thét :

— Trời đất ơi ? Coi con Vân ! Mày làm gì vậy Vân ? Cái răng của tôi đang nhức gần chết mà nó ngủ mơ, đập trúng một cái thấy sao trên trời !...

Càng nhớ lại nó càng buồn !... Nếu mãi không được nhìn sân khấu như thế này thì e mộng rồi cũng tắt ! Lấy gì mà làm đề tài, kiểu mẫu để mà mơ !

Đang bị cái buồn ray rứt, nó không chú ý tới Hải, anh rể tương lai của nó đã bước tới cửa. Thấy nó ngồi có vẻ bất thường, anh Hải cất tiếng hỏi :

— Sao ngồi buồn hiu vậy Vân ?

Nó chưa biết trả lời sao thì nghe tiếng chị nó nói nhỏ nhẹ :

— Nó muốn coi hát đó a anh ! Má không cho đi nên bào xạo chớ gì ?

Không biết anh ta thực tình thương hại Vân hay muốn mua lòng ý trung nhưn, anh móc các bạc đưa ra :

— Đây, anh cho, cầm đi. Để anh xin phép má giùm cho, đừng lo.

Vân bàng hoàng đứng dậy. Nó nghi ngại ngó anh nó một chút rồi bước tới cầm các bạc.

Năm phút sau, khi được phép hẳn hoi, nó vào buồng thay bộ quần áo mới, còn nghe tiếng thiểm Biện nói dưới nhà bếp :

— « Nể bụng anh mày cho đi một lần này thôi đó nghe, không được đòi nữa đa. Con gái mà coi hát riết thì rồi mê kép hát, hư hết. Có chồng con đăng hoàng rồi muốn đi coi kiết gì thì coi. »

Ở cái làng Thới-Long xa xôi quê mùa này thỉnh thoảng cũng có những gánh hát nghèo về diễn tại nhà lồng chợ. Họ cho phép đàn bà trẻ con hạng cá kèo được ngồi dưới đất ở khoảng trống giữa thượng hạng và sân khấu. Vân chán chỗ ngồi đó lắm rồi, vừa tê chân vừa mỏi cổ. Nên đêm đó, cô bé cầm theo chiếc ghế bố xếp. Nhưng khi mang vào rạp, anh sắp chỗ không cho để ở khoảng trống trước thượng hạng mà bảo phải để bên hông sân khấu, cạnh cánh gà ngăn giữa hậu trường và khán giả. Đêm hát ấy đã để cho Vân nhiều nghĩ ngợi.

Ấy là câu chuyện hai chàng công tử tại triều cùng cầu hôn một vị tiểu thư con quan thượng khanh. Sau khi một anh được nhận lời, anh kia tức lý bèn cùng với cha bày mưu hãm hại. Cả gia-đình tình địch đều bị hạ ngục, chỉ có anh chàng được đính hôn hôm ấy mặc sẵn quần trong rừng nên thoát khỏi. Anh ta liền đi luôn lên núi tìm tiên học đạo để ngày kia trở về báo thù. Sau ba năm khổ luyện anh chàng từ biệt thầy, hạ san chiêu binh mãi mã.

Anh kia ở trào được tin liền phái quân tướng ra phục kích, bao vây kẻ địch. Vì binh sĩ chưa rành chiến trận, anh chàng bên này thua to rồi, sắp phải bị bắt. May sao ngay lúc ấy, ông thầy anh trên núi bấm tay biết học trò bị nạn bên đằng vân xuống cứu. Anh kếp đóng vai ông thầy nguyên là thầy tuồng của gánh, cha ruột cô đào đóng vai tiểu thư. Vì mắc bệnh thổ huyết lâu năm, nên ông ốm ròm, trông có vẻ một nhà tu khổ hạnh lắm. Vàng mây mà ông cỡi là một sợi dây luộc thứ săn, nhỏ, bỏ từ hậu trường qua cây kéo cái của nhà chợ làng thấp thấp, vắt trên một con rổ rế, thòng xuống sân khấu. Thành ra khi anh chàng bị vây đang than thở một mình trên sân khấu, trong buồng quân địch la ó vang rân, thì thấy một ông tiên râu bạc dài, từ trên hạ xuống coi rất ngoạn mục. Khán giả nhà quê thích những pha có tánh cách ảo thuật như vậy. Ông thầy hạ xuống, dùng phép thuật biến hóa đánh tan quân địch, giải cứu học trò. Xong đâu đấy, ông bèn cho thêm đệ tử vài bữa rồi trở về. Trong khi anh chàng đồ đệ đang quì gối chấp tay kính cẩn tạ ơn thì tiên ông níu sợi dây luộc, đằng vân. Trong hậu trường, anh kếp đóng vai vua khi này, cỡi áo hoàng bào mang lên lưng ghế, mặc một áo thun với chiếc quần lụa trắng dài, đôi hia cùng chiếc mào chuỗi chai của vua cũng còn y trên người, anh khom lưng, ra sức kéo. Ông thầy đã thăng cao tới độ tám sớ thủy, sắp bỏ chân được trên cái thang đặt sẵn bên trong, bỗng nhiên sợi dây đứt, ông thầy rớt xuống sân khấu kêu một tiếng rầm kinh khủng, nằm sải tay chân. Anh đồ đệ đang mừng mẩn mẩn câu vọng cổ biệt ly, giục mình kêu thất thanh :

— Trời ơi ! chết bác Tám rồi !

Anh kéo dây hoảng hốt — với thân hình như vậy — nhảy càng ra sân khấu phụ lực với anh kếp khiêng nạn nhân vào buồng đặt trên mặt ba cái rương kê sát lại.

Anh kéo màn giựt một cái thật mạnh, hai tấm vải bông vừa chập lại thì bên trong, tiếng con gái nạn nhân — vị tiểu thư ngoài sân khấu — đã nghe thồn thức.

Cả hậu trường kinh hãi. Người thì xoa bóp, hơ lửa, người thì chạy ra xóm để xin thuốc cầm máu. Cứu cấp gần năm phút mới thấy ông hồi tỉnh, mở mắt, thở ra một hơi dài. Nhưng cùng với hơi thở, máu trong miệng tràn ra. Con gái ông rú lên một tiếng kinh hoàng rồi sức nhớ, cô nín lại, úp mặt lên ngực cha, nức từng cơn.

Anh kéo dây vốn là người yêu thật sự của cô gái, bối rối quá, bèn đề nghị một giải pháp :

— Phải rước thầy thuốc...

Rồi không để ai bàn tính, anh ra cửa sau hậu trường, đi thẳng vào xóm, quên hẳn thân hình kỳ dị của mình.

Sân khấu lại kéo màn, tiếp tục hát. Đây là lúc anh chàng bại binh khi này, nắm được mấy món bữa rồi mới, tập-hợp đám tàn binh thẳng tiến về kinh. Dọc đường, anh nói lời mấy câu than thân và nhớ thầy. Khổ cho anh, cứ đoạn nào nhắc tới ông thầy thì khán giả nhớ việc đứt dây, cười rần lên. Thậm chí bọn trẻ con ngồi ghé vào chiếu manh của mấy chị đàn bà, có đứa dám cất tiếng nói to, bắt chước giọng nói lời :

« Than ôi ! Sự phụ đã đứt dây lèo,
Phi trạo xương cũng là trặc cổ ».

Đang bị thảm hóa khôi hài, anh kếp lúng túng hết sức, nhưng cũng cố giữ bình tĩnh để hoàn thành màn hát. Tuy nhiên anh không giấu được hai tay hơi run và mồ hôi trán nhỏ giọt.

Anh vận dụng bửu bối, hô phong hoán vũ để áp đảo đối phương trong khi — sau lưng anh — người cho bửu bối tiếp tục sứa máu ra khoé miệng như con nít ọc sữa.

Người ta cay răng ông đồ vô nào lọ chào hòa nước, nào lá rau tần đâm vắt kẻo, nào thuốc hườn bao sấp nhưng không thứ nào ở trong bao tử ông được ba phút. Chúng theo máu trào ra. Người ta chỉ còn hy vọng nơi ông thầy thuốc mà vẫn chưa thấy tăm hơi gì !

Con gái ông khóc tỉ tê thảm thiết, bụm mặt nức nở trong chiếc mùi xoa, lem luốc cả phần.

Anh kếp ngoài sân khấu thảng được khán giả, kết được màn hát éo le ấy, vô buồng, cởi bộ nhung phục bằng vải chằng đằm đen chạy viền nỉ đỏ, lấy khăn tắm lau miệng bệnh nhân và hơi lửa đôi chân đã bắt đầu tê lạnh của ông, cùng ngóng ra cửa sau, trông đợi thầy thuốc.

Sẽ đến màn vua ra xét xử, hạ ngục bọn gian thần và phục chức cho gia-đình bị giam oan lâu nay. Người ta khiên ra sân khấu một cái bàn phủ nhiễu đỏ và một cái ghế đặt trên rầm cao chừng năm tấc phủ vải vàng, giả làm ngai vua. Đình thần sẽ đứng hai bên. Nhưng mọi người bỗng rụng rời mà nhớ ra rằng, ông vua đi rước thầy thuốc chưa về. Ngai mang theo mình cả hia mào và chiếc quần lụa trắng để mặc

cặp với áo hoàng - bào. Sau một hồi bối rối, người ta đành lựa một anh chạy hiệu khá nhất thay vào. Anh ta mặc hoàng - bào, lấy một đoạn nhiễu vàng quấn quanh đầu thế cho mào, mặc một quần vải đen và để chân trần. Người ta phải bỏ rầm, hạ ngai vua xuống thấp để Ngai dẫu cái quần vải đen và đôi chân trần xuống dưới gầm bàn.

Màn kéo ra, tân quân râu ria hân hời, vỗ án hải tội gian thần. Có lẽ nếu ông thuộc tường thì khán giả cũng xí xóa, tuy khi màn mới vệt ra, đã nghe có tiếng lào rào trong đám trẻ con : « Ông vua mới, không mào, tội bây ời ! »

Nhưng khổ nỗi ông không thuộc gì hết, mỗi câu đều phải đợi anh « nhưng » đứng sau tấm sơn thủy nhắc ra, nên ông nói đứt đoạn, hụt hơi như cậu bé học bài nháp nhem. Khán giả người lớn phản đối ồn ào. Trong khoảng hặng nhì, ba có tiếng la « Ê, vô học bài lại đi ». Ông vua bối rối, sợ hãi lộ ra mặt, thấy mà tội nghiệp. May sao, lúc ấy vị thượng khanh có cô tiểu thư được cầu hôn, lanh trí muốn cứu ông vua, bước ra tâu xin phục chức cho con rể và thỉnh một sắc chỉ tứ hôn. Ông nói trơn tru nên khán giả bằng lòng, im lặng nghe. Và nhờ đó, ông vua thoát nạn.

Bên trong, thầy thuốc vừa tới. Ông nhìn sắc diện, nắn tay chân bệnh nhơn rồi lấy miếng quế lặn trong lưng quần ra, xắt vài lát ngâm vào nước nóng cho uống.

Bà bầu bước lại bảo cô đào chánh — con gái bệnh nhơn :

— Có thầy thuốc rồi, không sao đâu, dậm mặt lại đi rồi ra tường. Còn màn chót, ráng lên mới được. Minh còn hát ở đây

hai đêm nữa, lời thôi thì mai một không còn đa.

Cô ta uể oải đứng dậy, đến ngồi trên chiếc ghế đẩu đặt trước một nắp rương có để sẵn đồ hóa trang, rồi, vừa tức tưởi vừa đánh phấn, vẽ mặt.

Màn cúi cùng là một màn đoàn viên đúng theo sở ý của khán giả thôn quê tính bốn thiện.

Cô tiểu thư tình duyên trắc trở được sum họp với phu quân lại được ân tứ phẩm phục phu nhơn. Cô tạ ơn vua, mặc áo thêu vào thì vừa lúc trong hậu trường, cha của cô tắt thở. Ông thở hắt một hơi dài, đưa từ ngực ra cả chén máu rồi nghẹt mũi, nghẹt ống thở, ông đi xuôi...

*
**

Từ đó, tiếng trống chiêu khách của các gánh hát không làm cho Vân nao nức nữa. Cả hình ảnh của Phàn-Lê-Huê, Lưu-Kim-Đỉnh, Mạnh-Lệ-Quân cũng đồng thời rời khỏi những giấc mộng đầu xuân.

Lớn lên, có chồng về đô thành, Vân cũng còn thích coi hát và thỉnh thoảng lui tới các rạp hát to; nhưng tuyệt nhiên không bao giờ tò mò nhìn vào hậu trường.

Có lẽ những kỷ niệm thời thơ ấu đã dạy Vân không nên để mắt qua phía sau của sân khấu, sân khấu cải lương cũng như mọi sân khấu.

VÂN-TRANG

ĐỈNH CHÍNH

Bách-Khoa số 80, trong truyện ngắn « Trăm quả dưa » của Bà Vân-Trang khi dồn khuôn ấn công đã để thiếu một đoạn sau đây, đầu khoảng cách (), trang 119, mong các bạn đọc ghi thêm giúp cho :*

Bài học của Bác tôi thật đích đáng và thực dụng. Dưa trồng tận ngoài ranh miếng vườn cau mênh mông, xa nhà hơn 2 cây số, không mấy khi săn sóc tới, nên trồng như vườn hoang. Sậy để mọc chung quanh dày bít, nước mưa đọng thành vũng to vũng nhỏ, rất thuận tiện cho sự sanh sống của loài rắn. Chúng đào hang trong đám sậy, sanh sôi nảy nở tự do, toàn là giống rắn độc.

Dưa tơ rất sai trái nhưng vì xa nhà và chỗ vắng vẻ quá, nên bị trộm luôn. Mà trộm chỉ bề ban ngày vì ban đêm sợ rắn.

Từ hôm có anh tôi « trấn thủ » tới nay, không mất nữa. Quày nào cũng sai hoẵng lại vừa đúng vóc, trông sừng mắt.

Nhưng khổ cho anh tôi, vốn là tay chơi mà bị cấm cố vào một nơi chỉ có cây và trời, buồn chết được.

Cho nên mấy hôm nay, thấy dưa đúng lứa, anh mừng lắm. Mừng vì sắp có tiền thì ít mà vì sắp được đi chơi nhiều.

Trần trọng xin cáo lỗi cùng bạn đọc và tác-giả.

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Những bài đã nhận được :

Nghề chài lưới trong ngôn ngữ (Nguyễn - Bạt - Tụy) — Cái hộp đựng tiền (Trung - Du) — Đợi chờ (Phương - Loan) — Đáy giếng (Lương-Ngọc) — Điền sách (Hữu-Phương) — Trở lạnh ; Cơn giông (Phương - Long Phạm - Lê - Phan) — Sầu cô đơn (Hoàng-Điệp) — Lạc lời (Mặc-Tùng-San) — Bản khoán (Hoàng-Oanh) — Tự tình (Nguyễn-Văn-Thư) — Xa em (Thanh-Bình) — Ông Gộc (Tịch-Liêu) — Hẹn mùa tái ngộ ; Cô nữ sinh bán báo (Lương-Trọng-Minh) — Ngủ, Cô liêu, Nghe như... (Nguyễn-Hàn-Sơn) — Thay đổi (Huỳnh - Tấn) — Vội sao trắng (Tâm - Đam) — Nguyên cầu (Kim-Thư) — Nhấn nhủ, Hoàng hôn (Tô-Hữu-Hạnh) — Giải thoát, Phút cuối cùng (N.P.T.) — Im lặng (Mặc-Tùng-San) — Lau, Tre, Sậy ; Triết giang (Hy - Thang P.Đ.K.) — Trắng lạnh, Nhớ thương (Trịnh-Quang-Phú) — Qua đèo Hải Vân ; Vịnh Ngũ Hành Sơn (Đặng-Ngọc-Thanh) — Đi cày (Nam-Hà) — Thu về, Yên Bái ca (Thanh-Thủy-Dương) — Về đi anh (Lưu-Phượng-Tử) — Cổ nhân (Khắc-Hồng) — Đêm dài, Nhớ quê (Hoa-Di N.P.T.) — Thương về miền Trung (Không-Gian) — Nửa đêm, Buồn vào thu, Tiếng buồn, Độc hành, Không nói bằng lời (Hàn-Song-Tân).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng) thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

Ô. Trọng - Toàn Nguyễn - Văn - Kiêm : Chúng tôi đã nhận được thư và bằng kê sửa lỗi chánh tả trên Bách-Khoa. Xin trân trọng cảm ơn ông.

Ô. Trung-Du : Đã nhận được thêm một truyện dịch nữa. Rất cảm ơn ông. Xin ông cứ gửi tiếp nữa cho.

Ô. Ô Văn-Hòa và Nhất-Anh (Huế) : Mong đợi tiểu thuyết rút ngắn TRANG của hai ông. Chúng tôi dễ thất-lạc địa chỉ hai ông nên không gửi thư riêng được. Xin cho lại địa-chỉ để tiện liên-lạc.— Đa tạ.

Ô. Kim-Giáp : « Bài thơ bỏ sót » sẽ đăng trên Bách-khoa số tới. Xin ông cho biết ngay tên thực và địa-chỉ hiện tại. Nếu ông có bài thơ, nói trong thư, bằng chữ hán xin gửi cho chúng tôi để tiện có bạn muốn dịch.

Anh Quách-Tấn (Nha-Trang) : P.C.T. có trao « Mùa cổ điển » của anh. Lại được « Thư - thơ » của anh. Nhưng sao chưa thấy bài họa của anh. Thơ của cháu, sẽ đăng ở « Bách-khoa » và « Mai ». Anh cho địa-chỉ cháu ở Saigon. Rất vui vì rõ anh liếc chớ chẳng trách tặng phẩm ngọt ngào mang tặng « giải-nhan ». Họ là thế mà chúng ta là thế, thì biết sao giờ ? Mà cái chánh, nói theo nhà thơ của « Phấn thông vàng » cái chách » là cho, còn đến hay không, cái đó tùy nơi lòng gió... »

*
* *

Cùng các bạn gửi bài : Tòa-soạn Bách-khoa trân trọng lưu-ý các bạn nên ghi ở dưới bài, ngoài bút-hiệu, tên thực và địa-chỉ hiện tại để tòa-soạn tiện liên-lạc hội-ý thêm, hoặc gửi nhuận bút sau khi đăng bài Đa tạ.

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Bách-khoa vừa nhận được

- « Hai cánh hoa tim » thi phẩm đầu tiên của Song-Hồ, minh họa của Duy-Thanh, ảnh bìa của nhiếp ảnh gia Cao-Đàm. Thi phẩm trình bày trang nhã, bản đặc-biệt giấy blanc fin không ghi giá.
- « Chồng Con tôi », truyện ngắn của Duy-Lam do Phụng-Giang xuất-bản. Sách dày 144 trang. Giá 33\$
- « Men chiều » truyện ngắn của Nguyễn-Thị-Vinh, Phụng - Giang xuất-bản. Sách dày 94 trang, giá 30\$.
- « Đại-số-học », chương-trình đệ-nhi khoa-học thực - nghiệm do ô.ô. Nguyễn - Phúc và Đặng-Văn-Nhân giáo-sư Trung - Học Chu-Văn-An biên-soạn và nhà xuất-bản Thế-sự gửi tặng. Sách dày 198 trang. Giá 55\$
- « Phương pháp làm analyse » của giáo sư Trần-Thừa-Dụ soạn và nhà xuất-bản Yên-Sơn gửi tặng, sách dày 72 trang.
- « Địa-lý lớp nhất » của Ô. Nguyễn-Hồng soạn theo chương trình mới, dày 186 trang có phụ nhiều địa đồ màu, đen, và hình ảnh, giá 25\$
- « Luật lệ nội thương » tài liệu kinh-tế phổ-thông về thể lệ nội-thương do bộ Kinh-tế ấn-hành và gửi tặng.
- Vấn-đề sản xuất đường ở Việt-Nam của bộ Kinh-tế ấn-hành và do Lam Sơn Lê-Tấn-Lợi, và Chấn - Hưng kinh-tế xuất-bản.
- « Mầm sinh lực mới » thi phẩm của Lam-Sơn gồm 30 bài thơ, nhiều đề tài mới. Bản đặc biệt, không ghi giá.
- Bản dịch « Bác-sĩ Zivago » nguyên-tác của Boris Pasternak do ô.ô. Văn-Trị và Mậu-Hải dịch theo nguyên bản chữ Ý và Mặt-trận Bảo-vệ Tự-

Do Văn-Hóa xuất bản, gửi tặng. Sách dịch sát theo nguyên-bản, tôn trọng nguyên bản, tư-tưởng, cách bố cục và hành văn của tác giả. Ấn loát monotype mỹ thuật. Dày 668 trang, giá 150\$

- « Mùa cỏ diên » của Quách-Tấn. in lần thứ hai, thêm nhiều bài mới, bìa và nền do họa-sĩ Phạm-Đặng-Trí minh họa, trong loại Hương-Đất-Nước, do nhà Tân-Việt xuất-bản. Trình bày trang nhã và cổ kính, do tác giả gửi tặng. Giá 70\$
- « Tân-xuân tùy bút » của Lê-văn-Siêu, do Nguyễn-Đình-Vượng xuất bản, giá 25\$
- « Hình - học » Đệ-Thất, soạn theo chương - trình hiện - hành, do Nguyễn-Biên, giáo-sư Toán - học kiêm hiệu-trưởng trường Chấn-Hưng soạn. Giá 25\$
- « Phương pháp làm Analyse và Parse Anh-Ngữ » của giáo sư Quốc-Mỹ soạn, nhà sách Yên-Sơn gửi tặng. Sách dày 66 trang giá 26đ.
- Vô cùng, thơ của Đào-Minh-Lượng do ông Thế-Phong gửi tặng. Loại sách quay Ronéo của Sùng-Chính-Viện, không ghi giá.



BÁO MỚI

Chúng tôi nhận được :

- Tạp chí văn nghệ Mă - Thương bộ mới tục bản số 10, do ông Vũ-Đình-Chi làm chủ nhiệm và ông Phan-Phong-Chinh, giám-đốc chủ biên.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc và chúc Mă-Thương tục bản được nhiều sự may mắn.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm ừ 300\$ đồng trở lên.

Spring



Thuốc thơm điếu dài :
"MÙA XUÂN"
HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

GIÁ*
BÌNH DÂN
10%

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bà o - H i ể m

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS —

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

IMPRIMERIE NOUVELLE

D'EXTRÊME - ORIENT

(INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.821 — Boite postale : 276

1, Duong Nguyen-Sieu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES, TOUS IMPRIMES DU COMMERCE,
REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES,
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR,
TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

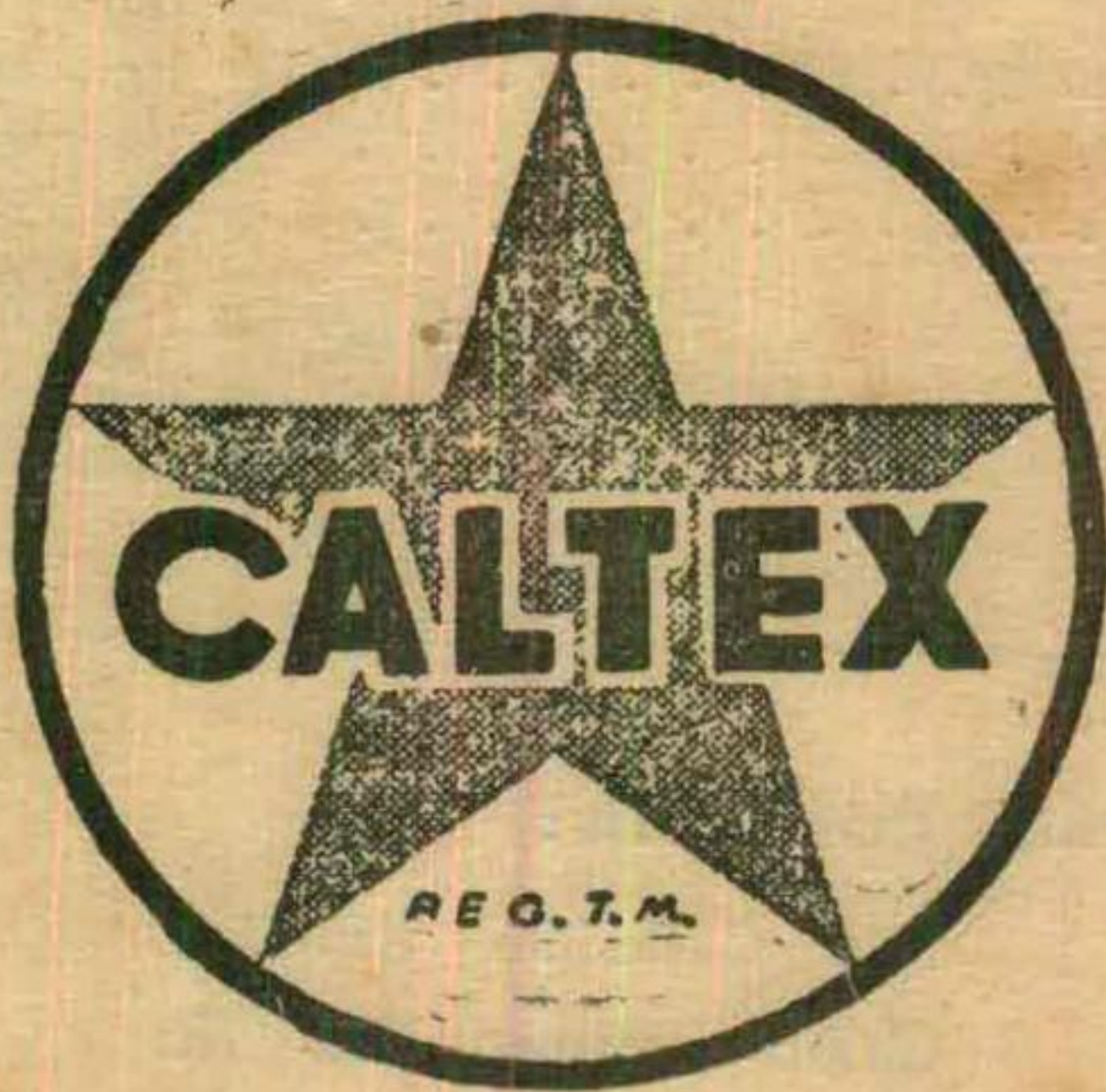
MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO

"DOREL"

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

NHÓM BÚT VIỆT
VIETNAM P.E.N. CLUB

Trung-Tâm Việt-Nam của Tờ-Chức Văn-Bút Quốc-Tế
36/59 Cỏ Bắc
SAIGON

Trung-Tâm Việt-Nam của hội Văn-Bút Quốc-Tế, trong hai phiên Đại Hội-Đồng thường Niên, tại trụ sở số 36/59 đường Cỏ Bắc Saigon, ngày 4 và 11/6/1960, đã bàn lại ban Thường Trục như sau :

Chủ Tịch	ÔÔ. Đỗ-Đức-Thu
Phó Chủ Tịch.	Phạm-Việt-Tuyền Đái-Đức-Tuấn
Tổng Thư Ký.	Nghiêm-Xuân-Việt
Thủ Quỹ.	Nguyễn-Văn-Giậu
Thư Ký	Nguyễn-Hoạt Nguyễn-Hữu-Ngữ

Saigon, ngày 17 tháng 6 năm 1960.

Tổng Thư Ký
Nghiêm-Xuân-Việt

Một Phim COLUMBIA :

THE CRIMSON KIMONO
Chiếc Kimono Đỏ Tía

Tài tử chính : Victoria Shaw
James Shigeta
Glenn Corbett

Khởi chiếu ngày 21 - 7 - 1960

Rạp :	Majestic Olympic Palace	} SAIGON CHOLON
--------------	-------------------------------	--------------------

Hút Thuốc Thơm

Mã nhất tâm



Sáng Tinh Thần

Văn -

- Nghệ -

- Sĩ

GIÁ HẠ

15\$



ВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОА
ВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОА

百
科
雜
誌

Chủ-nhiệm : PHUOC-TUANH
Quản-nhiệm :

Chủ-nhiệm : HUYNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn :
160, Phan-Đinh-Phùng — Sài-gòn
Điện thoại : 25.539

In tại nhà In VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hưng-Dạo — SAIGON

Giá : 10\$
Công sở : 15\$